



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

# HỎI - ĐÁP VỀ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM KHI THAM GIA TPP



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



**HỎI - ĐÁP**  
**VỀ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**  
**ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**KHI THAM GIA TPP**

## HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng  
PGS.TS. PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng  
PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên  
TRẦN QUỐC DÂN  
TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI  
TS. NGUYỄN AN TIÊM  
NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**PGS. TS. PHẠM QUỐC TRUNG**  
**PGS. TS. PHẠM THỊ TÚY (Đồng chủ biên)**

**HỎI - ĐÁP**  
**VỀ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**  
**ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  
**KHI THAM GIA TPP**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Hà Nội - 2016

## TẬP THỂ TÁC GIẢ

- PGS. TS. Phạm Quốc Trung
- PGS. TS. Phạm Thị Túy (Đồng chủ biên)
- Hà Thị Vân Anh
- Nguyễn Thị Quỳnh Anh
- Nguyễn Minh Hải
- Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Nguyễn Thị Minh Thu
- Đinh Trung Sơn
- Đỗ Hồng Việt
- ThS. Vũ Ngọc Thanh

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một hiệp định thỏa thuận thương mại tự do giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mục tiêu chính của Hiệp định TPP là xóa bỏ các loại thuế và rào cản cho hàng hóa, dịch vụ, xuất - nhập khẩu giữa các nước thành viên. Khi tham gia Hiệp định TPP, Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận nguồn thị trường chung rộng lớn toàn cầu. Đây được coi là cơ hội lớn cho nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam hiện đã và đang có mặt tại thị trường các quốc gia thuộc khối TPP. Tuy nhiên, cùng với cơ hội đó, TPP cũng đặt ngành nông nghiệp Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức khi nhiều sản phẩm nông nghiệp phải cạnh tranh gay gắt từ hàng hóa của các quốc gia thành viên. Cơ hội song hành cùng thách thức từ TPP đang tạo ra một “đấu trường” mới buộc ngành nông nghiệp Việt Nam phải nâng cao sức mạnh nội lực, tăng khả năng cạnh tranh. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, TPP sẽ mang lại cơ hội phát triển nông nghiệp hàng hóa cho các nước thành viên là rất lớn.

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về những vấn đề trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Hỏi - đáp về thuận lợi và khó khăn đối với nông nghiệp Việt Nam khi tham gia TPP*.

Nội dung cuốn sách cấu trúc dưới dạng các câu hỏi và trả lời được diễn đạt rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu; và được chia làm 2 phần: *Phần I* giới thiệu tổng quan về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương; *Phần II* đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tới ngành nông nghiệp. Trong mỗi phần, tác giả cũng nhóm các câu hỏi và trả lời thành các lĩnh vực cụ thể để bạn đọc dễ theo dõi.

Nội dung của Hiệp định TPP có phạm vi điều chỉnh rộng, bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm, rào cản kỹ thuật, chính sách cạnh tranh, sở hữu trí tuệ,...; và còn có một chương trình về hợp tác và hai văn kiện đi kèm về hợp tác môi trường và hợp tác lao động. Trong quá trình biên soạn, các tác giả và những người biên tập đã có nhiều cố gắng song khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Nhà xuất bản và tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 8 năm 2016*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



## MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i> .....	5
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	23
<b>THUẬT NGỮ</b> .....	25
<b>GIỚI THIỆU VỀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG</b> .....	29
Câu hỏi 1: Quá trình hình thành Hiệp định TPP như thế nào? .....	29
Câu hỏi 2: Mục đích tham gia của các nước thành viên TPP là gì? .....	30
Câu hỏi 3: Thời gian Hiệp định TPP bắt đầu có hiệu lực từ khi nào? .....	31
Câu hỏi 4: Nội dung Hiệp định TPP đề cập đến những vấn đề gì? .....	31
<b>PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG</b> .....	33
<b>1. NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ QUỐC GIA VÀ MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG</b> .....	33
<b>Nguyên tắc đối xử quốc gia</b> .....	33
Câu hỏi 5: Nguyên tắc đối xử quốc gia là gì? .....	33
Câu hỏi 6: Các cam kết phải thực hiện theo Nguyên tắc đối xử quốc gia của Hiệp định TPP là gì? .....	33
Câu hỏi 7: Nguyên tắc đối xử quốc gia tác động như thế nào tới các nước trong và ngoài khối TPP? .....	35
<b>Xóa bỏ, cắt giảm thuế quan</b> .....	37
Câu hỏi 8: Thuế quan là gì? .....	37
Câu hỏi 9: Mục đích của thuế quan là gì? .....	37
Câu hỏi 10: Có những phương thức tính thuế quan nào? .....	38

Câu hỏi 11: Hiệp định TPP quy định như thế nào về việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan? .....	38
Câu hỏi 12: Tác động của việc xóa bỏ thuế quan đối với hoạt động thương mại giữa các nước trong và ngoài khối TPP? .....	39
<b>Xóa bỏ, cắt giảm một số rào cản phi thuế quan.....</b>	<b>40</b>
Câu hỏi 13: Hạn chế đối với xuất khẩu và nhập khẩu là gì? .....	40
Câu hỏi 14: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hạn chế đối với xuất khẩu và nhập khẩu?.....	41
Câu hỏi 15: Trường hợp ngoại lệ nào được phép hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu? .....	41
Câu hỏi 16: Cấp phép nhập khẩu là gì?.....	42
Câu hỏi 17: Hiệp định TPP quy định như thế nào về cấp phép nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường? .....	42
Câu hỏi 18: Hạn ngạch thuế quan là gì?.....	43
Câu hỏi 19: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hạn ngạch thuế quan? .....	43
Câu hỏi 20: Hiệp định TPP quy định như thế nào về lệ phí và thủ tục hành chính?.....	44
<b>Biện pháp phòng vệ thương mại .....</b>	<b>45</b>
Câu hỏi 21: Biện pháp phòng vệ thương mại là gì? .....	45
Câu hỏi 22: Biện pháp tự vệ là gì? .....	45
Câu hỏi 23: Thế nào là “Thiệt hại nghiêm trọng” và cách xác định “Thiệt hại nghiêm trọng”? .....	46
Câu hỏi 24: Biện pháp tự vệ chuyển tiếp là gì?.....	47
Câu hỏi 25: Điều kiện để áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp là gì?.....	47
Câu hỏi 26: Các biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định của Hiệp định TPP?.....	47
Câu hỏi 27: Thời gian có hiệu lực của biện pháp tự vệ chuyển tiếp là bao lâu? .....	48

Câu hỏi 28: Tác động của việc áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đối với nước nhập khẩu là gì?.....	49
Câu hỏi 29: Tác động của việc áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đối với nước xuất khẩu là gì?.....	49
Câu hỏi 30: Bán phá giá là gì?.....	50
Câu hỏi 31: Thuế chống bán phá giá là gì?.....	50
Câu hỏi 32: Trợ cấp là gì? .....	50
Câu hỏi 33: Thuế chống trợ cấp được áp dụng khi nào?.....	51
Câu hỏi 34: Các trường hợp trợ cấp nào bị kiện và không bị kiện?.....	52
<b>2. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG ...</b>	<b>53</b>
<b>Quy tắc xuất xứ</b> .....	<b>53</b>
Câu hỏi 35: Quy định về xuất xứ hàng hoá là gì?.....	53
Câu hỏi 36: Vì sao cần phải có quy định về xuất xứ hàng hoá?.....	53
Câu hỏi 37: Các trường hợp nào hàng hoá được xem là có xuất xứ?.....	53
Câu hỏi 38: Các trường hợp nào hàng hoá được xem là có xuất xứ thuần túy?.....	54
Câu hỏi 39: Các phương pháp tính hàm lượng giá trị khu vực là như thế nào?.....	55
Câu hỏi 40: Cách tính giá trị nguyên liệu sử dụng trong sản xuất như thế nào?.....	57
Câu hỏi 41: Quy định về hàm lượng không đáng kể là gì? .....	57
Câu hỏi 42: Một số lưu ý về quá cảnh và trung chuyển là gì?.....	58
Câu hỏi 43: Những quy định liên quan đến giấy chứng nhận xuất xứ là gì?.....	59
Câu hỏi 44: Những trường hợp nào được miễn giấy chứng nhận xuất xứ?.....	61

Câu hỏi 45: Nghĩa vụ của Bên nhập khẩu đối với xuất xứ hàng hoá là gì? .....	61
<b>Vệ sinh và kiểm dịch</b> .....	62
Câu hỏi 46: Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì? .....	62
Câu hỏi 47: Vai trò của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì? .....	63
Câu hỏi 48: Các nguyên tắc khi áp dụng biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì? .....	63
Câu hỏi 49: Hiệp định TPP quy định cơ quan nào giám sát việc thực hiện các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch? .....	64
Câu hỏi 50: Một số ví dụ không phải biện pháp vệ sinh và kiểm dịch? .....	64
Câu hỏi 51: Cơ quan nào chịu trách nhiệm về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch tại Việt Nam? .....	65
Câu hỏi 52: Tổ chức nào chịu trách nhiệm đưa ra các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch? .....	65
<b>Rào cản kỹ thuật đối với thương mại</b> .....	66
Câu hỏi 53: Các rào cản kỹ thuật đối với thương mại là gì? .....	66
Câu hỏi 54: Có những loại rào cản kỹ thuật nào? .....	66
Câu hỏi 55: Nội dung các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật thương mại? .....	67
Câu hỏi 56: Các loại hàng hoá nào thường là đối tượng của các biện pháp kỹ thuật? .....	67
Câu hỏi 57: Phân biệt các biện pháp kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch? .....	68
Câu hỏi 58: Những nguyên tắc khi áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thương mại là gì? .....	69
Câu hỏi 59: Tổ chức nào chịu trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế thông dụng hiện nay? .....	70
<b>Lao động</b> .....	70
Câu hỏi 60: Mục đích của quy định về lao động trong Hiệp định TPP là gì? .....	70

Câu hỏi 61: Các quyền lao động cơ bản trong Hiệp định TPP là gì?.....	71
Câu hỏi 62: Những văn bản nào của ILO quy định về 4 quyền lao động cơ bản? .....	72
Câu hỏi 63: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hàng hóa sản xuất từ quy trình có sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em? .....	73
Câu hỏi 64: Hợp tác trong vấn đề lao động giữa các quốc gia thành viên được quy định như thế nào trong khối TPP? .....	74
Câu hỏi 65: Cơ chế thực thi các cam kết lao động trong Hiệp định TPP được quy định như thế nào?.....	75
<b>Môi trường</b> .....	75
Câu hỏi 66: Quy định về môi trường trong Hiệp định TPP hướng tới mục tiêu gì? .....	75
Câu hỏi 67: Những nghĩa vụ về môi trường Việt Nam cần thực thi theo Hiệp định TPP là gì? .....	76
<b>Sở hữu trí tuệ</b> .....	76
Câu hỏi 68: Sở hữu trí tuệ là gì? Quyền sở hữu trí tuệ là gì? ..	76
Câu hỏi 69: Bản chất của bảo hộ sở hữu trí tuệ là gì? ...	77
Câu hỏi 70: Đối tượng của bảo hộ sở hữu trí tuệ là gì? .....	77
Câu hỏi 71: Quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP có thể gây ra những tác động gì đến Việt Nam?.....	78
Câu hỏi 72: Những sai lầm phổ biến về sở hữu trí tuệ mà các nhà xuất khẩu thường mắc phải là gì? .....	79
Câu hỏi 73: Theo quy định của Hiệp định TPP, nhãn hiệu là gì? .....	81
Câu hỏi 74: Những đối tượng nào có thể không được bảo hộ làm nhãn hiệu?.....	82
Câu hỏi 75: Việc đăng ký nhãn hiệu có ý nghĩa như thế nào?.....	83

Câu hỏi 76: Hiệp định TPP quy định thời hạn bảo hộ nhãn hiệu là bao lâu?.....	84
Câu hỏi 77: Thủ tục đăng ký nhãn hiệu như thế nào? ....	84
Câu hỏi 78: Chỉ dẫn địa lý là gì? .....	86
Câu hỏi 79: Phân biệt chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu như thế nào? .....	86
Câu hỏi 80: Đặc trưng của chỉ dẫn địa lý là gì? .....	87
Câu hỏi 81: Nguyên tắc bảo hộ chỉ dẫn địa lý áp dụng trong Hiệp định TPP là gì?.....	88
Câu hỏi 82: Bảo hộ sáng chế là gì? .....	89
Câu hỏi 83: Đối tượng nào được và không được bảo hộ sáng chế theo quy định của Hiệp định TPP?...	89
Câu hỏi 84: Thế nào là sản phẩm hóa nông mới, sản phẩm dược mới?.....	90
Câu hỏi 85: Hiệp định TPP quy định thế nào về việc bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm dược? .....	91
Câu hỏi 86: Quy định về bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm dược đem lại lợi ích gì? .....	92
<b>3. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỂ CHẾ</b> .....	92
<b>Chính sách cạnh tranh</b> .....	92
Câu hỏi 87: Quy định về chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP nhằm mục tiêu gì?.....	92
Câu hỏi 88: Nội dung chính của quy định về chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP là như thế nào?...	93
Câu hỏi 89: Một số nguyên tắc trong chính sách cạnh tranh theo quy định của Hiệp định TPP là gì?.....	93
Câu hỏi 90: Chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP mang lại cơ hội và thách thức gì đối với Việt Nam?.....	94

<b>Quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại .....</b>	<b>95</b>
Câu hỏi 91: Mục đích của quy định về quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại trong Hiệp định TPP là gì? .....	95
Câu hỏi 92: Nội dung chính của quy định về quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại là gì? .....	96
<b>Hợp tác và xây dựng năng lực .....</b>	<b>97</b>
Câu hỏi 93: Mục đích và nội dung của quy định về hợp tác và xây dựng năng lực trong Hiệp định TPP là gì? .....	97
Câu hỏi 94: Các lĩnh vực hợp tác và xây dựng năng lực trong Hiệp định TPP là gì? .....	97
<b>Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh.....</b>	<b>98</b>
Câu hỏi 95: Mục đích của việc tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh là gì? ...	98
Câu hỏi 96: Nội dung của quy định về tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh là như thế nào? .....	98
<b>Doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền.....</b>	<b>99</b>
Câu hỏi 97: Quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của Hiệp định TPP nhằm mục đích gì? .....	99
Câu hỏi 98: Nội dung quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của Hiệp định TPP là gì? .....	100
Câu hỏi 99: Quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của TPP có tác động gì tới hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam? .....	102
<b>Doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</b>	<b>103</b>
Câu hỏi 100: Hiệp định TPP quy định thế nào về trách nhiệm của quốc gia thành viên trong việc giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận thông tin về Hiệp định? .....	103

<b>Mua sắm công</b> .....	103
Câu hỏi 101: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực mua sắm công là như thế nào? ...	103
<b>Minh bạch và chống tham nhũng</b> .....	104
Câu hỏi 102: Mục đích của quy định về sự minh bạch và chống tham nhũng là gì? .....	104
Câu hỏi 103: Nội dung chính của quy định về sự minh bạch và chống tham nhũng của Hiệp định TPP là như thế nào? .....	104
<b>Phát triển</b> .....	105
Câu hỏi 104: Mục tiêu phát triển của Hiệp định TPP là gì? 105	
<b>Sự đồng nhất trong quản lý</b> .....	106
Câu hỏi 105: Mục đích của Hiệp định TPP khi đưa ra các quy định về sự đồng nhất trong quản lý là gì? .....	106
<b>Giải quyết tranh chấp</b> .....	106
Câu hỏi 106: Phạm vi áp dụng và cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Hiệp định TPP như thế nào?.....	106
Câu hỏi 107: Có các hình thức giải quyết tranh chấp nào? .....	107
Câu hỏi 108: Những quy định về giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực cụ thể là gì? .....	109
<b>4. QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ</b> .....	110
<b>Dệt may</b> .....	110
Câu hỏi 109: Tại sao Hiệp định TPP lại có một chương riêng về dệt may?.....	110
Câu hỏi 110: Những nội dung chính mà các nước khối TPP đàm phán đối với ngành dệt may là gì?....	111
Câu hỏi 111: Quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may được Hiệp định TPP quy định như thế nào? .....	111
Câu hỏi 112: Ngành dệt may Việt Nam sẽ gặp những thuận lợi và khó khăn gì khi tham gia TPP? ....	113



<b>Đầu tư</b> .....	114
Câu hỏi 113: Nội dung quy tắc đối xử với nhà đầu tư của Bên tham gia Hiệp định TPP là như thế nào? .....	114
Câu hỏi 114: Quy định về trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư trong Hiệp định TPP là gì? .....	115
<b>Thương mại dịch vụ xuyên biên giới</b> .....	115
Câu hỏi 115: Quy tắc đối xử với nhà cung cấp dịch vụ trong khối TPP là gì?.....	115
Câu hỏi 116: Các hành vi không được phép áp đặt lên các nhà cung cấp dịch vụ thương mại xuyên biên giới là gì? .....	116
<b>Dịch vụ tài chính</b> .....	116
Câu hỏi 117: Nội dung quy tắc đối xử với nhà cung cấp dịch vụ tài chính trong khối TPP là như thế nào? .....	116
Câu hỏi 118: Các hành vi không được phép áp đặt lên các nhà cung cấp dịch vụ tài chính là gì? ..	117
<b>Viễn thông</b> .....	117
Câu hỏi 119: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực viễn thông như thế nào .....	117
<b>Thương mại điện tử</b> .....	118
Câu hỏi 120: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực thương mại điện tử như thế nào? .....	118
<b>PHẦN II: TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP</b> .....	119
<b>Xóa bỏ thuế quan</b> .....	119
Câu hỏi 121: Cam kết về thuế nhập khẩu của các nước dành cho Việt Nam như thế nào? .....	119
Câu hỏi 122: Mức thuế nhập khẩu của các nước đối với các sản phẩm nông nghiệp của	

Việt Nam trước khi Hiệp định TPP có hiệu lực là như thế nào? .....	120
Câu hỏi 123: Tác động của Hiệp định TPP tới thị trường một số mặt hàng nông nghiệp chính trong nước như thế nào? .....	120
Câu hỏi 124: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành rau quả Việt Nam như thế nào? .....	123
Câu hỏi 125: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành thủy sản Việt Nam như thế nào? .....	124
Câu hỏi 126: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành lúa gạo Việt Nam như thế nào? .....	124
Câu hỏi 127: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành cây công nghiệp Việt Nam như thế nào? .....	125
Câu hỏi 128: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam như thế nào? .....	126
Câu hỏi 129: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành chăn nuôi Việt Nam như thế nào? .....	127
Câu hỏi 130: Cam kết về thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào? .....	127
Câu hỏi 131: Cam kết về thuế nhập khẩu của Canada dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào? .....	128
Câu hỏi 132: Cam kết về thuế nhập khẩu của Nhật Bản dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?.....	129
Câu hỏi 133: Cam kết về thuế nhập khẩu của Mêhicô dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào? .....	130

- Câu hỏi 134: Cam kết về thuế nhập khẩu của Peru dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?..... 131
- Câu hỏi 135: Cam kết về thuế nhập khẩu của Ôxtrâyliia dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào? ..... 131
- Câu hỏi 136: Cam kết về thuế nhập khẩu của Niu Dilân dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào? ..... 131
- Câu hỏi 137: Cam kết về thuế nhập khẩu của Xingapo dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?..... 132
- Câu hỏi 138: Cam kết về thuế nhập khẩu của Malaixia dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?..... 132
- Câu hỏi 139: Cam kết về thuế nhập khẩu của Chilê dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?..... 132
- Câu hỏi 140: Cam kết về thuế nhập khẩu của Brunây dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?..... 133
- Câu hỏi 141: Thuế nhập khẩu của Việt Nam đối với các sản phẩm nông nghiệp của các nước trước khi TPP có hiệu lực như thế nào? .. 133
- Câu hỏi 142: Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam dành cho các nước khối TPP là như thế nào?..... 134
- Câu hỏi 143: Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam dành cho các nước khối TPP đối với các mặt hàng nông nghiệp như thế nào?..... 135
- Trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu nông sản** ..... 136
- Câu hỏi 144: Trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu nông sản là gì? ..... 136

Câu hỏi 145: Có những hình thức trợ cấp xuất khẩu nông sản nào? .....	137
Câu hỏi 146: Hiệp định TPP quy định như thế nào về trợ cấp xuất khẩu nông sản? .....	137
Câu hỏi 147: Tác động của xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản đối với Việt Nam như thế nào? .....	138
Câu hỏi 148: Việt Nam có thể hỗ trợ cho nông sản sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực không? .....	138
<b>Hạn ngạch thuế quan</b> .....	140
Câu hỏi 149: Hạn ngạch thuế quan của một số nước thành viên TPP đối với các mặt hàng nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam là như thế nào?.....	140
<b>Hạn chế xuất khẩu</b> .....	141
Câu hỏi 150: Hạn chế đối với xuất khẩu để bảo đảm an ninh lương thực là gì? .....	141
Câu hỏi 151: Nghĩa vụ thông báo của Bên hạn chế xuất khẩu như thế nào? .....	141
Câu hỏi 152: Việc một Bên hạn chế xuất khẩu có ảnh hưởng như thế nào tới các Bên còn lại?...	141
<b>Biện pháp phòng vệ thương mại</b> .....	142
Câu hỏi 153: Những mặt hàng nông nghiệp nào của Việt Nam thường bị kiện chống bán phá giá? ....	142
Câu hỏi 154: Cách phòng tránh và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá như thế nào?.....	143
Câu hỏi 155: Người nông dân có thể tìm thêm thông tin về hỗ trợ chống bán phá giá, chống trợ cấp ở đâu?.....	144
<b>Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản do nhà nước sở hữu</b> .....	145
Câu hỏi 156: Quy định của Hiệp định TPP về doanh nghiệp xuất khẩu nông sản do nhà nước sở hữu là như thế nào? .....	145
<b>Sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại</b> .....	145
Câu hỏi 157: Sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại là gì? .....	145

Câu hỏi 158: Quy định về sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại được đề cập tới trong Hiệp định TPP như thế nào? .....	146
Câu hỏi 159: Quy định về sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại đem lại lợi ích gì cho các Bên tham gia khối TPP?.....	146
<b>Quy định về hàng thủ công hoặc truyền thống .....</b>	<b>147</b>
Câu hỏi 160: Hiệp định TPP quy định như thế nào về ưu đãi cho hàng dệt may thủ công, truyền thống? ...	147
<b>Quy tắc xuất xứ.....</b>	<b>147</b>
Câu hỏi 161: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với một số mặt hàng thủy sản cụ thể (cá ngừ, tôm, cua) là như thế nào?.....	147
Câu hỏi 162: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với cà phê là như thế nào?.....	148
Câu hỏi 163: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với chè là như thế nào?.....	148
Câu hỏi 164: Quy tắc xuất xứ cụ thể đối với hạt điều là như thế nào?.....	148
<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật.....</b>	<b>149</b>
Câu hỏi 165: Quy định về rào cản kỹ thuật tác động như thế nào đối với nông nghiệp Việt Nam?.....	149
Câu hỏi 166: Phát triển nông nghiệp vượt qua các rào cản kỹ thuật từ khối TPP như thế nào?.....	149
Câu hỏi 167: Quy định về rào cản kỹ thuật tác động đối với xuất khẩu nông sản Việt Nam là như thế nào? .....	150
Câu hỏi 168: Tác động của rào cản kỹ thuật đối với nhập khẩu nông sản của Việt Nam như thế nào?.....	151
Câu hỏi 169: Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản Việt Nam hiện nay như thế nào?.....	151

Câu hỏi 170: Làm thế nào để tiếp cận thông tin về các rào cản kỹ thuật của các nước? .....	152
Câu hỏi 171: Các quy định về chất lượng nông sản xuất khẩu sang thị trường các nước khối TPP có thể tìm thấy ở đâu? .....	153
Câu hỏi 172: Mạng lưới văn phòng và thông báo hỏi đáp về các tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam có thể tìm thấy ở đâu?.....	155
Câu hỏi 173: Các biện pháp giúp nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Hiệp định TPP là gì? .....	155
<b>Vệ sinh kiểm dịch</b> .....	156
Câu hỏi 174: Tác động tích cực của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đến sản xuất nông nghiệp như thế nào? .....	156
Câu hỏi 175: Những hạn chế của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đối với sản xuất nông nghiệp là như thế nào? .....	157
Câu hỏi 176: Thực trạng bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch của các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu Việt Nam hiện nay như thế nào? .....	157
Câu hỏi 177: Phương hướng nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch theo quy định của Hiệp định TPP là như thế nào? .	158
Câu hỏi 178: Cơ quan nào hỗ trợ tìm hiểu quy định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch của các nước?.....	158
Câu hỏi 179: Quy định về vệ sinh và kiểm dịch của một số thị trường trong khối TPP như thế nào?....	159
<b>Môi trường</b> .....	160
Câu hỏi 180: Những ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp tới môi trường ở Việt Nam hiện nay như thế nào? .....	160

Câu hỏi 181: Quy định của Hiệp định TPP về vấn đề đánh bắt cá nhằm mục tiêu gì? .....	160
Câu hỏi 182: Hiệp định TPP quy định như thế nào về vấn đề trợ cấp cho hoạt động đánh bắt thủy sản? .....	161
Câu hỏi 183: Các quy định về môi trường trong Hiệp định TPP có thể gây ra những tác động gì với ngành thủy sản Việt Nam? .....	162
Câu hỏi 184: Hiệp định TPP quy định về vấn đề ô nhiễm từ tàu biển như thế nào?.....	162
Câu hỏi 185: Tác động của quy định về tàu biển trong Hiệp định TPP tới hoạt động đánh bắt thủy sản Việt Nam như thế nào? .....	163
<b>Lao động</b> .....	163
Câu hỏi 186: Tổ chức nào bảo vệ quyền lợi của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam?.....	163
Câu hỏi 187: Mức lương tối thiểu trong ngành nông nghiệp Việt Nam hiện nay là bao nhiêu? ...	164
Câu hỏi 188: Tình hình sử dụng lao động trẻ em trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay như thế nào?.....	165
Câu hỏi 189: Quy định về lao động của Hiệp định TPP có thể dẫn tới những thay đổi gì trong cơ cấu lao động của ngành nông nghiệp Việt Nam? .....	166
<b>Sở hữu trí tuệ</b> .....	167
Câu hỏi 190: Ở Việt Nam, cơ quan nào chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ?.....	167
Câu hỏi 191: Nguyên tắc bảo hộ áp dụng với chỉ dẫn địa lý có thể gây ra tác động như thế nào tới ngành nông nghiệp Việt Nam.....	167
Câu hỏi 192: Các doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý điều gì khi bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo nguyên tắc của Hiệp định TPP?.....	169

Câu hỏi 193: Hiện nay có bao nhiêu chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký bảo hộ tại thị trường Việt Nam? .....	170
Câu hỏi 194: Doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp cần làm gì để thích ứng với những đòi hỏi cao về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP? .....	170
<b>Hợp tác và xây dựng năng lực</b> .....	172
Câu hỏi 195: Quy định của Hiệp định TPP về hợp tác và xây dựng năng lực mang lại cơ hội gì cho ngành nông nghiệp Việt Nam? .....	172
Câu hỏi 196: Các mô hình hợp tác trong nông nghiệp có thể thực hiện giữa Việt Nam và các nước nhằm tận dụng cơ hội của Hiệp định TPP là gì? .....	173
Câu hỏi 197: Dự báo đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp Việt Nam sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực như thế nào? ....	174
Câu hỏi 198: Giải pháp giúp tăng hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp cho doanh nghiệp Việt Nam là như thế nào? .....	175
<b>Đầu tư</b> .....	175
Câu hỏi 199: Tác động của những quy định về đầu tư trong Hiệp định TPP đối với nông nghiệp Việt Nam như thế nào?.....	175
Câu hỏi 200: Hướng đầu tư cho khoa học - công nghệ vào nông nghiệp để giúp nông sản Việt Nam vượt qua các rào cản về kỹ thuật cũng như vệ sinh và kiểm dịch như thế nào? .....	176
<b>Thương mại điện tử</b> .....	177
Câu hỏi 201: Phát triển thương mại điện tử với các mặt hàng nông sản khi tham gia Hiệp định TPP như thế nào? .....	177
<b>PHỤ LỤC</b> .....	179



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>AD</b>	Agreement on Antidumping	Hiệp định Chống bán phá giá
<b>FTA</b>	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Tự do
<b>GATT 1994</b>	General Agreement on Tariffs and Trade	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
<b>ILO</b>	International Labour Organization	Tổ chức Lao động Quốc tế
<b>MFN</b>	Most Favoured Nation	Nguyên tắc tối huệ quốc
<b>NT</b>	Nation Treatment	Nguyên tắc đối xử quốc gia
<b>SCM</b>	Agreement on Subsidies and Countervailing Measures	Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng
<b>SPS</b>	Sanitary and Phytosanitary Measures	Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật

<b>TRIPS</b>	The Agreement on Trade - Related Aspects of Intellectual Property Rights	Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
<b>WIPO</b>	World Intellectual Property Organization	Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới
<b>WTO</b>	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

## THUẬT NGỮ

### B

**Bên bị đơn:** là Bên bị thưa kiện (*xem thêm Điều 28.7.1 của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương*).

**Bên nguyên đơn:** là Bên yêu cầu thành lập Ban hội thẩm (*xem thêm Điều 28.7.1 của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương*).

**Bên tham vấn:** là Bên yêu cầu tham vấn và Bên được yêu cầu tham vấn (*xem thêm Điều 28.5.1 của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương*).

### C

**Chuyển giao công nghệ:** là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

**Chuỗi cung ứng:** là một hệ thống xuyên quốc gia của các doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động thiết kế, phát triển sản phẩm, sản xuất, mua bán, phân phối, vận chuyển nhằm mục đích cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng.

**Công nghệ sinh học:** là bộ môn tập hợp các ngành khoa học và công nghệ gồm: sinh học phân tử, di truyền học, vi sinh vật học, sinh hóa học, công nghệ học, nhằm tạo ra các quy trình công nghệ khai thác ở quy mô công nghiệp các

hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào động, thực vật để sản xuất các sản phẩm có giá trị phục vụ đời sống.

G

**Giao dịch lãnh sự:** là các yêu cầu trong đó sản phẩm của một Bên dành cho xuất khẩu vào lãnh thổ của một Bên khác đầu tiên phải chịu sự giám sát của lãnh sự Bên nhập khẩu trong lãnh thổ của Bên xuất khẩu nhằm có được hoá đơn lãnh sự hoặc thị thực lãnh sự cho các tài liệu hướng dẫn đánh giá hợp quy.

H

**Hạn chế xuất khẩu tự nguyện:** là một biện pháp hạn chế xuất khẩu mà theo đó quốc gia nhập khẩu đòi hỏi quốc gia xuất khẩu phải hạn chế bớt lượng hàng xuất khẩu sang nước mình một cách tự nguyện, nếu không sẽ áp dụng biện pháp trả đũa kiên quyết.

**Hạn mức:** mức quy định không được vượt quá đối với một chỉ tiêu.

**Hạn ngạch:** hay hạn chế số lượng là quy định của một nước về số lượng cao nhất của một mặt hàng hay một nhóm hàng được phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu từ một thị trường trong một thời gian nhất định thông qua hình thức cấp giấy phép.

**Hàng hóa dễ hỏng:** là hàng hóa nông nghiệp và thủy sản dễ hỏng phân loại từ mã HS từ Chương 1 đến Chương 24 của TPP.

M

**Mua sắm công:** Hoạt động sử dụng ngân quỹ nhà nước để mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ nhằm thực hiện các chức năng của nhà nước hoặc phục vụ nhu cầu của xã hội.

## N

**Nguyên liệu:** là một loại hàng hóa được sử dụng để sản xuất hàng hóa khác (*xem thêm Điều 3.1 của TPP*).

**Nhập cảnh tạm thời:** là việc nhập cảnh vào lãnh thổ của một Bên tham gia Hiệp định của doanh nhân thuộc Bên khác mà không có dự định lưu trú lâu dài.

## S

**Sản phẩm số:** bao gồm chương trình máy tính, sản phẩm văn bản, video, hình ảnh, ghi âm hoặc sản phẩm khác được mã hóa bằng kỹ thuật số và được sản xuất phục vụ mục đích thương mại hoặc phân phối cũng như các sản phẩm được truyền phát bằng hình thức điện tử.

## T

**Thương mại dịch vụ xuyên biên giới:** là việc cung ứng dịch vụ: từ lãnh thổ của Bên này sang lãnh thổ Bên khác; hoặc trên lãnh thổ của một Bên cho cá nhân thuộc Bên khác; hoặc bởi một công dân của một Bên trên lãnh thổ của một Bên khác.

**Thương mại điện tử:** là sự mua bán sản phẩm hay dịch vụ trên hệ thống điện tử như Internet và các mạng máy tính.



## GIỚI THIỆU VỀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

***Câu hỏi 1: Quá trình hình thành Hiệp định TPP như thế nào?***

***Trả lời:***

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership Agreement - TPP) là một hiệp định thỏa thuận thương mại tự do giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Hiệp định TPP có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - còn gọi là P4) - một hiệp định thương mại tự do được ký kết ngày 3-6-2005, có hiệu lực từ ngày 28-5-2006 giữa 4 nước Xingapo, Chilê, Niu Dilân và Brunây.

Tháng 9-2008, Mỹ tuyên bố tham gia khối TPP nhưng sẽ cùng các bên đàm phán một FTA hoàn toàn mới. Sau đó, Ôxtrâyliã, Pêru, Việt Nam, Malaixia, Canada, Mêhicô và Nhật Bản lần lượt tham gia vào khối TPP, đưa tổng số thành viên khối TPP hiện nay lên 12 thành viên.

Ngày 4-2-2016, tại Niu Dilân, Bộ trưởng Thương mại và Kinh tế của 12 nước thành viên tham gia khối TPP đã đặt bút ký vào văn bản này, đánh dấu việc các nước chính thức hoàn tất toàn bộ quá trình đàm phán để có thể bắt

đầu thủ tục phê chuẩn tại mỗi nước. Như vậy, sau 10 năm kể từ khi có ý tưởng hình thành, Hiệp định TPP đã trở thành hiện thực.

Tính đến thời điểm ký kết, TPP có 12 nước tham gia là: Ôxtrâyliya, Brunây, Chilê, Malaixia, Mêhicô, Niu Dilân, Canada, Pêru, Xingapo, Việt Nam, Mỹ và Nhật Bản. Các quốc gia thành viên hiện nay của TPP chiếm 40% GDP của cả thế giới, 26% lượng giao dịch hàng hóa toàn cầu và được dự báo là sẽ bổ sung cho GDP thế giới thêm gần 300 tỷ USD/năm.

***Câu hỏi 2: Mục đích tham gia của các nước thành viên TPP là gì?***

***Trả lời:***

Tham gia TPP, tất cả các nước thành viên đều có chung những mục đích sau:

- (1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng thu nhập;
- (2) Cùng nhau tiến tới xây dựng một khu vực thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương nhằm tăng cường hội nhập kinh tế khu vực;
- (3) Nắm bắt cơ hội khai thác chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;
- (4) Mở rộng thị trường hàng hóa và dịch vụ với các thành viên TPP hiện tại và tương lai;
- (5) Tạo cơ hội thu hút đầu tư và mở rộng dịch vụ tài chính;
- (6) Tiếp cận thị trường với những thành viên khối TPP khác chưa có hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương với nhau.



***Câu hỏi 3: Thời gian Hiệp định TPP bắt đầu có hiệu lực từ khi nào?***

***Trả lời:***

Hiệp định có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày tất cả các nước thông báo với cơ quan lưu chiểu Niu Dilân bằng văn bản về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước về phê chuẩn Hiệp định.

Trường hợp không đủ toàn bộ các nước hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước trong vòng 2 năm kể từ ngày ký, Hiệp định TPP sẽ có hiệu lực sau 60 ngày kể từ khi hết thời hạn 2 năm nếu có ít nhất 6 nước với ít nhất 85% tổng sản phẩm quốc nội cộng gộp theo giá trị năm 2013 hoàn thành các thủ tục pháp lý trong thời gian này.

***Câu hỏi 4: Nội dung Hiệp định TPP đề cập đến những vấn đề gì?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP bao gồm 30 chương với nội dung đề cập đến rất nhiều vấn đề, tuy nhiên có thể chia các vấn đề này thành 4 nhóm chính:

***(1) Nguyên tắc đối xử quốc gia và mở cửa thị trường:***

Hiệp định TPP đưa ra những quy định về đối xử bình đẳng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa trong nước; xóa bỏ, cắt giảm hàng rào thuế quan cũng như một số rào cản phi thuế quan, nhằm mở cửa thị trường thúc đẩy thương mại giữa các nước trong khu vực. Tuy nhiên, song song với quá trình này, các nước cũng được phép sử dụng những biện pháp phòng vệ thương mại nhằm tự bảo vệ mình trước các hiện tượng thương mại không lành mạnh từ bên ngoài hoặc trong những bối cảnh đặc biệt cần tự vệ.

### ***(2) Quy định về tiêu chuẩn, chất lượng:***

Bao gồm các quy định về xuất xứ hàng hóa, vệ sinh và kiểm dịch, tiêu chuẩn kỹ thuật, lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ. Những quy định này nhằm hướng tới nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ, bảo đảm quyền lợi cho người lao động, người tiêu dùng. Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam thì những quy định này có thể trở thành rào cản trong thương mại bởi khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn này còn hạn chế, điều này cũng đặt ra thách thức cho các nước trong việc cải tiến quy trình, công nghệ, công tác quản lý, đồng thời nâng cao nhận thức về vấn đề môi trường, sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập.

### ***(3) Quy định chung về thể chế:***

Hiệp định TPP không chỉ là một hiệp định thương mại thuần túy mà đối tượng của nó còn bao gồm các vấn đề về thể chế. Các vấn đề như: chính sách cạnh tranh, thể chế về doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, về minh bạch và chống tham nhũng, v.v.. Những quy định này nhằm hướng tới bảo đảm một môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, tạo nền tảng cho sự hợp tác và phát triển trong khu vực.

### ***(4) Quy định về một số lĩnh vực cụ thể:***

Hiệp định TPP cũng có những nội dung dành riêng cho một số lĩnh vực cụ thể, là những lĩnh vực có giá trị thương mại, có tiềm năng lớn trong hợp tác phát triển như: dệt may, đầu tư, dịch vụ tài chính, viễn thông...

## PHẦN I

### TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

#### 1. NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ QUỐC GIA VÀ MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG

★ Nguyên tắc đối xử quốc gia

*Câu hỏi 5: Nguyên tắc đối xử quốc gia là gì?*

*Trả lời:*

Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) của Hiệp định TPP được lấy từ Điều III của GATT 1994 và phần diễn giải, có sửa đổi, bổ sung.

Như vậy có thể hiểu, Nguyên tắc đối xử quốc gia là một nguyên tắc cơ bản nhằm cấm phân biệt đối xử giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước về các loại thuế nội bộ hoặc quy định khác của chính phủ. Các hàng hóa nhập khẩu và sản xuất trong nước phải được đối xử bình đẳng - ít nhất là sau khi hàng hoá nước ngoài đã vào thị trường.

*Câu hỏi 6: Các cam kết phải thực hiện theo Nguyên tắc đối xử quốc gia của Hiệp định TPP là gì?*

*Trả lời:*

Các cam kết phải thực hiện theo Nguyên tắc đối xử quốc gia của TPP được lấy theo Điều III của GATT 1994.

Tại Điều III của GATT 1994 quy định: "Sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất cứ một bên ký kết nào vào lãnh thổ của bất cứ một bên ký kết khác sẽ được hưởng đãi ngộ không kém phần thuận lợi hơn sự đãi ngộ dành cho sản phẩm tương tự có xuất xứ nội". Cụ thể:

*Thuế và lệ phí trong nước (xem khoản 2, Điều III của GATT 1994):*

Các nước thành viên không được phép đánh thuế và các lệ phí đối với sản phẩm nhập khẩu cao hơn so với sản phẩm nội địa cùng loại.

Các nước thành viên không được phép áp dụng thuế và lệ phí trong nước đối với sản phẩm nhập khẩu hoặc sản phẩm nội địa theo phương pháp nào đó nhằm bảo hộ sản xuất trong nước.

*Quy chế mua bán (xem khoản 4, Điều III của GATT 1994):*

Các quy định luật pháp và các yêu cầu khác ảnh hưởng đến mua bán, vận tải, phân phối, sử dụng sản phẩm không được phép đối xử với sản phẩm nhập khẩu kém hơn so với sản phẩm nội địa cùng loại.

*Quy chế số lượng (xem khoản 5, Điều III của GATT 1994):*

Các nước thành viên không được phép đặt ra hoặc duy trì một quy chế về mặt số lượng liên quan đến sự pha trộn, chế biến hoặc sử dụng các sản phẩm, theo một số lượng hoặc tỷ lệ nhất định, trong đó yêu cầu rằng số lượng hoặc tỷ lệ pha trộn của sản phẩm phải được cung cấp từ nguồn trong nước, hay áp dụng quy chế số lượng này theo cách thức nhằm bảo vệ sản xuất trong nước.

Cần lưu ý theo quy định này thì bất cứ tỷ lệ nội địa hóa nào cũng bị coi là vi phạm nguyên tắc NT cho dù là 5% hay 50%.

Tuy nhiên, không phải nguyên tắc nào cũng tuyệt đối và nguyên tắc này cũng có những ngoại lệ nhất định.

*Các ngoại lệ được quy định tại Hiệp định GATT 1994 như sau:*

Cung cấp các khoản tiền trợ cấp đối với người sản xuất trong nước (xem điểm b khoản 8, Điều III của GATT 1994).

Phân bổ thời gian chiếu phim vì mục đích thương mại giữa phim trong nước và phim nước ngoài theo quy định tại Điều IV của GATT 1994.

Mua sắm của Chính phủ quy định tại điểm a, khoản 8, Điều III của GATT 1994.

***Câu hỏi 7: Nguyên tắc đối xử quốc gia tác động như thế nào tới các nước trong và ngoài khối TPP?***

***Trả lời:***

*Đối với các nước trong khối TPP:*

Hiệp định TPP hướng tới tạo lập một sân chơi bình đẳng cho hàng hóa của mỗi nước thành viên trên thị trường các nước thành viên khác. Với những quy định của Nguyên tắc đối xử quốc gia và các quy định khác, TPP hướng tới việc bảo đảm cho mọi chủ thể kinh tế từ nông dân đến chủ trang trại, nhà sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ và các doanh nghiệp nhỏ ở mỗi quốc gia thành viên đều có cơ hội cạnh tranh bình đẳng với các đối thủ ở

các nước thành viên khác trên một thị trường cực kỳ rộng lớn gồm 12 nước thành viên của khu vực kinh tế châu Á - Thái Bình Dương năng động.

Nếu cạnh tranh thành công thì các quốc gia thành viên sẽ có điều kiện mở rộng thị trường ra toàn bộ khu vực TPP và nhờ đó tạo thêm việc làm và thu nhập cho công dân của mình. Ngược lại, nếu thế yếu, nhiều mặt hàng hiện đang được sản xuất sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị đào thải bởi hàng nhập khẩu từ các nước thành viên khác. Do đó, việc làm và thu nhập của các ngành và doanh nghiệp tương ứng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề. Như vậy, nguyên tắc đối xử quốc gia sẽ góp phần tăng cường thương mại giữa các nước trong khu vực, đồng thời tăng tính cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh, từ đó thúc đẩy các nước thành viên không ngừng phát triển.

*Đối với các nước ngoài khối TPP:*

Với các nước ngoài khối TPP vốn đang xuất khẩu vào khu vực TPP, hàng hóa xuất khẩu của các nước bên ngoài khối sẽ trở nên bất lợi so với hàng hóa tương đương sản xuất trong nội khối, do không được hưởng những ưu đãi theo quy định của Nguyên tắc đối xử quốc gia dẫn đến sụt giảm khối lượng và kim ngạch xuất khẩu vào thị trường của các nước trong khối TPP. Các nước ngoài khối TPP sẽ tìm những hướng khác để xâm nhập thị trường của các nước trong khối TPP như: tăng cường FDI vào các nước trong khối TPP để trực tiếp sản xuất trong phạm vi khối TPP và được hưởng các ưu đãi. Đây là xu thế tất yếu trong thời gian tới.

**★ Xóa bỏ, cắt giảm thuế quan**

**Câu hỏi 8: Thuế quan là gì?**

**Trả lời:**

Thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu.

**Câu hỏi 9: Mục đích của thuế quan là gì?**

**Trả lời:**

*Thuế nhập khẩu có thể được dùng như công cụ bảo hộ mậu dịch:*

- Làm giảm nhập khẩu bằng cách làm cho hàng nhập khẩu trở nên đắt hơn so với các mặt hàng trong nước;
- Chống lại các hành vi phá giá bằng cách tăng giá hàng nhập khẩu của mặt hàng phá giá lên tới mức giá chung của thị trường;
- Trả đũa trước các hành vi dựng hàng rào thuế quan do quốc gia khác đánh thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của mình, nhất là trong các cuộc chiến tranh thương mại;
- Bảo hộ cho các lĩnh vực sản xuất then chốt, chẳng hạn cho ngành nông nghiệp, giống như các chính sách về thuế quan của Liên minh châu Âu đã thực hiện trong chính sách nông nghiệp chung của họ;
- Bảo vệ các ngành công nghiệp non trẻ cho đến khi những ngành này đủ vững mạnh để có thể tự cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

*Thuế xuất khẩu có thể được dùng để:*

- Giảm xuất khẩu, do nhà nước không khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng sử dụng các nguồn tài nguyên khan hiếm đang bị cạn kiệt hay các mặt hàng mà tính chất quan trọng của nó đối với sự an toàn lương thực hay an ninh quốc gia;

- Thuế xuất - nhập khẩu có thể được dùng để tăng thu ngân sách cho nhà nước;

Tùy từng nhu cầu mà một hay vài mục đích nói trên được đề cao. Khi bị xác định là có mục đích bảo hộ mậu dịch, thuế xuất - nhập khẩu có thể trở thành đối tượng bị nước ngoài yêu cầu cắt giảm.

***Câu hỏi 10: Có những phương thức tính thuế quan nào?***

***Trả lời:***

- *Thuế quan theo đơn giá hàng:* là một tỷ lệ phần trăm nào đó của mặt hàng, chẳng hạn 10% trên giá của hàng nhập khẩu hay 5% trên giá của hàng xuất khẩu, được gọi chung là thuế suất.

- *Thuế quan theo trọng lượng:* được tính theo trọng lượng của mặt hàng, chẳng hạn 5 USD trên 1 tấn.

- *Thuế quan hỗn hợp - bao gồm cả hai loại trên.*

***Câu hỏi 11: Hiệp định TPP quy định như thế nào về việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan?***

***Trả lời:***

Nhằm tạo ra một khu vực thương mại tự do, tăng cường thương mại giữa các nước trong khu vực, Hiệp định TPP quy định về xóa bỏ, cắt giảm thuế quan như sau:



- Không Bên nào có quyền tăng thuế quan hiện có hoặc áp đặt thuế quan mới;

- Mỗi Bên sẽ dần dần loại bỏ thuế quan của mình đối với hàng hoá có xuất xứ theo Biểu thuế của mình trong Phụ lục 2-D (Xóa bỏ thuế quan).

Theo đó, các nước thành viên TPP sẽ cắt giảm hầu hết thuế quan (ít nhất 90%) và sẽ được thực hiện ngay hoặc thực hiện với lộ trình rất ngắn. Hầu hết việc loại bỏ thuế quan đối với hàng công nghiệp sẽ được thực hiện ngay lập tức, mặc dù thuế đối với một số sản phẩm sẽ được loại bỏ theo một khung thời gian dài hơn như các Bên đã thỏa thuận. Việc cắt giảm thuế cụ thể theo thỏa thuận của các Bên có trong lịch trình bao gồm tất cả các mặt hàng.

***Câu hỏi 12: Tác động của việc xóa bỏ thuế quan đối với hoạt động thương mại giữa các nước trong và ngoài khối TPP?***

***Trả lời:***

*Đối với các nước trong khối TPP:*

Việc xóa bỏ thuế nhập khẩu và xuất khẩu (hoặc cắt giảm theo lộ trình) cho hàng hóa lưu thông giữa các nước thành viên sẽ tạo ra những cơ hội cũng như thách thức nhất định. Hàng hóa của một nước sẽ có cơ hội tiếp cận, mở rộng thị trường mà không gặp phải rào cản thuế quan như trước kia, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng hơn giữa các sản phẩm, những sản phẩm có ưu thế về chất lượng, giá cả sẽ có cơ hội mở rộng thị trường, gia tăng xuất khẩu. Ngược lại, hàng hóa trong nước cũng sẽ

phải chịu sự cạnh tranh từ hàng hóa của các nước khác khi mà thuế nhập khẩu bị xóa bỏ.

Như vậy, việc xóa bỏ thuế quan sẽ tác động tới tất cả các quốc gia trong khu vực, đòi hỏi các quốc gia phải không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy những ngành có lợi thế để mở rộng thị trường, đồng thời phải có những biện pháp cải tiến thích hợp với những ngành còn yếu thế để tránh đánh mất thị trường khi phải cạnh tranh với các nước.

*Đối với các nước ngoài khối TPP:*

Đối với các nước ngoài khối TPP khi xuất khẩu vào các nước trong khu vực sẽ gặp bất lợi khi cạnh tranh với hàng hóa sản xuất trong nội khối, do vẫn phải chịu những mức thuế quan như trước kia. Bởi vậy, việc xâm nhập vào thị trường trong khu vực sẽ gặp khó khăn.

### **★ Xóa bỏ, cắt giảm một số rào cản phi thuế quan**

***Câu hỏi 13: Hạn chế đối với xuất khẩu và nhập khẩu là gì?***

***Trả lời:***

Hạn chế đối với xuất khẩu và nhập khẩu là việc một nước đưa ra các quy định nhằm hạn chế số lượng hoặc giá trị hàng nhập khẩu vào hay xuất khẩu từ nước đó.

Trên thực tế, các biện pháp hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu ở các nước có thể được thể hiện dưới các hình thức khác nhau như:

- Cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;
- Hạn ngạch (quota);
- Giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu...

***Câu hỏi 14: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hạn chế đối với xuất khẩu và nhập khẩu?***

***Trả lời:***

Theo khoản 1 Điều 2.11 của Hiệp định TPP thì không Bên nào được ban hành hoặc duy trì lệnh cấm hoặc hạn chế đối với việc nhập khẩu bất kỳ hàng hóa nào của một Bên khác hoặc đối với việc xuất khẩu hoặc bán để xuất khẩu bất kỳ hàng hóa nào vào lãnh thổ của một Bên khác.

Theo đó, trong bất kỳ hoàn cảnh nào các Bên không được áp dụng hoặc duy trì:

- Các yêu cầu về giá xuất khẩu và giá nhập khẩu đối với hàng hóa, trừ khi được cho phép khi thực thi các lệnh và cam kết về thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá;
- Việc cấp phép nhập khẩu với điều kiện thỏa mãn một yêu cầu nào đó;
- Hạn chế xuất khẩu tự nguyện không phù hợp với Điều VI của GATT 1994, thực hiện theo Điều 18 của Hiệp định SCM và Điều 8.1 của Hiệp định AD.

***Câu hỏi 15: Trường hợp ngoại lệ nào được phép hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu?***

***Trả lời:***

- Cấm hay hạn chế xuất khẩu tạm thời áp dụng nhằm ngăn ngừa hay khắc phục sự khan hiếm trầm trọng về lương thực hay các sản phẩm khác mang tính trọng yếu đối với Bên ký kết đang xuất khẩu;
- Cấm hay hạn chế xuất khẩu cần thiết để áp dụng các tiêu chuẩn hay quy chế về phân loại, xếp hạng hay tiếp thị các sản phẩm trên thị trường quốc tế;

- Hạn chế nhập khẩu nông sản hay thủy sản nhằm triển khai các biện pháp của chính phủ trong một số trường hợp.

***Câu hỏi 16: Cấp phép nhập khẩu là gì?***

***Trả lời:***

Cấp phép nhập khẩu là một thủ tục hành chính yêu cầu phải nộp một hồ sơ hoặc tài liệu khác (ngoài những tài liệu thường dùng cho mục đích thông quan) cho cơ quan quản lý có liên quan như một điều kiện trước khi nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ của Bên nhập khẩu.

***Câu hỏi 17: Hiệp định TPP quy định như thế nào về cấp phép nhập khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường?***

***Trả lời:***

Việc cấp phép nhập khẩu là một quá trình tốn kém và là một trở ngại cho nhà xuất khẩu, do đó nó có thể trở thành một rào cản phi thuế quan, nên Hiệp định TPP quy định các nước thành viên phải thông báo và cập nhật cho các thành viên khác về quy trình cấp phép nhập khẩu cụ thể. Họ cũng không thể tự ý áp dụng giấy phép nhập khẩu nếu không thông báo về nó và lý do tại sao lại áp dụng nó cho các thành viên khác.

TPP cũng quy định về tính minh bạch trong thủ tục cấp phép nhập khẩu. Theo đó, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về các ấn phẩm trong đó nêu rõ thủ tục cấp phép nhập khẩu của mình, nếu có, bao

gồm cả địa chỉ của các trang web chính phủ có liên quan. Sau đó, mỗi Bên phải công bố trên các ấn phẩm được thông báo và các trang web về mọi thủ tục cấp phép nhập khẩu mới sửa đổi càng sớm càng tốt và không muộn hơn 30 ngày sau khi thủ tục mới hoặc sửa đổi đó có hiệu lực.

***Câu hỏi 18: Hạn ngạch thuế quan là gì?***

***Trả lời:***

Hạn ngạch thuế quan là một công cụ để quản lý nhập khẩu, cụ thể, nước nhập khẩu sẽ quy định số lượng nhập khẩu một mặt hàng nào đó với thuế suất thấp. Khi vượt quá số lượng này, hàng hóa nhập khẩu sẽ phải chịu thuế suất cao hơn. Quy định này được thực hiện thông qua hình thức cấp giấy phép nhập khẩu.

Ví dụ, theo Thông tư số 01/2016/TT-BCT ngày 5-1-2016 của Bộ Công Thương ban hành có quy định hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2016 đối với thuốc lá nguyên liệu (mã HS 2401) là 48.620 tấn, nếu vượt quá số lượng này thì sẽ phải chịu thuế suất cao hơn.

***Câu hỏi 19: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hạn ngạch thuế quan?***

***Trả lời:***

*Quy định về hạn ngạch thuế quan trong Hiệp định TPP yêu cầu các nước:*

- Phải bảo đảm rằng các thủ tục quản lý hạn ngạch thuế quan của mình được công khai và công bằng, không có các thủ tục hành chính không cần thiết, đáp ứng tốt với điều kiện thị trường và được quản lý một cách kịp thời.

- Phải công bố tất cả các thông tin liên quan đến việc quản lý hạn ngạch thuế quan của mình, bao gồm phạm vi của hạn ngạch và các điều kiện.

- Phải thông báo về hạn ngạch thuế quan cho các nước ít nhất 90 ngày trước ngày bắt đầu áp dụng. Sau đó khi Hiệp định đi vào thực hiện, nếu trong trường hợp có sự thay đổi mới thì phải thông báo cho các nước ít nhất 45 ngày trước ngày dự kiến có hiệu lực.

***Câu hỏi 20: Hiệp định TPP quy định như thế nào về lệ phí và thủ tục hành chính?***

***Trả lời:***

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi hóa trong việc tiếp cận thị trường các nước trong khu vực, Điều 2.15 của Hiệp định TPP quy định về lệ phí và thủ tục hành chính:

- Không Bên nào được yêu cầu giao dịch lãnh sự, bao gồm các loại phí và lệ phí liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa bất kỳ của các Bên khác;

- Mỗi Bên phải liệt kê các khoản phí và lệ phí hiện tại mà bên đó đặt ra trong mối liên hệ với việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu trên Internet;

- Không Bên nào được thu phí, lệ phí đánh vào hoặc có liên quan đến việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu theo đơn giá hàng hóa;

- Mỗi Bên phải định kỳ rà soát lại các khoản phí và lệ phí của mình nhằm giảm số lượng và giá trị của các khoản này nếu có thể.

## ★ Biện pháp phòng vệ thương mại

### *Câu hỏi 21: Biện pháp phòng vệ thương mại là gì?*

#### *Trả lời:*

Theo xu thế tự do và toàn cầu hóa thương mại, các quốc gia cam kết dỡ bỏ hoặc cắt giảm các chính sách thương mại mang tính rào cản. Tuy nhiên song song với quá trình này, các nước cũng được phép sử dụng những chính sách nhất định nhằm tự bảo vệ mình trước các hiện tượng thương mại không lành mạnh từ bên ngoài hoặc trong những bối cảnh đặc biệt cần tự vệ. Các biện pháp phòng vệ thương mại là một phần trong chính sách thương mại của các quốc gia, bao gồm: chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại.

Trong khi các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được sử dụng nhằm hạn chế hành vi cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nước ngoài, thì các biện pháp tự vệ lại được sử dụng nhằm mục đích giúp các ngành sản xuất nội địa có thêm thời gian để điều chỉnh nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh.

### *Câu hỏi 22: Biện pháp tự vệ là gì?*

#### *Trả lời:*

Biện pháp tự vệ là việc tạm thời hạn chế nhập khẩu đối với một hoặc một số loại hàng hoá khi việc nhập khẩu chúng tăng nhanh gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

Biện pháp tự vệ chỉ được áp dụng đối với hàng hoá, không áp dụng đối với dịch vụ, đầu tư hay sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp cần chú ý đến công cụ này để có thể yêu cầu Chính phủ sử dụng nhằm bảo vệ lợi ích của mình trước hàng hoá nhập khẩu nước ngoài khi cần thiết.

***Câu hỏi 23: Thế nào là “Thiệt hại nghiêm trọng” và cách xác định “Thiệt hại nghiêm trọng”?***

***Trả lời:***

Thiệt hại nghiêm trọng là sự suy giảm tổng thể đáng kể về vị thế của một ngành sản xuất trong nước.

Ngành sản xuất trong nước được hiểu là toàn bộ các nhà sản xuất sản phẩm tương tự hoặc sản phẩm trực tiếp cạnh tranh trong phạm vi lãnh thổ của một bên.

***Cách xác định thiệt hại nghiêm trọng.***

Một trong các điều kiện để có thể áp dụng biện pháp tự vệ là phải điều tra chứng minh được rằng ngành sản xuất nội địa phải chịu thiệt hại nghiêm trọng từ việc hàng nhập khẩu tăng ồ ạt. Cụ thể:

- Về hình thức, các thiệt hại này có thể tồn tại dưới 02 dạng: thiệt hại thực tế, hoặc nguy cơ thiệt hại (nguy cơ rất gần);

- Về mức độ, các thiệt hại này phải ở mức nghiêm trọng;

- Về phương pháp, các thiệt hại thực tế được xem xét trên cơ sở phân tích tất cả các yếu tố có liên quan đến thực trạng của ngành sản xuất nội địa (ví dụ: tỷ lệ và mức tăng lượng nhập khẩu, thị phần của sản phẩm nhập khẩu, thay đổi về doanh số, sản lượng, năng suất, nhân công...).

Trong cuộc điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ, việc chứng minh thiệt hại nghiêm trọng chủ yếu thuộc trách



nhiệm của ngành sản xuất nội địa liên quan. Vì vậy, để đạt được mục tiêu của mình, ngành sản xuất nội địa cần có sự chuẩn bị kỹ về các số liệu, tập hợp trong một thời gian tương đối dài để có đủ dữ liệu chứng minh.

***Câu hỏi 24: Biện pháp tự vệ chuyển tiếp là gì?***

***Trả lời:***

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp là biện pháp tự vệ được áp dụng trong giai đoạn chuyển tiếp.

Giai đoạn chuyển tiếp đối với một mặt hàng cụ thể là giai đoạn ba năm bắt đầu từ ngày có hiệu lực của Hiệp định này, trừ trường hợp việc xóa bỏ thuế quan đối với mặt hàng đó trong một khoảng thời gian dài hơn, khi đó giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn xóa bỏ thuế quan đã được định trước cho mặt hàng đó.

***Câu hỏi 25: Điều kiện để áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp là gì?***

***Trả lời:***

Hàng hóa của Bên xuất khẩu vào lãnh thổ của nước nhập khẩu tăng tuyệt đối hoặc tương đối so với hàng nội địa của bên nhập khẩu gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp trong nước.

***Câu hỏi 26: Các biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo quy định của Hiệp định TPP?***

***Trả lời:***

Nếu đáp ứng được các điều kiện để áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp nêu tại khoản 1 Điều 6.3 của Hiệp định TPP,

một bên có thể thực hiện các biện pháp tự vệ chuyển tiếp sau, nhằm ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng trong phạm vi cần thiết.

(a) Tạm ngưng giảm thuế đối với mặt hàng đó theo Hiệp định này;

(b) Tăng thuế suất đối với hàng hóa đến một mức không cao hơn mức thấp hơn trong các mức sau:

- Thuế suất theo Nguyên tắc tối huệ quốc (MFN) có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp này; và

- Thuế suất theo Nguyên tắc tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày liền trước ngày Hiệp định này có hiệu lực cho bên đó.

Chú ý: Hạn ngạch thuế quan và biện pháp hạn chế số lượng đều không phải là một biện pháp tự vệ chuyển tiếp được cho phép.

***Câu hỏi 27: Thời gian có hiệu lực của biện pháp tự vệ chuyển tiếp là bao lâu?***

***Trả lời:***

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp chỉ được áp dụng trong thời gian cần thiết đủ để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và nhằm tạo thuận lợi cho việc điều chỉnh.

Thời gian này không được quá 2 năm, trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp chứng minh việc duy trì biện pháp tự vệ là cần thiết thì khoảng thời gian này có thể kéo dài tối đa thêm 1 năm.

***Câu hỏi 28: Tác động của việc áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đối với nước nhập khẩu là gì?***

***Trả lời:***

Biện pháp tự vệ là biện pháp được các nước nhập khẩu áp dụng trong trường hợp việc xuất khẩu của một hàng hóa gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với nền sản xuất hàng hóa đó. Do đó, áp dụng biện pháp tự vệ sẽ tạo ra một khoảng thời gian để sản xuất trong nước phục hồi. Trong thời gian này, các bên liên quan như cơ quan chức năng, doanh nghiệp và nông dân cần phải có những hành động cụ thể để lấy lại thị trường.

Nó có thể là một động lực để người nông dân cải thiện sản xuất nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường về cả mẫu mã và chất lượng. Ngược lại, nếu không biết tận dụng thời cơ để vừa thúc đẩy sản xuất, cải thiện công nghệ hay năng suất... thì về lâu dài sẽ không cạnh tranh được với hàng xuất khẩu và mất dần thị phần ở trong nước.

***Câu hỏi 29: Tác động của việc áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại đối với nước xuất khẩu là gì?***

***Trả lời:***

Trong thời gian bị áp dụng biện pháp tự vệ trong thương mại, xuất khẩu có thể bị giảm sút, nước xuất khẩu sẽ phải tìm kiếm thị trường mới, giải quyết đầu ra trước mắt, sau đó có thể phải điều chỉnh lại sản xuất nếu đầu ra không ổn định.

***Câu hỏi 30: Bán phá giá là gì?***

***Trả lời:***

Trong thương mại quốc tế, bán phá giá là hiện tượng xảy ra khi hàng hóa được xuất khẩu với mức giá thấp hơn giá của hàng hóa đó tại thị trường xuất khẩu.

Bán phá giá được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh của các nhà sản xuất phía xuất khẩu đối với ngành sản xuất của bên nhập khẩu. Thuế chống bán phá giá là một biện pháp nhằm hạn chế hành vi này.

***Câu hỏi 31: Thuế chống bán phá giá là gì?***

***Trả lời:***

Thuế chống bán phá giá là khoản thuế bổ sung bên cạnh thuế nhập khẩu thông thường, do cơ quan có thẩm quyền của bên nhập khẩu ban hành, đánh vào sản phẩm nước ngoài bị bán phá giá vào nước nhập khẩu. Đây là loại thuế nhằm chống lại việc bán phá giá và loại bỏ những thiệt hại do việc hàng nhập khẩu bán phá giá gây ra.

***Câu hỏi 32: Trợ cấp là gì?***

***Trả lời:***

Trợ cấp được hiểu là hỗ trợ của nhà nước hoặc một tổ chức công (trung ương hoặc địa phương) dưới một trong các hình thức sau mang lại lợi ích cho doanh nghiệp hoặc ngành sản xuất:

- Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền chuyển ngay (ví dụ cấp vốn, cho vay, góp cổ phần) hoặc hứa chuyển (bảo lãnh cho các khoản vay);

- Miễn hoặc cho qua những khoản thu lẽ ra phải đóng (ví dụ ưu đãi thuế, tín dụng);

- Mua hàng, cung cấp dịch vụ hoặc hàng hóa;

- Thanh toán tiền cho một nhà tài trợ hoặc giao cho một đơn vị tư nhân tiến hành các hoạt động nêu trên theo cách mà chính phủ vẫn làm;

- Việc áp dụng trợ cấp sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, làm giảm các chi phí sản xuất cũng như giá cả.

Trong thương mại quốc tế, trợ cấp tạo ra một sân chơi không bình đẳng giữa các doanh nghiệp, do đó các nước áp thuế chống trợ cấp để hạn chế hành vi này.

***Câu hỏi 33: Thuế chống trợ cấp được áp dụng khi nào?***

***Trả lời:***

Việc áp dụng thuế chống trợ cấp chỉ được thực hiện khi cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu tiến hành điều tra, ra kết luận như sau:

- Hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp với biên độ trợ cấp - tỷ lệ giữa trị giá phần trợ cấp và trị giá hàng hóa liên quan, không thấp hơn 1% (theo Điều 11.9 Hiệp định SCM);

- Ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu bị thiệt hại đáng kể, hoặc bị đe dọa thiệt hại đáng kể, hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước (gọi chung là "thiệt hại");

- Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại nói trên.

**Câu hỏi 34: Các trường hợp trợ cấp nào bị kiện và không bị kiện?**

**Trả lời:**

*- Trợ cấp không bị kiện:*

Trợ cấp không bị kiện là loại trợ cấp không hướng tới một hoặc một nhóm doanh nghiệp, ngành, hay khu vực địa lý;

Các loại trợ cấp không bị kiện như: trợ cấp cho hoạt động nghiên cứu do các công ty, tổ chức nghiên cứu tiến hành (với một số điều kiện về loại trợ cấp và mức trợ cấp cụ thể); trợ cấp cho các khu vực khó khăn (với các tiêu chí xác định cụ thể về mức thu nhập bình quân hoặc tỷ lệ thất nghiệp); trợ cấp để hỗ trợ điều chỉnh các điều kiện sản xuất cho phù hợp với môi trường kinh doanh mới. Các nước thành viên có thể áp dụng loại trợ cấp này mà không bị thành viên khác khiếu kiện.

*- Trợ cấp bị cấm:*

Trợ cấp xuất khẩu - trợ cấp căn cứ vào kết quả xuất khẩu bao gồm: thưởng xuất khẩu, trợ cấp nguyên liệu đầu vào để xuất khẩu, miễn thuế/giảm thuế cao hơn mức mà sản phẩm tương tự bán trong nước được hưởng, ưu đãi bảo hiểm xuất khẩu, ưu đãi tín dụng xuất khẩu...;

Trợ cấp nhằm ưu tiên sử dụng hàng nội địa so với hàng nhập khẩu.

*- Trợ cấp không cấm nhưng có khả năng bị khiếu kiện:*

Bao gồm tất cả các loại trợ cấp có tính cá biệt (trừ các loại trợ cấp không bị kiện). Các nước thành viên có thể áp dụng các hình thức trợ cấp này nhưng nếu gây thiệt hại cho nước thành viên khác hoặc ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước thành viên khác thì có thể bị kiện.

## 2. QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG

### ★ Quy tắc xuất xứ

***Câu hỏi 35: Quy định về xuất xứ hàng hoá là gì?***

***Trả lời:***

Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP được hiểu là: các sản phẩm xuất khẩu từ một thành viên của TPP sang các thành viên khác đều phải có xuất xứ “nội khối”. Như vậy, những ngành nào, sản phẩm nào sử dụng nguyên liệu ngoài thành viên TPP đều không được hưởng các ưu đãi thuế suất 0%.

***Câu hỏi 36: Vì sao cần phải có quy định về xuất xứ hàng hoá?***

***Trả lời:***

Quy tắc xuất xứ có mục đích xác định sự hợp lệ của hàng nhập khẩu để được hưởng mức thuế ưu đãi.

Nếu không có Quy tắc xuất xứ, hiện tượng chệch hướng thương mại (trade deflection) sẽ rất khó ngăn chặn được khi hàng hóa nhập khẩu từ các nước không tham gia FTA sẽ vào khu vực FTA thông qua nước thành viên áp dụng mức thuế thấp nhất đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước không tham gia FTA.

***Câu hỏi 37: Các trường hợp nào hàng hoá được xem là có xuất xứ?***

***Trả lời:***

Hàng hoá được xem là có xuất xứ trong trường hợp hàng hóa đó:

(a) Thu được hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên;

(b) Được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên và hoàn toàn từ các nguyên liệu có xuất xứ; hoặc

(c) Được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên; sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ với điều kiện hàng hóa thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu có hiệu lực tại Phụ lục 3-D (Quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng).

Ngoài ra, hàng hoá được xem là có xuất xứ phải đáp ứng đầy đủ được những yêu cầu khác được quy định tại Chương 3 - Quy tắc xuất xứ và thủ tục về xuất xứ của Hiệp định.

***Câu hỏi 38: Các trường hợp nào hàng hoá được xem là có xuất xứ thuần túy?***

***Trả lời:***

Một hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hoá được sản xuất hoàn toàn trong lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên, bao gồm các loại sau:

- Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng;
- Động vật sống;
- Sản phẩm thu được từ động vật sống;
- Sản phẩm thu được từ săn bắn, nuôi trồng, thu lượm;
- Khoáng chất và các chất sản sinh tự nhiên;
- Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển;
- Sản phẩm được chế biến hoặc được sản xuất ngay trên tàu;



- Sản phẩm khai thác từ đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa;
- Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ quá trình sản xuất và tiêu dùng;
- Sản phẩm thu được hoặc được sản xuất từ các loại hàng hóa kể trên.

**Câu hỏi 39: Các phương pháp tính hàm lượng giá trị khu vực là như thế nào?**

**Trả lời:**

Hàng hoá có xuất xứ không thuần túy được coi là có xuất xứ khi đáp ứng các tiêu chí về Hàm lượng giá trị khu vực (Regional Value Content - RVC) không nhỏ hơn tỷ lệ phần trăm quy định và công đoạn sản xuất cuối cùng được thực hiện tại một nước thành viên. Hàm lượng giá trị khu vực tùy theo các mặt hàng cụ thể được quy định tại Phụ lục 3-D của Hiệp định TPP.

Các cách tính cụ thể RVC được quy định trong TPP là:

- Phương pháp giá trị tập trung: dựa trên giá trị nguyên liệu không có xuất xứ

$$RVC = \frac{\text{Giá trị hàng hóa - FVNM}}{\text{Giá trị hàng hóa}} \times 100\%$$

- Phương pháp “build - down”: dựa trên giá trị nguyên liệu không có xuất xứ

$$RVC = \frac{\text{Giá trị hàng hóa - VNM}}{\text{Giá trị hàng hóa}} \times 100\%$$

- Phương pháp “build - up”: dựa trên giá trị nguyên liệu có xuất xứ

$$RVC = \frac{VOM}{\text{Giá trị hàng hóa}} \times 100\%$$

- Phương pháp chi phí ròng (chỉ áp dụng cho ô tô)

$$RVC = \frac{NC - VNM}{NC} \times 100\%$$

Trong đó:

- *RVC là hàm lượng giá trị khu vực (regional value content) của hàng hóa, tính bằng phần trăm;*

- *VNM là giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ, bao gồm nguyên liệu không rõ xuất xứ, sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa;*

- *NC là chi phí ròng của hàng hóa được xác định theo Điều 3.9 - Chi phí ròng của Hiệp định TPP;*

- *FVNM là giá trị nguyên liệu không có xuất xứ, bao gồm cả nguyên liệu không rõ nguồn gốc quy định trong quy tắc cụ thể theo sản phẩm tại Phụ lục 3-D (Quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng) và được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó. Để giải thích rõ hơn, nguyên liệu không có xuất xứ không được nêu trong quy tắc cụ thể theo sản phẩm tại Phụ lục 3-D (Quy tắc xuất xứ cụ thể theo mặt hàng) không được dùng để xác định FVNM;*

- *VOM là giá trị của các nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó trong lãnh thổ của một hoặc nhiều Bên.*

**Câu hỏi 40: Cách tính giá trị nguyên liệu sử dụng trong sản xuất như thế nào?**

**Trả lời:**

Giá trị của một nguyên liệu sử dụng trong sản xuất được tính như sau:

(a) Đối với một loại nguyên liệu do nhà sản xuất hàng hóa nhập khẩu: là giá trị giao dịch của nguyên liệu đó tại thời điểm nhập khẩu, bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa quốc tế;

(b) Đối với một loại nguyên liệu thu được tại lãnh thổ mà hàng hóa được sản xuất:

- Giá do nhà sản xuất thanh toán tại Bên có trụ sở của nhà sản xuất;

- Giá trị được xác định đối với một nguyên liệu nhập khẩu tại điểm (a) nêu trên;

- Mức giá có thể xác định đầu tiên được trả hoặc phải trả trong lãnh thổ của Bên đó.

(c) Đối với nguyên liệu tự sản xuất:

- Tất cả các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất nguyên liệu, trong đó bao gồm chi phí chung; và

- Một khoản tiền tương đương với lợi nhuận tạo ra trong quy trình thương mại thông thường, hoặc bằng với lợi nhuận từ việc bán hàng hoá cùng loại với loại nguyên liệu tự sản xuất đang được định giá.

**Câu hỏi 41: Quy định về hàm lượng không đáng kể là gì?**

**Trả lời:**

Quy định này được áp dụng cho hàng hóa theo tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã số HS.

Theo đó, trừ trường hợp ngoại lệ, hàng hóa có chứa các loại nguyên liệu không có xuất xứ vẫn được xem là có xuất xứ nếu giá trị của tất cả các nguyên liệu này không vượt quá 10% giá trị của hàng hóa đó và thỏa mãn tất cả các điều kiện liên quan khác. Ngưỡng 10% còn được gọi là ngưỡng De-minimis.

Quy định về hàm lượng không đáng kể này chỉ áp dụng khi sử dụng một loại nguyên liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất một hàng hóa khác; và hàng hóa này cũng phải tuân thủ những yêu cầu về hàm lượng giá trị khu vực.

Về một số trường hợp ngoại lệ đối với quy định về hàm lượng không đáng kể, xem thêm Phụ lục C: Các trường hợp ngoại lệ đối với Điều 3.11 (Hàm lượng không đáng kể của Chương 3 Hiệp định TPP).

***Câu hỏi 42: Một số lưu ý về quá cảnh và trung chuyển là gì?***

***Trả lời:***

Một hàng hóa có xuất xứ được giữ nguyên tình trạng xuất xứ nếu hàng hóa đó đã được vận chuyển đến Bên nhập khẩu không qua lãnh thổ của một nước ngoài khối TPP.

Trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước ngoài khối TPP, tình trạng xuất xứ của hàng hóa được giữ nguyên với điều kiện hàng hóa đó:

(a) Không được sử dụng trong bất kỳ hoạt động nào bên ngoài lãnh thổ của các Bên, ngoại trừ: dỡ hàng; xếp

hàng trở lại; tách từ một lô hàng rời; lưu trữ; ghi nhãn hoặc ký đánh dấu theo yêu cầu của Bên nhập khẩu; hoặc một hoạt động khác cần thiết để bảo vệ hàng hóa trong tình trạng tốt hoặc để vận chuyển đến lãnh thổ của Bên nhập khẩu; và

(b) Vẫn nằm trong sự kiểm soát của cơ quan hải quan trong lãnh thổ của một nước ngoài khỏi TPP.

***Câu hỏi 43: Những quy định liên quan đến giấy chứng nhận xuất xứ là gì?***

***Trả lời:***

Người có thể lập giấy chứng nhận xuất xứ: nhà xuất khẩu, nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu. Quy định về một giấy chứng nhận xuất xứ:

(a) Không cần phải tuân theo một mẫu quy định sẵn;

(b) Phải được lập bằng văn bản, bao gồm định dạng điện tử;

(c) Nêu rõ hàng hóa có xuất xứ và đáp ứng các yêu cầu của Chương Quy tắc xuất xứ và thủ tục xuất xứ của Hiệp định TPP;

(d) Có chứa một tập hợp các dữ liệu với yêu cầu thông tin tối thiểu quy định tại Phụ lục 3-B gồm: giấy chứng nhận xuất xứ của nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất; người chứng nhận; nhà xuất khẩu; nhà sản xuất; nhà nhập khẩu; mô tả và mã số HS của hàng hóa; tiêu chí xuất xứ; thời hạn giao hàng nhiều lần; ngày và chữ ký được ủy quyền.

Phạm vi áp dụng của một giấy chứng nhận xuất xứ:

(a) Một lô hàng duy nhất của một mặt hàng vào lãnh thổ của một Bên; hoặc

(b) Nhiều lô hàng của hàng hóa giống hệt nhau trong khoảng thời gian quy định trong giấy chứng nhận xuất xứ, nhưng không quá 12 tháng.

Hiệu lực của một chứng nhận xuất xứ: là một năm kể từ ngày cấp hoặc một thời hạn dài hơn theo quy định của pháp luật của Bên nhập khẩu.

Cơ sở của một giấy chứng nhận xuất xứ là:

(1) Mỗi Bên quy định rằng nếu một nhà sản xuất xác nhận xuất xứ của một hàng hóa, giấy chứng nhận xuất xứ sẽ được lập trên cơ sở của nhà sản xuất có thông tin rằng hàng hóa có xuất xứ.

(2) Mỗi Bên quy định rằng nếu nhà xuất khẩu không phải là nhà sản xuất của hàng hóa, một giấy chứng nhận xuất xứ có thể được lập bởi các nhà xuất khẩu hàng hóa trên cơ sở:

- + Nhà xuất khẩu có thông tin là hàng có xuất xứ; hoặc
- + Thông tin của nhà sản xuất rằng hàng hóa có xuất xứ có thể tin cậy được (một cách hợp lý).

(3) Mỗi Bên quy định rằng một giấy chứng nhận xuất xứ có thể được lập bởi nhà nhập khẩu của hàng hóa trên cơ sở:

- + Nhà nhập khẩu có tài liệu chứng minh hàng hóa có xuất xứ; hoặc
- + Tài liệu chứng minh hàng hóa có xuất xứ do nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất cung cấp có thể tin cậy được (một cách hợp lý).

(4) Để giải thích rõ hơn, khoản (1) hoặc (2) không có nghĩa là một Bên được phép yêu cầu một nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất lập một giấy chứng nhận xuất xứ hoặc cung cấp một giấy chứng nhận xuất xứ cho người khác.

***Câu hỏi 44: Những trường hợp nào được miễn giấy chứng nhận xuất xứ?***

***Trả lời:***

Giấy chứng nhận xuất xứ được miễn trong trường hợp:

- Giá trị hải quan nhập khẩu không vượt quá 1.000 USD hoặc số tiền tương đương bằng đồng tiền của Bên nhập khẩu hoặc một số tiền lớn hơn do Bên nhập khẩu quy định.

- Bên nhập khẩu không yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa đó hoặc nhà nhập khẩu được Bên nhập khẩu miễn xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ, với điều kiện việc nhập khẩu nằm trong chuỗi nhập khẩu liên tiếp được thực hiện hoặc sắp đặt nhằm mục đích né tránh quy định pháp luật của Bên nhập khẩu về yêu cầu ưu đãi thuế quan theo Hiệp định TPP.

***Câu hỏi 45: Nghĩa vụ của Bên nhập khẩu đối với xuất xứ hàng hóa là gì?***

***Trả lời:***

Để yêu cầu ưu đãi thuế quan, nhà nhập khẩu phải thực hiện một số công việc sau:

(a) Lập một tờ khai về việc hàng hóa thỏa mãn các yêu cầu về hàng hóa có xuất xứ;

(b) Sở hữu một giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ tại thời điểm lập tờ khai nêu trên;

(c) Cung cấp một bản sao của giấy chứng nhận xuất xứ cho Bên nhập khẩu nếu được yêu cầu; và

(d) Cung cấp các tài liệu liên quan như chứng từ vận tải hoặc chứng từ hải quan hoặc lưu trữ (trong trường hợp lưu trữ hàng hoá) nếu một Bên yêu cầu để chứng minh rằng các yêu cầu sau đây đã được thỏa mãn là:

- Mỗi Bên quy định rằng một hàng hóa có xuất xứ được giữ nguyên tình trạng xuất xứ nếu hàng hóa đó đã được vận chuyển đến Bên nhập khẩu không qua lãnh thổ của một nước ngoài khối TPP.

- Mỗi Bên quy định rằng nếu một hàng hóa có xuất xứ được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều nước ngoài khối TPP, tình trạng xuất xứ của hàng hóa được giữ nguyên với điều kiện hàng hóa đó:

(a) Không được sử dụng trong bất kỳ hoạt động nào bên ngoài lãnh thổ của các Bên ngoài: dỡ hàng; xếp hàng trở lại; tách từ một lô hàng rời; lưu trữ; ghi nhãn hoặc ký đánh dấu theo yêu cầu của Bên nhập khẩu; hoặc một hoạt động khác cần thiết để bảo vệ hàng hóa trong tình trạng tốt hoặc để vận chuyển đến lãnh thổ của Bên nhập khẩu; và

(b) Vẫn nằm trong sự kiểm soát của cơ quan hải quan trong lãnh thổ của một nước ngoài khối TPP.

### **★ Vệ sinh và kiểm dịch**

***Câu hỏi 46: Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì?***

***Trả lời:***

Theo Hiệp định về việc áp dụng Các biện pháp Kiểm dịch động thực vật của WTO (Phụ lục A) thì biện pháp



vệ sinh và kiểm dịch được hiểu là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc có tác động đến thương mại quốc tế nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc bảo đảm an toàn thực phẩm và/hoặc ngăn chặn sự xâm nhập của các dịch bệnh có nguồn gốc từ động thực vật.

***Câu hỏi 47: Vai trò của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì?***

***Trả lời:***

Giúp bảo vệ sinh mạng và sức khỏe con người, động vật hoặc thực vật trong lãnh thổ của các nước tham gia Hiệp định. Trong khi đó vẫn tạo điều kiện và mở rộng thương mại bằng cách sử dụng đa dạng các phương tiện để giải quyết các vấn đề về vệ sinh và kiểm dịch. Góp phần khuyến khích xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh kiểm dịch cho các nước thành viên.

***Câu hỏi 48: Các nguyên tắc khi áp dụng biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là gì?***

***Trả lời:***

- Chỉ được áp dụng ở mức cần thiết để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe con người, động vật, thực vật và phải căn cứ vào các nguyên tắc khoa học (trừ một số ngoại lệ, ví dụ dịch bệnh khẩn cấp);

- Không tạo ra sự phân biệt đối xử một cách tùy tiện hoặc không có căn cứ hoặc gây ra cản trở trá hình đối với thương mại;

- Phải dựa vào các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế, nếu có;

- Khuyến khích việc hài hoà hoá các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch giữa các nước.

***Câu hỏi 49: Hiệp định TPP quy định cơ quan nào giám sát việc thực hiện các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch?***

***Trả lời:***

Để giám sát việc thực hiện các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch trong khối, các Bên nhất trí thành lập Ủy ban về Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch (sau đây gọi là Ủy ban) bao gồm cơ quan đại diện chính phủ của mỗi Bên chịu trách nhiệm về các vấn đề vệ sinh và kiểm dịch. Ủy ban sẽ ban hành các điều khoản tham chiếu tại cuộc họp đầu tiên và có thể sửa đổi những điều khoản khi cần thiết. Ủy ban phải họp trong vòng một năm kể từ ngày có hiệu lực của Hiệp định này và sau đó mỗi năm một lần, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

***Câu hỏi 50: Một số ví dụ không phải biện pháp vệ sinh và kiểm dịch?***

***Trả lời:***

Lệnh cấm sản xuất, nhập khẩu hay lưu hành các sản phẩm có chứa chất amiăng: không phải là biện pháp SPS vì nó nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người khỏi hoá chất công nghiệp độc hại (không phải nguy cơ từ động thực vật hay thực phẩm).

Quy định “buộc phải ghi rõ “sản phẩm biến đổi gen” trên nhãn hàng hoá đối với hàng hoá làm từ sản phẩm biến đổi gen”: không phải là biện pháp vệ sinh và kiểm dịch vì nó không nhằm bảo vệ sức khỏe hay tính mạng

con người mà chỉ phục vụ mục đích thông tin cho người tiêu dùng.

***Câu hỏi 51: Cơ quan nào chịu trách nhiệm về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch tại Việt Nam?***

***Trả lời:***

Riêng đối với Việt Nam, bên cạnh Ủy ban về Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch do các nước TPP thành lập sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực, một số cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chịu trách nhiệm về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch là:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục Thú y, Cục Bảo vệ thực vật);
- Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu);
- Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm).

***Câu hỏi 52: Tổ chức nào chịu trách nhiệm đưa ra các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch?***

***Trả lời:***

- Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm (Codex Alimentarius Commission) trong lĩnh vực an toàn thực phẩm;
- Văn phòng quốc tế về bệnh dịch động vật (International Office of Epizootic) trong lĩnh vực sức khỏe động vật;
- Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật (International Plant Protection Convention) trong lĩnh vực sức khỏe thực vật;

- Các tổ chức quốc tế khác có liên quan mà tất cả các thành viên WTO đều có thể tham gia (các tổ chức này sẽ do Ủy ban SPS xác định) trong các lĩnh vực khác.

### **★ Rào cản kỹ thuật đối với thương mại**

**Câu hỏi 53: Các rào cản kỹ thuật đối với thương mại là gì?**

**Trả lời:**

Trong thương mại quốc tế, các rào cản kỹ thuật đối với thương mại thực chất là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu (sau đây gọi chung là các biện pháp kỹ thuật).

Các biện pháp kỹ thuật này về nguyên tắc là cần thiết và hợp lý nhằm bảo vệ những lợi ích quan trọng như sức khỏe con người, môi trường, an ninh,... Vì vậy, mỗi thành viên của khối TPP đều thiết lập và duy trì một hệ thống các biện pháp kỹ thuật riêng đối với hàng hóa của mình và hàng hóa nhập khẩu.

Tuy nhiên trên thực tế, các biện pháp kỹ thuật có thể là những rào cản tiềm ẩn đối với thương mại quốc tế bởi chúng có thể được sử dụng với mục tiêu bảo hộ cho sản phẩm trong nước, gây khó khăn cho việc thâm nhập của hàng hóa nước ngoài vào thị trường nhập khẩu. Do đó chúng còn được gọi là "rào cản kỹ thuật đối với thương mại".

**Câu hỏi 54: Có những loại rào cản kỹ thuật nào?**

**Trả lời:**

Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO phân biệt 03 loại biện pháp kỹ thuật sau đây:

- Quy chuẩn kỹ thuật (technical regulations) là những yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng (các doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ);

- Tiêu chuẩn kỹ thuật (technical standards) là các yêu cầu kỹ thuật được chấp thuận bởi một tổ chức đã được công nhận nhưng không có giá trị áp dụng bắt buộc; và

- Quy trình đánh giá sự phù hợp của một loại hàng hoá với các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật (conformity assessment procedure).

**Câu hỏi 55: Nội dung các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật thương mại?**

**Trả lời:**

- Các đặc tính của sản phẩm (bao gồm cả đặc tính về chất lượng);

- Các quy trình và phương pháp sản xuất (PPMs) có ảnh hưởng hay tác động đến đặc tính của sản phẩm;

- Các thuật ngữ, ký hiệu;

- Các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn mác áp dụng cho sản phẩm...

**Câu hỏi 56: Các loại hàng hoá nào thường là đối tượng của các biện pháp kỹ thuật?**

**Trả lời:**

*Máy móc thiết bị:* các công cụ lắp ráp và xây dựng chạy điện, các thiết bị chế biến gỗ và kim loại, thiết bị y tế, thiết bị chế biến thực phẩm.

*Các sản phẩm tiêu dùng:* dược phẩm, mỹ phẩm, bột giặt tổng hợp, đồ điện gia dụng, đầu máy video và tivi,

thiết bị điện ảnh và ảnh, ô tô, đồ chơi, một số sản phẩm thực phẩm.

*Nguyên liệu và các sản phẩm phục vụ nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu, các hoá chất độc hại.*

***Câu hỏi 57: Phân biệt các biện pháp kỹ thuật và các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch?***

***Trả lời:***

Tiêu chí để phân biệt hai nhóm biện pháp này là mục tiêu áp dụng của chúng:

- Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch hướng tới mục tiêu cụ thể là bảo vệ cuộc sống, sức khỏe con người, vật nuôi, động thực vật thông qua việc bảo đảm vệ sinh thực phẩm và ngăn chặn các dịch bệnh;

- Các biện pháp kỹ thuật hướng tới nhiều mục tiêu chính sách khác nhau (an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh...).

Việc phân biệt khi nào một biện pháp là kỹ thuật hay vệ sinh và kiểm dịch là rất quan trọng đối với doanh nghiệp bởi mỗi loại biện pháp sẽ chịu sự điều chỉnh của các nguyên tắc và quy định riêng của WTO; trên cơ sở đó, doanh nghiệp biết bảo vệ quyền lợi của mình bằng phương pháp nào thì thích hợp.

*Ví dụ 1:* Các quy định về thuốc sâu.

Quy định về lượng thuốc sâu trong thực phẩm hoặc trong thức ăn gia súc nhằm bảo vệ sức khỏe con người hoặc động vật: Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch;

Quy định liên quan đến chất lượng, công năng của sản phẩm hoặc những rủi ro về sức khỏe có thể xảy ra với người sử dụng: Biện pháp kỹ thuật.

*Ví dụ 2:* Các quy định về bao bì sản phẩm.

Quy định về hun khử trùng hoặc các biện pháp xử lý khác đối với bao bì sản phẩm (tẩy uế nhằm tránh lây lan dịch bệnh): Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch;

Quy định về kích thước, kiểu chữ in, các loại thông tin về thành phần, loại hàng trên bao bì: Biện pháp kỹ thuật.

***Câu hỏi 58: Những nguyên tắc khi áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thương mại là gì?***

***Trả lời:***

Theo Hiệp định các biện pháp kỹ thuật, khi ban hành các quy định về kỹ thuật đối với hàng hoá, mỗi nước thành viên đều phải bảo đảm rằng việc áp dụng các quy định này là:

- Không phân biệt đối xử;
- Tránh tạo ra rào cản không cần thiết đối với thương mại quốc tế (nếu có thể dùng các biện pháp khác ít hạn chế thương mại hơn);
- Hải hoà hoá;
- Có tính đến các tiêu chuẩn quốc tế chung;
- Bảo đảm nguyên tắc tương đương và công nhận lẫn nhau (với các nước khác);
- Minh bạch.

Đây là những công cụ quan trọng mà doanh nghiệp có thể sử dụng để bước đầu nhận biết một biện pháp kỹ thuật có tuân thủ WTO hay không, để từ đó có biện pháp khiếu nại, khiếu kiện hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

***Câu hỏi 59: Tổ chức nào chịu trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế thông dụng hiện nay?***

***Trả lời:***

Các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế thông dụng hiện nay do các tổ chức sau ban hành:

- Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá (ISO);
- Ủy ban Kỹ thuật Điện tử quốc tế (IEC);
- Liên đoàn Viễn thông quốc tế (ITU);
- Ủy ban Dinh dưỡng CODEX.

**★Lao động**

***Câu hỏi 60: Mục đích của quy định về lao động trong Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Các quy định về lao động trong Hiệp định TPP nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động. Theo quan điểm của Hiệp định TPP, người lao động là người trực tiếp làm ra các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ trong thương mại quốc tế nên phải được hưởng lợi và chia sẻ những thành quả của quá trình sản xuất đó.

Cụ thể là, họ phải được bảo đảm các quyền, lợi ích và các điều kiện lao động cơ bản. Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay, các quyền, lợi ích và điều kiện này càng



hướng tới sự công bằng, bình đẳng giữa các nước. Vì vậy cần đưa các tiêu chuẩn chung về lao động vào các hiệp định thương mại tự do.

Ngoài ra, việc đưa nội dung về lao động vào Hiệp định còn có mục đích nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng giữa các bên trong quan hệ thương mại. Một nước duy trì tiêu chuẩn lao động thấp, tiền lương và các điều kiện lao động không được xác lập trên cơ sở thương lượng thường được cho là sẽ có chi phí sản xuất thấp hơn so với nước thực hiện các tiêu chuẩn cao hơn, nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi chính đáng của người lao động.

Do đó, để tránh cạnh tranh không bình đẳng thông qua việc không bảo đảm điều kiện làm việc cơ bản cho người lao động, các nước tham gia Hiệp định TPP đưa ra những cam kết về lao động trong một chương riêng của Hiệp định. Bên cạnh đó, Hiệp định còn mở đường cho quá trình hợp tác về vấn đề lao động và đưa ra các phương thức giải quyết vấn đề lao động giữa các nước thành viên khối TPP.

***Câu hỏi 61: Các quyền lao động cơ bản trong Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Điều 19.3 của Hiệp định TPP đã quy định về quyền lao động, theo đó mỗi quốc gia phải thông qua và duy trì trong các quy chế và quy định của mình các quyền lao động cơ bản như đã được nêu trong tuyên bố ILO. Đó là 4 quyền cơ bản:

- Quyền tự do liên kết và công nhận hiệu quả quyền thương lượng tập thể;

- Loại bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc;

- Bãi bỏ lao động trẻ em, cấm những hình thức lao động trẻ em tệ hại nhất;

- Không phân biệt đối xử trong lao động và nghề nghiệp.

Ngoài ra, các nước thành viên phải thông qua và duy trì trong các quy chế và quy định của mình các điều kiện làm việc có thể chấp nhận được đối với mức lương tối thiểu, giờ làm việc, an toàn và sức khỏe lao động.

***Câu hỏi 62: Những văn bản nào của ILO quy định về 4 quyền lao động cơ bản?***

***Trả lời:***

Theo ILO, các quyền và nguyên tắc cơ bản được quy định trong 8 Công ước của ILO gồm:

- Công ước số 87 về tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức năm 1948.

- Công ước số 98 về quyền tổ chức và thương lượng tập thể năm 1949.

- Công ước số 29 về xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1930.

- Công ước số 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1957.

- Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ năm 1951.

- Công ước số 111 về chống phân biệt đối xử trong việc làm năm 1958.

- Công ước số 138 về độ tuổi tối thiểu năm 1973.

- Công ước số 182 về xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999.

Việt Nam là thành viên của ILO từ năm 1992.

Với tinh thần bảo đảm điều kiện lao động tốt nhất cho người lao động, Việt Nam đã chủ động phê chuẩn 5 công ước cơ bản của ILO, bao gồm các công ước số 29, 100, 111, 138 và 182. Với 3 công ước cơ bản còn lại là các Công ước số 87, 98 và 105, Việt Nam đã và đang tiến hành nghiên cứu và chuẩn bị để trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Theo Tuyên bố năm 1998 của ILO thì các nước thành viên ILO dù đã phê chuẩn hay chưa phê chuẩn các công ước cơ bản nêu trên đều có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện bốn tiêu chuẩn lao động được đề cập trong các công ước đó.

***Câu hỏi 63: Hiệp định TPP quy định như thế nào về hàng hóa sản xuất từ quy trình có sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP hướng tới mục tiêu của việc xóa bỏ các hình thức lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc bao gồm cả lao động trẻ em. Do đó, bên cạnh các cam kết của các nước trong khối TPP nhằm xóa bỏ lao động cưỡng bức trong nước mình, Chương Lao động còn bao gồm những cam kết của các Bên nhằm ngăn chặn (thông qua những sáng kiến phù hợp) việc nhập khẩu hàng hóa từ các nguồn khác được sản xuất toàn bộ hoặc một phần bởi lao động cưỡng bức hoặc ép buộc, trong đó có lao động trẻ em cưỡng bức hoặc ép buộc, bất kể nước xuất

xứ có phải là nước thành viên khối TPP hay không. Như vậy, hàng hóa sản xuất từ quy trình có sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em không được khuyến khích, thậm chí là hạn chế trao đổi trong khối các nước thành viên khối TPP nói riêng và trong hoạt động thương mại quốc tế nói chung.

***Câu hỏi 64: Hợp tác trong vấn đề lao động giữa các quốc gia thành viên được quy định như thế nào trong khối TPP?***

***Trả lời:***

Trước hết, Chương Lao động quy định rất nhiều điều khoản gợi mở cho việc hợp tác giữa các quốc gia trong khối TPP. Theo đó, hợp tác là một cách thức để nâng cao cơ hội cải thiện các tiêu chuẩn lao động và thúc đẩy những cam kết chung liên quan đến các vấn đề lao động bao gồm an sinh và chất lượng cuộc sống của người lao động, những nguyên tắc và quyền lợi được nêu trong Tuyên bố ILO. Những quy định trong Chương Lao động xác định 7 nguyên tắc hợp tác (như theo ưu tiên của mỗi quốc gia, vì lợi ích chung; minh bạch và có sự tham gia của công chúng); xác định 19 lĩnh vực hợp tác (từ vấn đề giải quyết việc làm, tiền lương... đến xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật, đối thoại xã hội và trách nhiệm xã hội...) và các lĩnh vực khác khi các Bên có thể quyết định và đưa ra 4 hình thức cơ bản để thực hiện hợp tác (hội nghị, hội thảo, đối thoại; tham quan để nghiên cứu, học tập; hợp tác nghiên cứu; trao đổi chuyên gia...).

***Câu hỏi 65: Cơ chế thực thi các cam kết lao động trong Hiệp định TPP được quy định như thế nào?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP đưa ra ba cơ chế thực thi các cam kết liên quan đến vấn đề lao động là đối thoại lao động hợp tác, hội đồng lao động và các đầu mối liên lạc. Theo đó, một Bên có thể đề nghị đối thoại với một Bên khác về bất kỳ vấn đề gì phát sinh liên quan đến lao động vào bất cứ khi nào bằng việc gửi một văn bản đề nghị đến điểm liên hệ mà Bên kia đã chỉ định. Bên đề nghị sẽ kèm theo các thông tin đầy đủ và cụ thể để giúp Bên kia phản hồi, bao gồm việc xác định các vấn đề được đề cập, chỉ ra cơ sở của đề nghị theo quy định của Hiệp định này và cách thức mà thương mại và đầu tư giữa các bên bị ảnh hưởng nếu có liên quan.

Bên cạnh đó, các nước thành viên thiết lập một Hội đồng lao động (Hội đồng) gồm các đại diện chính phủ cấp bộ hoặc cấp khác theo chỉ định của mỗi Bên. Các nước thành viên sẽ chỉ định một văn phòng hoặc một viên chức thuộc bộ lao động của mình hoặc tổ chức tương đương là điểm liên hệ để giải quyết những vấn đề liên quan đến lao động trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Bên đó.

**★ Môi trường**

***Câu hỏi 66: Quy định về môi trường trong Hiệp định TPP hướng tới mục tiêu gì?***

***Trả lời:***

Quy định về môi trường trong Hiệp định TPP hướng tới giúp các nước đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn

đề môi trường, bảo đảm sự cam kết của các nước về vấn đề bảo vệ và bảo tồn môi trường; hướng tới tăng cường sự hợp tác giữa các nước trong việc giải quyết thách thức ô nhiễm môi trường, buôn bán động vật trái phép, khai thác gỗ bất hợp pháp và bảo vệ môi trường biển... tất cả nhằm xây dựng một môi trường bền vững cho mỗi nước cũng như toàn khu vực.

**Câu hỏi 67: Những nghĩa vụ về môi trường Việt Nam cần thực thi theo Hiệp định TPP là gì?**

**Trả lời:**

- Bảo đảm việc xây dựng đầy đủ luật pháp và chính sách môi trường, khuyến khích bảo vệ môi trường ở mức cao; thực thi nghiêm túc và hiệu quả pháp luật về môi trường của mình mà không gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các nước.

- Thực thi hiệu quả các cam kết trong các hiệp định đa phương về môi trường mà mình tham gia. Trong đó nhấn mạnh 3 điều ước quốc tế về môi trường và các chất làm suy giảm tầng ôzôn, ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển và buôn bán các loài động thực vật hoang dã đang bị đe dọa.

- Công khai thông tin, tăng cường sự tham gia của công chúng trong quá trình thực thi các vấn đề môi trường. Khuyến khích sự tham gia của khối tư nhân (doanh nghiệp) trong việc bảo vệ môi trường.

**★ Sở hữu trí tuệ**

**Câu hỏi 68: Sở hữu trí tuệ là gì? Quyền sở hữu trí tuệ là gì?**

**Trả lời:**

Sở hữu trí tuệ được hiểu là việc sở hữu các tài sản trí tuệ - những kết quả từ hoạt động tư duy, sáng tạo của con người.

Đối tượng của loại sở hữu này là các tài sản phi vật chất nhưng có giá trị kinh tế và tinh thần to lớn, góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn minh, khoa học, công nghệ của nhân loại như các tác phẩm văn học, nghệ thuật, phát minh, sáng chế...

Quyền sở hữu trí tuệ là **độc quyền** được công nhận cho một người, một nhóm người hoặc một tổ chức, cho phép họ được sử dụng hay khai thác các khía cạnh thương mại của một sản phẩm sáng tạo.

**Câu hỏi 69: Bản chất của bảo hộ sở hữu trí tuệ là gì?**

**Trả lời:**

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là nhằm bảo đảm cho người sáng tạo có thể khai thác giá trị kinh tế từ các sản phẩm sáng tạo của mình để bù đắp lại công lao sáng tạo.

Do đó, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ luôn gắn với thời hạn bảo hộ. Hết thời hạn này, các sáng tạo trở thành tài sản chung của nhân loại và tất cả mọi người có thể khai thác, sử dụng mà không phải xin phép hoặc trả thù lao cho người sáng tạo.

**Câu hỏi 70: Đối tượng của bảo hộ sở hữu trí tuệ là gì?**

**Trả lời:**

Đối tượng của bảo hộ sở hữu trí tuệ nhìn chung bao gồm:

- Quyền tác giả và các quyền liên quan;
- Nhãn hiệu hàng hóa;
- Chi dẫn địa lý;
- Kiểu dáng công nghiệp;

- Sáng chế;
- Thiết kế bố trí mạch tích hợp;
- Bí mật thương mại;

Hiệp định TPP quy định bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với hầu hết các đối tượng trên. Nhìn chung, sở hữu trí tuệ được chia thành hai nhóm: (1) Nhóm sở hữu công nghiệp bao gồm 6 trong số 7 nhóm đối tượng đầu tiên nêu trên; và (2) Nhóm quyền tác giả.

***Câu hỏi 71: Quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP có thể gây ra những tác động gì đến Việt Nam?***

***Trả lời:***

Đối với các quốc gia đang phát triển, những quy định mang tính yêu cầu cao, tương đối khắt khe như sở hữu trí tuệ có thể gây ra tác động hai chiều tới nền kinh tế:

*Mặt tích cực:*

- *Ngăn chặn được sự sản xuất và tiêu thụ hàng giả, hàng nhái.* Đây là những sản phẩm vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và gây thiệt hại cho nhà sản xuất chân chính cả về doanh thu và uy tín. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ sẽ giúp loại bỏ các sản phẩm này ra khỏi thị trường, bảo đảm quyền lợi của cả nhà sản xuất chân chính và người tiêu dùng.

- *Khuyến khích sáng tạo và chuyển giao công nghệ.* Nhiều nhà phát minh trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài thường nản lòng khi không có chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đủ mạnh ở nước sở tại. Do vậy, họ không có động lực để sáng tạo và cũng không muốn đem công



nghe mới hoặc nghiên cứu phát triển công nghệ ở nước sở tại vì sợ bị mất bí mật công nghệ.

*Mặt tiêu cực:*

Phần lớn số lượng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ hiện nay do các nước phát triển nắm giữ. Điều này tạo nên lợi thế rất lớn cho sản phẩm của các nước này so với các nước đang phát triển. Trong một số lĩnh vực, ví dụ dược phẩm, sự độc quyền khai thác bằng sáng chế đã đẩy giá sản phẩm lên rất cao, đem lại lợi nhuận khổng lồ cho hãng sản xuất. Các nước đang phát triển, vốn đã không có công nghệ, lại phải mua các sản phẩm với giá cao này nên thiệt thòi càng lớn.

***Câu hỏi 72: Những sai lầm phổ biến về sở hữu trí tuệ mà các nhà xuất khẩu thường mắc phải là gì?***

***Trả lời:***

Liên quan đến sở hữu trí tuệ, một số sai lầm phổ biến mà các nhà xuất khẩu thường mắc phải bao gồm:

- *Tin rằng bảo hộ sở hữu trí tuệ có tính toàn cầu:*  
Nhiều nhà xuất khẩu tin rằng bằng cách nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp ở các nước sở tại là họ sẽ tự động nhận được bảo hộ trên toàn thế giới. Nhưng quyền sở hữu trí tuệ có tính lãnh thổ và các cơ quan sở hữu trí tuệ chỉ cấp sự bảo hộ theo pháp luật quốc gia (hay khu vực) liên quan. Chỉ trong lĩnh vực quyền tác giả mới có bảo hộ rộng rãi và tự động ở nhiều nước.

- *Cho rằng pháp luật và thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là giống nhau trên toàn thế giới.* Tuy đã có sự hài

hòa hóa đáng kể về pháp luật và thủ tục bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên toàn thế giới, nhưng vẫn còn tồn tại khác biệt trong nhiều vấn đề ở các nước khác nhau.

- *Không kiểm tra xem nhãn hiệu đã được đăng ký hay sử dụng bởi đối thủ cạnh tranh ở thị trường xuất khẩu hay chưa.* Việc sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã đăng ký hay đang được sử dụng bởi một công ty khác ở nước khác có thể bị coi là xâm phạm quyền nhãn hiệu của công ty đó. Công ty xuất khẩu có thể bị yêu cầu ngừng sử dụng nhãn hiệu đó hoặc bị yêu cầu bồi thường thiệt hại cho hành vi xâm phạm.

- *Sử dụng nhãn hiệu không phù hợp với thị trường có liên quan.* Có rất nhiều ví dụ về các công ty chỉ khi bắt đầu tiếp thị sản phẩm hoặc dịch vụ ở thị trường nước ngoài mới nhận ra rằng nhãn hiệu của họ không phù hợp với thị trường đó vì: (1) Nhãn hiệu có ý nghĩa tiêu cực theo ngôn ngữ hoặc văn hóa địa phương; hoặc (2) Nhãn hiệu không thể đăng ký ở cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia.

- *Nộp đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ ở nước ngoài quá muộn.* Đối với một số quyền sở hữu trí tuệ như sáng chế hay kiểu dáng công nghiệp, cá nhân hoặc doanh nghiệp trong nước cần đăng ký bảo hộ tại các nước xuất khẩu trong một thời hạn nhất định kể từ ngày nộp đơn trong nước, gọi là “thời hạn ưu tiên”. Việc không nộp đơn trong thời hạn ưu tiên có thể khiến cá nhân hoặc doanh nghiệp mất đi khả năng bảo hộ tại nước đó và do vậy, tạo ra lỗ hổng cho các công ty khác sao chép sáng chế và kiểu dáng của mình.

**Câu hỏi 73: Theo quy định của Hiệp định TPP, nhãn hiệu là gì?**

**Trả lời:**

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ do một doanh nghiệp sản xuất hoặc cung cấp với những hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp khác.

Nhìn chung, bất kỳ chữ cái, từ ngữ, chữ số, hình vẽ, màu sắc, hình ảnh, tiêu đề quảng cáo, nhãn hàng hoặc sự kết hợp của các dấu hiệu kể trên được sử dụng để phân biệt hàng hóa dịch vụ của các công ty khác nhau có thể được coi là nhãn hiệu. Ở một số nước, các khẩu hiệu quảng cáo cũng được coi là nhãn hiệu và có thể được đăng ký một cách bình thường tại các cơ quan nhãn hiệu quốc gia (*Điều 15, Mục 2, TRIPS, TPP kế thừa*).

Ngoài ra, Hiệp định TPP còn cho phép việc đăng ký nhãn hiệu ít tính truyền thống như dấu hiệu nghe thấy được (âm thanh) hoặc dấu hiệu khứu giác (mùi hương). Đây chính là điểm phát triển của Hiệp định TPP trong các quy định về sở hữu trí tuệ so với TRIPS. Điều này được nêu rõ ở mục C, Điều 18.18 của Hiệp định TPP là: Không Bên nào được quy định rằng dấu hiệu phải được nhìn thấy bằng mắt như một điều kiện để đăng ký, cũng không được từ chối việc đăng ký nhãn hiệu là một âm thanh đơn thuần. Ngoài ra, mỗi Bên phải nỗ lực để cho phép đăng ký nhãn hiệu mùi hương. Một Bên có thể đòi hỏi một mô tả ngắn gọn và chính xác hoặc đại diện đồ họa của nhãn hiệu, hoặc cả hai nếu có thể.

***Câu hỏi 74: Những đối tượng nào có thể không được bảo hộ làm nhãn hiệu?***

***Trả lời:***

Các loại dấu hiệu thường không được chấp nhận đăng ký làm nhãn hiệu bao gồm các trường hợp sau:

*Tên gọi chung:* Ví dụ nếu công ty của bạn có ý định đăng ký nhãn hiệu CHAIR (có nghĩa là ghế) để bán sản phẩm ghế, nhãn hiệu sẽ bị từ chối do “chair” là tên gọi chung của sản phẩm.

*Từ ngữ có tính chất mô tả:* Đó là những từ ngữ thường được sử dụng trong thương mại để mô tả sản phẩm. Ví dụ nhãn hiệu SWEET (có nghĩa là ngọt) có thể bị từ chối khi đăng ký cho sôcôla vì tính mô tả của nó. Sẽ là không công bằng khi trao cho một nhà sản xuất sôcôla để tiếp thị sản phẩm của mình. Tương tự các thuật ngữ chỉ chất lượng hoặc tán dương sản phẩm như “RAPID” (nhANH), BEST (tốt nhất), “CLASSIC” (kinh điển) hay “INNOVATIVE” (sáng tạo) có khả năng làm phát sinh sự phản đối tương tự. Những quy định này đã được nêu rõ tại Điều 17, Mục 2, TRIPS và được Hiệp định TPP kế thừa như sau: Mỗi Bên có thể cho phép một số trường hợp ngoại lệ đối với các quyền từ nhãn hiệu, chẳng hạn như việc sử dụng hợp lý các thuật ngữ mô tả, với điều kiện những ngoại lệ đó có xét đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu và của các bên thứ ba.

*Nhãn hiệu có tính chất mô tả:* Đó là những nhãn hiệu có khả năng đánh lừa hoặc lừa dối người tiêu dùng về

bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của sản phẩm. Ví dụ tiếp thị bơ thực vật dưới dạng một nhãn hiệu mô tả con bò sữa có thể sẽ bị từ chối với lý do bị coi là lừa dối người tiêu dùng vì họ có thể liên hệ nhãn hiệu với các sản phẩm hàng ngày (nghĩa là bơ).

*Nhãn hiệu bị coi là trái với trật tự công cộng và đạo đức:* Quốc kỳ, huy hiệu, dấu xác nhận chính thức và biểu tượng của quốc gia hoặc các tổ chức quốc tế đã được thông báo cho Văn phòng quốc tế WIPO (Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) bị loại ra khỏi đối tượng đăng ký.

*Nhãn hiệu đăng ký xung đột với các nhãn hiệu có trước.* Nhãn hiệu có thể bị từ chối công nhận nếu trùng (hoặc rất giống) với một nhãn hiệu đang được bảo hộ (kể cả các nhãn hiệu nổi tiếng không đăng ký).

***Câu hỏi 75: Việc đăng ký nhãn hiệu có ý nghĩa như thế nào?***

***Trả lời:***

Việc đăng ký nhãn hiệu có ý nghĩa quan trọng là:

- *Thể hiện sự độc quyền sử dụng nhãn hiệu:* Việc đăng ký nhãn hiệu mang đến cho chủ thể đăng ký độc quyền sử dụng nhãn hiệu. Điều này sẽ ngăn cản người khác tiếp thị các sản phẩm trùng hoặc tương tự dưới một nhãn hiệu trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn.

- *Tạo thêm thu nhập bổ sung:* Chủ thể nhãn hiệu có thể chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hoặc nhượng quyền thương mại (chia sẻ quyền sử dụng) nhãn hiệu

được bảo hộ cho chủ thể khác, qua đó tạo ra thu nhập bổ sung cho công ty.

- *Huy động vốn*: Nhãn hiệu được bảo hộ có uy tín đối với người tiêu dùng cũng có thể được sử dụng để huy động vốn từ các tổ chức tài chính như ngân hàng hoặc các quỹ đầu tư.

- *Là công cụ tiếp thị, tạo dựng và bảo vệ uy tín và hình ảnh của sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ*: Nếu bạn không đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thì công ty khác có thể (vô tình hoặc cố ý) sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn cho sản phẩm của họ, từ đó hưởng lợi từ uy tín và mối liên hệ mà bạn đã tạo dựng với khách hàng và đối tác kinh doanh của bạn. Trong nhiều trường hợp, việc công ty khác sử dụng nhãn hiệu của bạn có thể làm tổn hại đến uy tín và hình ảnh của công ty bạn, đặc biệt khi sản phẩm cạnh tranh lại có chất lượng thấp hơn.

***Câu hỏi 76: Hiệp định TPP quy định thời hạn bảo hộ nhãn hiệu là bao lâu?***

***Trả lời:***

TPP quy định thời hạn bảo hộ nhãn hiệu lần đầu và sau mỗi lần gia hạn tối thiểu là 10 năm.

***Câu hỏi 77: Thủ tục đăng ký nhãn hiệu như thế nào?***

***Trả lời:***

Về cơ bản, thủ tục đăng ký nhãn hiệu đối với mỗi quốc gia có thể mô tả ngắn gọn theo quy trình chung như sau:

*Người nộp đơn:*

- Phải tra cứu nhãn hiệu - Để bảo đảm rằng nhãn hiệu dự định sử dụng chưa được đăng ký bởi công ty bất kỳ cho sản phẩm trùng hoặc tương tự.

- Gửi hoặc trực tiếp nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đã được khai đầy đủ theo mẫu và nộp một khoản phí theo quy định.

*Cơ quan nhãn hiệu:*

- Phải thẩm định hình thức - Kiểm tra đơn đăng ký để bảo đảm rằng đơn tuân thủ các yêu cầu hoặc thủ tục hành chính, ví dụ kiểm tra xem phí đã được nộp chưa và đơn đã được khai đầy đủ hay chưa.

- Phải thẩm định nội dung - Kiểm tra xem đơn có tuân thủ các yêu cầu về nội dung hay không, ví dụ dấu hiệu được đăng ký có thuộc đối tượng bị loại trừ do luật nhãn hiệu quy định hay không và nhãn hiệu có xung đột với nhãn hiệu được đăng ký trước về (các) nhóm có liên quan hay không.

*Công bố và phản đối:*

Ở nhiều nước, nhãn hiệu được công bố trên công báo chính thức để cho phép bên thứ ba phản đối việc đăng ký nhãn hiệu trong một thời hạn nhất định. Ở một số ít nước khác, nhãn hiệu chỉ được công bố khi đã được đăng ký, nhưng có một thời hạn nhất định sau đó cho phép việc khiếu nại yêu cầu hủy bỏ đăng ký.

*Đăng ký:*

Khi đã xác định được rằng không có cơ sở để từ chối thì nhãn hiệu sẽ được đăng ký và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu sẽ được cấp, thường có hiệu lực trong 10 năm.

*Gia hạn và hủy bỏ:*

Nhãn hiệu có thể được gia hạn nhiều lần hoặc bị hủy bỏ tùy theo quy định của pháp luật nhãn hiệu có liên quan.

***Câu hỏi 78: Chỉ dẫn địa lý là gì?***

***Trả lời:***

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể và có chất lượng hoặc danh tiếng được tạo ra nhờ khu vực địa lý đó. Phần lớn chỉ dẫn địa lý chứa tên gọi địa danh xuất xứ của hàng hóa.

***Câu hỏi 79: Phân biệt chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu như thế nào?***

***Trả lời:***

Chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu là hai khái niệm thường gây nhầm lẫn cho các doanh nghiệp và người sử dụng. Tuy nhiên giữa chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu có sự khác biệt về bản chất.

<b>Nhãn hiệu</b>	<b>Chỉ dẫn địa lý</b>
Là một dấu hiệu phân biệt các sản phẩm của một nhà sản xuất cụ thể với những hàng hóa của các đối thủ cạnh tranh khác. Vì vậy, nó không thể mang tính mô tả và không thể là tên chung.	Chỉ dẫn địa lý là một sự mô tả chung có khả năng áp dụng bởi mọi nhà sản xuất ở một khu vực địa lý cụ thể đối với hàng hóa mà có nguồn gốc từ khu vực đó.



<p>Được bảo hộ khỏi việc chiếm đoạt trái phép theo đơn yêu cầu của chủ sở hữu đã đăng ký của nhãn hiệu đó.</p>	<p>Chỉ dẫn địa lý được giám sát và bảo hộ bởi các hiệp hội của các nhà sản xuất ở khu vực có liên quan.</p>
<p>Nhãn hiệu thuộc sở hữu tư nhân nên có thể chuyển giao.</p>	<p>Chỉ dẫn địa lý mang tính “cộng đồng” không thể tự do chuyển giao từ một chủ sở hữu này sang chủ sở hữu khác.</p>

**Câu hỏi 80: Đặc trưng của chỉ dẫn địa lý là gì?**

**Trả lời:**

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. Đây là đối tượng sở hữu trí tuệ tương đối đặc thù với những đặc trưng sau:

*Thứ nhất*, chỉ dẫn địa lý thường không gắn với một sáng tạo đặc thù cá nhân hay tổ chức cụ thể mà liên quan tới sản phẩm đặc trưng của một cộng đồng, tại những khu vực địa lý nhất định.

Cụ thể, chỉ dẫn địa lý cho phép gắn một sản phẩm với một khu vực địa lý nơi nó được sản xuất ra với hàm ý rằng chất lượng của sản phẩm đó có đặc trưng riêng biệt xuất phát từ môi trường địa lý, bao gồm cả yếu tố tự nhiên (khí hậu, thủy văn, địa chất, hệ sinh thái...) và con người (kỹ năng, kỹ xảo của người sản xuất, quy trình sản xuất truyền thống của địa phương...) của khu vực này. Nói cách khác, chỉ dẫn địa lý có mối quan hệ chặt chẽ tới

nguồn thu nhập, văn hóa và cả sự phát triển của cộng đồng dân cư nhất định.

*Thứ hai*, vì các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý này có danh tiếng, chất lượng đã được xác lập lâu dài; chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu để sản phẩm có thể được đưa vào thương mại tốt hơn, mang lại lợi ích thực sự cho người kinh doanh các sản phẩm này.

Như vậy, chỉ dẫn địa lý là một đối tượng sở hữu trí tuệ gắn với lợi ích quan trọng của một cộng đồng tại một khu vực địa lý nhất định.

***Câu hỏi 81: Nguyên tắc bảo hộ chỉ dẫn địa lý áp dụng trong Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Điều 18.30 Hiệp định TPP quy định: “Các Bên thừa nhận chỉ dẫn địa lý có thể được bảo hộ thông qua một nhãn hiệu hoặc hệ thống đặc thù hoặc các phương tiện pháp lý khác”.

Hiệp định TPP không định nghĩa “các phương tiện pháp lý khác” là những phương tiện gì, nhưng theo Điều 18.19 thuộc Mục C của Hiệp định TPP: Nhãn hiệu, các quốc gia có thể đề nghị bảo hộ Nhãn hiệu tập thể (Collective Marks) và Nhãn hiệu chứng nhận (Certification Marks) thay vì bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Hiện nay, Hoa Kỳ và 5 quốc gia khác bao gồm Ôxtrâyliya, Brunây, Canada, Nhật Bản, Niu Dilân đồng ý với đề nghị nêu trên trong khi 6 quốc gia khác bao gồm Chilê, Malaixia, Mêhicô, Pêru, Xingapo và Việt Nam không đồng ý với đề nghị này.

**Câu hỏi 82: Bảo hộ sáng chế là gì?**

**Trả lời:**

Bảo hộ sáng chế là mang lại cho chủ sở hữu bằng sáng chế độc quyền ngăn cấm người khác khai thác thương mại sáng chế trong một thời hạn nhất định trước khi họ phải bộc lộ sáng chế cho công chúng.

Vì vậy chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế có thể ngăn cấm người sản xuất khác sử dụng, chào bán, bán hoặc nhập khẩu sáng chế được bảo hộ mà không có sự cho phép và có thể kiện ra tòa bất kỳ ai khai thác sáng chế được bảo hộ mà không được phép của họ.

**Câu hỏi 83: Đối tượng nào được và không được bảo hộ sáng chế theo quy định của Hiệp định TPP?**

**Trả lời:**

Khoản 1, Điều 18.37 Hiệp định TPP quy định mỗi quốc gia thành viên có thể cấp bằng độc quyền sáng chế cho bất kỳ sáng tạo nào thuộc tất cả các lĩnh vực công nghệ, dù là sản phẩm hay quy trình, miễn là thỏa mãn ba điều kiện sau:

- Phải là sáng chế mới;
- Có trình độ sáng tạo cao;
- Có khả năng áp dụng trong công nghiệp.

Khoản 2, Điều 18.37 Hiệp định TPP quy định bằng sáng chế có thể cấp cho:

- Bất kỳ cách sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết;
- Phương pháp sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết;

- Quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết ngay cả khi sáng tạo đó không dẫn tới việc tăng cường hiệu quả đã được biết đến của sản phẩm cũ đó.

Thực chất quy định này là sự mở rộng phạm vi đối tượng được bảo hộ sáng chế, là vấn đề gây tranh cãi gay gắt trong quá trình đàm phán Hiệp định TPP. Điều này có thể dẫn tới những lợi ích cho các doanh nghiệp có sáng chế, hoặc có ít nghiên cứu sáng chế nhưng thường xuyên thay đổi về cách sử dụng, phương pháp, quy trình sử dụng để kéo dài thời gian bảo hộ. Ví dụ trong lĩnh vực dược phẩm, chỉ cần chuyển cách sử dụng từ dạng uống sang dạng tiêm, hình thức sử dụng từ thuốc dạng xịt sang dạng viên... là có thể tiếp tục kéo dài thời gian bảo hộ, dẫn tới giá thuốc giữ ở mức cao.

Khoản 3, 4, Điều 18.37 Hiệp định TPP cho phép các quốc gia loại bỏ khỏi phát minh sáng chế các đối tượng sau:

- Các phương pháp chẩn đoán, điều trị và phẫu thuật cho người, động vật;
- Động vật không phải vi sinh vật;
- Các quá trình sinh học cơ bản để sản xuất thực vật và động vật.

***Câu hỏi 84: Thế nào là sản phẩm hóa nông mới, sản phẩm dược mới?***

***Trả lời:***

Trong lãnh thổ của một quốc gia:

Sản phẩm hóa nông mới là sản phẩm có chứa ít nhất một chất hóa học mà chưa được cơ quan cấp phép phê duyệt trước đó.

Sản phẩm dược mới là sản phẩm dược phẩm không chứa một chất hóa học đã được cơ quan cấp phép phê duyệt trước đó.

***Câu hỏi 85: Hiệp định TPP quy định thế nào về việc bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm dược?***

***Trả lời:***

Trong Hiệp định TPP có một cam kết riêng về thời hạn bảo hộ đối với kết quả thử nghiệm và các dữ liệu về tính an toàn, hiệu quả của nông hóa phẩm, dược phẩm chưa công khai, còn gọi là “Độc quyền dữ liệu”. Theo đó, nếu chủ thể nộp đơn xin Giấy phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới hoặc một sản phẩm dược mới phải cung cấp kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm đó cho cơ quan cấp phép, thì cơ quan này sẽ không cho chủ thể khác lưu hành cùng sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự trong một khoảng thời gian nhất định trừ khi được chủ thể đồng ý.

Quy định về việc bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm dược trong TPP được điều chỉnh phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của từng quốc gia thành viên. Riêng với Việt Nam, Hiệp định TPP quy định thời hạn bảo hộ độc quyền với kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật là 5 năm đối với sản phẩm hóa nông mới và sản phẩm dược mới.

**Câu hỏi 86: Quy định về bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm được đem lại lợi ích gì?**

**Trả lời:**

Các quy định về bảo hộ kết quả thử nghiệm và dữ liệu bí mật về sản phẩm hóa nông và sản phẩm dược cơ bản sẽ tạo lợi thế cho các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu thử nghiệm, bởi sau khi người này được cấp giấy phép lưu hành sản phẩm hóa nông, trong thời gian bảo hộ (5 năm đối với Việt Nam), các chủ thể khác muốn lưu hành sản phẩm tương tự sẽ không được sử dụng cùng một dữ liệu thử nghiệm đó nữa. Các chủ thể khác muốn đăng ký lưu hành sản phẩm sẽ phải tốn chi phí cho việc xây dựng dữ liệu thử nghiệm riêng của mình.

### **3. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỂ CHẾ**

#### **★ Chính sách cạnh tranh**

**Câu hỏi 87: Quy định về chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP nhằm mục tiêu gì?**

**Trả lời:**

Các nước trong khối TPP có mối quan tâm chung trong việc bảo đảm một khuôn khổ cạnh tranh công bằng trong khu vực, thông qua các quy định đòi hỏi các nước trong khối TPP phải duy trì các chế độ pháp lý nhằm ngăn cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh cũng như các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo làm tổn hại đến người tiêu dùng.

Các nước trong khối TPP đồng ý áp dụng hoặc duy trì luật cạnh tranh nhằm ngăn cấm hành vi kinh doanh phi cạnh tranh và áp dụng luật này vào tất cả các hoạt động thương mại trong lãnh thổ của mình.

***Câu hỏi 88: Nội dung chính của quy định về chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP là như thế nào?***

***Trả lời:***

Các nước trong khối TPP đồng ý thiết lập hoặc duy trì các cơ quan chịu trách nhiệm thi hành luật cạnh tranh quốc gia, áp dụng hoặc duy trì pháp luật hoặc quy định chống lại các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo làm tổn hại đến khách hàng.

Các nước trong khối TPP cũng đồng ý hợp tác về những vấn đề vì lợi ích đôi bên liên quan đến các hoạt động cạnh tranh nếu phù hợp.

Ngoài ra, các nước trong khối TPP đồng ý hợp tác trong chính sách cạnh tranh và thi hành luật cạnh tranh thông qua việc thông báo, tư vấn và trao đổi thông tin.

***Câu hỏi 89: Một số nguyên tắc trong chính sách cạnh tranh theo quy định của Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

*Thứ nhất*, nguyên tắc không phân biệt đối xử, theo đó các quốc gia thành viên TPP phải đối xử công bằng giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của các quốc gia thành viên TPP như nhau trong việc áp dụng luật cạnh tranh quốc gia.

*Thứ hai*, các nước thành viên phải nêu cao nguyên tắc trung lập về cạnh tranh trong đối xử với các doanh nghiệp có vốn nhà nước, các doanh nghiệp độc quyền, thống lĩnh thị trường của nhà nước với các doanh nghiệp có vốn ngoài nhà nước. Nguyên tắc này có thể được hiểu theo nghĩa hẹp là các nguyên tắc cạnh tranh phải được áp dụng ngang bằng với cả doanh nghiệp tư nhân và nhà nước, với rất ít ngoại lệ.

*Thứ ba*, nguyên tắc minh bạch, đây là một trong những nguyên tắc quan trọng trong các FTAs nói chung và Hiệp định TPP nói riêng. Hiệp định TPP khuyến khích các quốc gia càng minh bạch trong thực thi chính sách cạnh tranh càng tốt.

*Thứ tư*, nguyên tắc công bằng trong thủ tục tố tụng, không phân biệt là doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân, doanh nghiệp trong nước hay nước ngoài.

***Câu hỏi 90: Chính sách cạnh tranh của Hiệp định TPP mang lại cơ hội và thách thức gì đối với Việt Nam?***

***Trả lời:***

***Cơ hội:***

Theo Luật cạnh tranh hiện hành của Việt Nam, pháp luật chỉ điều chỉnh cho các quan hệ cạnh tranh giữa các đối tượng tại thị trường Việt Nam, do vậy mỗi quan hệ cạnh tranh sẽ mang tính bó hẹp trong một thị trường. Khi Hiệp định TPP có hiệu lực, cơ hội để doanh nghiệp yêu cầu cơ quan quản lý cạnh tranh quốc gia bảo vệ quyền lợi của mình khi có những hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài gây thiệt hại cho doanh nghiệp hoặc Nhà nước. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, trước hết Việt Nam phải sửa



đổi Luật cạnh tranh, trong đó có phạm vi điều chỉnh cả những hành vi phản cạnh tranh ở nước ngoài.

Đối với người tiêu dùng, sẽ có cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình khi bị xâm hại bởi các sản phẩm của những nhà sản xuất không hoạt động tại Việt Nam.

*Thách thức:*

Khi gia nhập TPP, các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước có nhiều cơ hội hơn để được bảo vệ khỏi những hành vi phản cạnh tranh, cũng như quyền lợi của người tiêu dùng. Cùng với việc được tạo ra nhiều cơ hội để bảo vệ quyền lợi thì các doanh nghiệp cũng phải chịu trách nhiệm lớn hơn đối với hành vi cạnh tranh của mình và người tiêu dùng không chỉ ở trong nước mà còn ở nước ngoài.

Đối với hoạt động cạnh tranh, trước đây các doanh nghiệp chỉ chịu sự điều chỉnh bởi luật cạnh tranh quốc gia tại thị trường trong nước. Nhưng, với cam kết trong TPP thì những hoạt động phản cạnh tranh tại thị trường trong nước, nếu làm thiệt hại đến các doanh nghiệp ở nước ngoài (trong khối TPP) thì các doanh nghiệp đó có thể yêu cầu cơ quan quản lý cạnh tranh của quốc gia đó xử lý theo luật cạnh tranh quốc gia.

### **★ Quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại**

*Câu hỏi 91: Mục đích của quy định về quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại trong Hiệp định TPP là gì?*

*Trả lời:*

Nhằm bổ sung các nỗ lực tạo thuận lợi cho thương mại, các Bên đã nhất trí về quy định tăng cường thuận lợi hóa thương mại, nâng cao tính minh bạch trong thủ tục

hải quan, và bảo đảm sự chính trực của cơ quan hải quan. Những quy định này sẽ giúp các doanh nghiệp thuộc TPP, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bằng cách khuyến khích việc đơn giản hóa thủ tục hải quan và thủ tục tại biên giới, thúc đẩy chuỗi cung ứng khu vực.

***Câu hỏi 92: Nội dung chính của quy định về quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại là gì?***

***Trả lời:***

Các Bên đã nhất trí về các nguyên tắc minh bạch, bao gồm công bố quy định pháp luật về hải quan của mình, ban hành quy định về giải phóng hàng mà không có những trì hoãn không cần thiết, và quy định về khế ước hoặc “thanh toán bắt buộc” nếu cơ quan hải quan vẫn chưa có quyết định về số tiền thuế hoặc phí còn nợ.

Các Bên đồng ý về quy tắc xác định trước trị giá hải quan và các vấn đề khác có thể giúp doanh nghiệp lớn nhỏ có thể dự đoán trước trong thương mại.

Các Bên cũng đồng ý với các quy định về xử phạt trong lĩnh vực hải quan nhằm bảo đảm các chế tài được thực hiện một cách công bằng và minh bạch.

Do tầm quan trọng của vận chuyển nhanh đối với các ngành kinh doanh bao gồm cả các công ty nhỏ và vừa, các nước trong khối TPP đã đồng ý thực hiện thủ tục hải quan rút gọn cho các lô hàng nhanh.

Để giúp phòng, chống buôn lậu và trốn thuế, các Bên đồng ý cung cấp thông tin khi được yêu cầu để giúp đỡ nhau thực thi pháp luật hải quan tương ứng của mình.

## ★ Hợp tác và xây dựng năng lực

**Câu hỏi 93: Mục đích và nội dung của quy định về hợp tác và xây dựng năng lực trong Hiệp định TPP là gì?**

**Trả lời:**

Mục đích Chương này nhằm nâng cao năng lực của các Bên trong việc tận dụng các cơ hội kinh tế mà Hiệp định tạo ra, hỗ trợ hợp tác và thúc đẩy tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư của các Bên. Xuất phát từ thực tế là trình độ phát triển kinh tế của 12 nước tham gia TPP rất khác nhau, các nước kém phát triển hơn có thể phải đối mặt với thách thức trong việc thực hiện Hiệp định và trong việc tận dụng các cơ hội mà Hiệp định tạo ra. Để giải quyết các thách thức trên, các Bên đồng thành lập một Ủy ban về Hợp tác và xây dựng năng lực (gọi tắt là Ủy ban) nhằm xác định và xem xét các khu vực có tiềm năng cho những nỗ lực hợp tác và xây dựng năng lực. Các nước sẽ làm việc để cung cấp nguồn lực bằng tài chính hoặc hiện vật thích hợp cho các hoạt động hợp tác và xây dựng năng lực, tùy thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực và khả năng mà các Bên khác nhau sở hữu để thực hiện các mục tiêu hợp tác chung. Ủy ban này sẽ tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin để hỗ trợ theo yêu cầu liên quan tới việc xây dựng năng lực và hợp tác.

**Câu hỏi 94: Các lĩnh vực hợp tác và xây dựng năng lực trong Hiệp định TPP là gì?**

**Trả lời:**

Hợp tác và xây dựng năng lực hoạt động có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

- (a) Các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ;
- (b) Thúc đẩy giáo dục, văn hóa và bình đẳng giới;
- (c) Quản lý rủi ro thiên tai.

Các Bên có thể tiến hành các hoạt động hợp tác và xây dựng năng lực thông qua các phương thức như: đối thoại, hội thảo, hội nghị, các chương trình và dự án hợp tác; hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy, tạo điều kiện xây dựng và đào tạo năng lực; chia sẻ kinh nghiệm về chính sách và thủ tục; trao đổi về chuyên gia, thông tin và công nghệ...

**★ Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh**

***Câu hỏi 95: Mục đích của việc tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh là gì?***

***Trả lời:***

Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh nhằm giúp cho Hiệp định TPP đạt được tiềm năng của mình để cải thiện khả năng cạnh tranh của các nước tham gia và toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

***Câu hỏi 96: Nội dung của quy định về tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh là như thế nào?***

***Trả lời:***

Quy định này tạo ra cơ chế chính thức để xem xét tác động của TPP lên khả năng cạnh tranh của các nước thông qua các cuộc đối thoại giữa chính phủ các nước và giữa chính phủ, doanh nghiệp và xã hội. Cơ chế này bao gồm cả Ủy ban về Năng lực cạnh tranh và tạo thuận lợi

kinh doanh có nhiệm vụ gỡ gỡ thường xuyên để xem xét tác động của khối TPP lên khả năng cạnh tranh trong khu vực, quốc gia và hội nhập kinh tế khu vực. Ủy ban sẽ xem xét lời khuyên và khuyến nghị từ các nhà đầu tư của các nước về cách thức TPP có thể tiếp tục tăng cường khả năng cạnh tranh, bao gồm tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vi mô, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuỗi cung ứng khu vực.

Quy định này cũng thiết lập một khuôn khổ cơ bản cho Ủy ban để đánh giá hiệu suất của chuỗi cung ứng theo Hiệp định này, bao gồm cách để thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp các nước và chuyên gia.

#### ★ **Doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền**

***Câu hỏi 97: Quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của Hiệp định TPP nhằm mục đích gì?***

#### ***Trả lời:***

Mục tiêu chính của các thành viên TPP khi xây dựng bộ nguyên tắc mới về doanh nghiệp nhà nước là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong khu vực thương mại tự do, đồng thời các thành viên cũng thừa nhận do sự đa dạng về lịch sử, chính trị và kinh tế nên tại một số nước thành viên, đặc biệt là các nước đang phát triển, khu vực doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu chính sách công, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

**Câu hỏi 98: Nội dung quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của Hiệp định TPP là gì?**

**Trả lời:**

Ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích hoặc được nhà nước chỉ định độc quyền trên một thị trường nhất định, doanh nghiệp nhà nước phải ra quyết định dựa trên “tính toán thương mại”, có nghĩa là phải dựa trên các tiêu chí mang tính thương mại như: giá cả, chất lượng, khả năng cung ứng, tiếp thị, vận tải, v.v. hoặc những yếu tố khác tương tự như doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác ra quyết định kinh doanh.

Doanh nghiệp nhà nước không được phân biệt đối xử khi mua bán hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp từ một thành viên TPP khác cung cấp. Doanh nghiệp được chỉ định độc quyền không được phân biệt đối xử khi mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường liên quan do doanh nghiệp từ một thành viên TPP khác cung cấp.

Khi chính phủ giao hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của chính phủ như quyền trung thu, cấp hoặc thu hồi giấy phép, phê duyệt giao dịch thương mại, ấn định hạn ngạch, phí và lệ phí,... thì doanh nghiệp nhà nước đó phải tuân thủ toàn bộ các cam kết của chính phủ trong Hiệp định TPP.

Chính phủ không được trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua doanh nghiệp nhà nước) cung cấp dành riêng cho doanh nghiệp nhà nước các khoản “hỗ trợ phi thương mại”

lớn tới mức gây tác động bất lợi tới lợi ích của một nước thành viên TPP khác.

Doanh nghiệp nhà nước khi được chỉ định độc quyền không được trực tiếp hay gián tiếp lợi dụng vị trí đó để gây ra hành vi hạn chế cạnh tranh trên một thị trường khác mà doanh nghiệp có tham gia kinh doanh và cạnh tranh với các doanh nghiệp khác, gây tác động bất lợi tới một nước thành viên TPP khác.

Trong quản lý, điều hành, cơ quan quản lý nhà nước không được tạo ra sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Các nước thành viên phải cho phép toà án nước mình thụ lý và xử lý đối với những vụ kiện dân sự chống lại doanh nghiệp nhà nước nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước mình.

Các nước thành viên TPP đều phải công bố hoặc thông báo cho các nước thành viên khác danh sách các doanh nghiệp nhà nước thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định hoặc khi chỉ định doanh nghiệp độc quyền trên một thị trường nhất định. Khi có quan ngại xác đáng về hoạt động của một doanh nghiệp nhà nước có khả năng gây tác động đến thương mại và đầu tư giữa các nước thành viên, một nước thành viên có thể đề nghị cung cấp các thông tin cơ bản về doanh nghiệp nhà nước đó (tỷ lệ sở hữu nhà nước, tổng doanh thu, tổng tài sản, các báo cáo tài chính đã được công bố, các miễn trừ áp dụng luật) hoặc các thông tin về chương trình hỗ trợ phi thương mại của chính phủ.

***Câu hỏi 99: Quy định về doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị độc quyền của TPP có tác động gì tới hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam?***

***Trả lời:***

Theo cam kết thì doanh nghiệp nhà nước phải hoạt động theo cơ chế thị trường; không được có hành vi phản cạnh tranh khi có vị trí độc quyền, gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư. Đặc biệt, theo cam kết, Nhà nước không được trợ cấp quá mức, gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích của nước khác. Như vậy, Nhà nước vẫn có thể tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước, nhưng mức hỗ trợ sẽ không tới mức gây bất bình đẳng lớn và ảnh hưởng tiêu cực tới thương mại, đầu tư giữa các nước trong khối TPP.

Việt Nam đồng ý minh bạch thông tin về doanh nghiệp nhà nước khi có yêu cầu, trừ thông tin ảnh hưởng tới quốc phòng - an ninh hoặc thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, vì Việt Nam bảo lưu loại trừ tất cả các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới quốc phòng - an ninh.

Mặc dù Hiệp định TPP tôn trọng việc thành lập và duy trì doanh nghiệp nhà nước, không đòi hỏi tư nhân hoá và cổ phần hóa. Nhưng để cả nền kinh tế hội nhập thành công dứt khoát phải đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn theo đúng lộ trình để nâng cao tính cạnh tranh của từng doanh nghiệp, từng ngành hàng và cả nền kinh tế.

Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có doanh nghiệp nhà nước phải tự đổi mới, tự cải cách và sát cánh cùng Chính phủ cải cách thể chế, nâng cao sức cạnh tranh trước những đối thủ sừng sỏ từ các nước phát triển.



### ★ Doanh nghiệp vừa và nhỏ

**Câu hỏi 100: Hiệp định TPP quy định thế nào về trách nhiệm của quốc gia thành viên trong việc giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận thông tin về Hiệp định?**

**Trả lời:**

Hiệp định TPP quy định mỗi nước phải tạo ra một trang web cung cấp các thông tin về Hiệp định TPP. Trang web phải dễ dàng truy cập, nhằm hướng vào đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nội dung bao gồm mô tả các quy định của TPP có liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa; các quy định và thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; quy định đầu tư nước ngoài; thủ tục đăng ký kinh doanh; quy định việc làm và thông tin thuế.

### ★ Mua sắm công

**Câu hỏi 101: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực mua sắm công là như thế nào?**

**Trả lời:**

Các nước trong khối TPP chia sẻ lợi ích chung trong việc tiếp cận thị trường mua sắm công của nhau thông qua những quy định minh bạch, có thể dự đoán và không phân biệt đối xử. Các nước trong khối TPP cũng thống nhất việc công bố kịp thời các thông tin liên quan nhằm giúp cho các nhà cung cấp có đủ thời gian nhận hồ sơ mời thầu và tham gia dự thầu, tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thầu một cách công bằng và không thiên vị, đồng thời bảo mật thông tin trong đó.

## ★ Minh bạch và chống tham nhũng

***Câu hỏi 102: Mục đích của quy định về sự minh bạch và chống tham nhũng là gì?***

***Trả lời:***

Quy định về sự minh bạch và chống tham nhũng trong Hiệp định TPP nhằm mục đích thúc đẩy mục tiêu chung của tất cả các nước khối TPP trong việc tăng cường quản trị tốt và giải quyết những tác động tiêu cực của việc hối lộ và tham nhũng có thể gây nên cho nền kinh tế của các nước.

***Câu hỏi 103: Nội dung chính của quy định về sự minh bạch và chống tham nhũng của Hiệp định TPP là như thế nào?***

***Trả lời:***

Theo Hiệp định TPP các nước khối TPP cần phải bảo đảm rằng các luật, quy định và các quyết định hành chính áp dụng chung đối với bất kỳ vấn đề nào quy định trong Hiệp định TPP được công bố công khai và, ở mức độ có thể, các quy định có khả năng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa các nước có thể được nhận thấy và nhận xét.

Các nước khối TPP thỏa thuận bảo đảm các quyền lợi theo đúng thủ tục cho các nhà đầu tư của các nước khối TPP với các tranh chấp hành chính, bao gồm việc xem xét nhanh chóng thông qua tòa án hoặc thủ tục công bằng về tư pháp hoặc hành chính.

Các nước cũng đồng ý thông qua hoặc duy trì pháp luật về hình sự hóa các đề nghị, hoặc yêu cầu, các lợi ích

không chính đáng của công chức, cũng như các hành vi tham nhũng ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế.

Các nước cũng cam kết thực thi hiệu quả các luật và các quy định của các nước về chống tham nhũng.

Ngoài ra, các nước đồng ý nỗ lực áp dụng hoặc duy trì các quy tắc hoặc các tiêu chuẩn về ứng xử của công chức nước mình, cũng như các biện pháp để xác định và quản lý xung đột lợi ích nhằm tăng cường đào tạo công chức, thực hiện các bước để ngăn chặn việc tặng quà, khuyến khích việc báo cáo các hành vi tham nhũng và quy định các biện pháp kỷ luật, hoặc các biện pháp khác đối với công chức tham gia vào các hành vi tham nhũng.

Trong một phụ lục của Chương 17, các nước khối TPP cũng đồng ý với các điều khoản thúc đẩy tính minh bạch và công bằng về thủ tục liên quan đến việc niêm yết và bồi hoàn cho các sản phẩm dược phẩm hoặc các thiết bị y tế. Các cam kết trong phụ lục này không phải tuân thủ quy trình giải quyết tranh chấp.

### ★ Phát triển

***Câu hỏi 104: Mục tiêu phát triển của Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP hướng tới bảo đảm cho tất cả các nước khối TPP có thể có được những lợi ích đầy đủ của Hiệp định TPP, tạo điều kiện để các nước thực hiện các cam kết của mình và trở nên ngày càng phát triển thịnh vượng hơn với một thị trường trao đổi hàng hóa, dịch vụ mạnh mẽ.

### ★ Sự đồng nhất trong quản lý

**Câu hỏi 105: Mục đích của Hiệp định TPP khi đưa ra các quy định về sự đồng nhất trong quản lý là gì?**

**Trả lời:**

Quy định về sự đồng nhất trong quản lý của Hiệp định TPP sẽ giúp tăng tính chặt chẽ của các quy định ở mỗi nước, từ đó bảo đảm một môi trường pháp lý mở, công bằng và có thể dự đoán cho các doanh nghiệp hoạt động trong thị trường các nước khối TPP bằng cách khuyến khích sự minh bạch và phối hợp giữa các chính phủ để đạt được một cách tiếp cận quản lý chặt chẽ.

### ★ Giải quyết tranh chấp

**Câu hỏi 106: Phạm vi áp dụng và cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Hiệp định TPP như thế nào?**

**Trả lời:**

Chương 28 Hiệp định TPP quy định giải quyết tranh chấp TPP được áp dụng trong phạm vi: các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định; các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp định; các tranh chấp liên quan đến việc xâm hại lợi ích đáng lẽ được hưởng đã được xác định trong Hiệp định theo Nguyên tắc đối xử quốc gia và thị trường lưu thông hàng hoá, theo Quy tắc xuất xứ và thủ tục xuất xứ, về dệt may, về hải quan và thuận lợi hóa thương mại, về rào cản kỹ thuật đối với thương mại, về thương mại dịch vụ xuyên biên giới, về mua sắm chính phủ.

Về cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại trong Hiệp định TPP, các thành viên TPP đồng thời là thành viên WTO nếu có tranh chấp, có thể lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp định TPP mà không nhất thiết phải theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Bên nguyên đơn có quyền đề xuất cơ chế hay diễn đàn giải quyết tranh chấp này.

***Câu hỏi 107: Có các hình thức giải quyết tranh chấp nào?***

***Trả lời:***

Khi nảy sinh tranh chấp trong phạm vi áp dụng trên, các Bên tranh chấp có thể thực hiện các hành vi pháp lý sau:

*Một là*, yêu cầu tham vấn. Mỗi Bên có thể gửi yêu cầu tham vấn bằng văn bản tới bất kỳ Bên nào khác do mình lựa chọn. Bên yêu cầu tham vấn phải đưa ra những lý do cho yêu cầu tham vấn, gửi các yêu cầu cho tất cả các Bên thông qua các đầu mối liên lạc. Bên được yêu cầu tham vấn thực hiện tham vấn trên nguyên tắc thiện chí và phải gửi trả lời đồng ý hay không đồng ý cho tất cả các Bên bằng văn bản trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác. Bên tham vấn sẽ tiến hành tham vấn trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu cho các vấn đề liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng; hoặc là 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu cho các vấn đề khác. Tham vấn phải được giữ bí mật và không làm phương hại đến các quyền của bất kỳ Bên nào trong các thủ tục tố tụng tiếp theo. Các Bên khác không phải Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu tham vấn nhưng xét thấy mình có lợi ích

đáng kể trong vấn đề tranh chấp vẫn có thể tham gia vào các cuộc tham vấn bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho các Bên kia trong vòng bảy ngày kể từ ngày yêu cầu tham vấn được gửi đi.

*Hai là*, trung gian hòa giải. Các Bên có thể thỏa thuận tự nguyện thực hiện một phương pháp khác để giải quyết tranh chấp như trung gian hòa giải. Thủ tục tố tụng liên quan đến trung gian hòa giải sẽ được giữ kín và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các Bên ở bất kỳ thủ tục tố tụng khác. Các Bên tham gia tố tụng theo quy định về trung gian hòa giải có thể đình chỉ hoặc chấm dứt vụ kiện ở bất cứ thời điểm nào. Nếu các Bên tranh chấp đồng ý thì biện pháp trung gian hòa giải có thể tiếp tục khi tranh chấp được giải quyết bởi một Ban hội thẩm.

*Ba là*, thành lập Ban hội thẩm. Một Bên được yêu cầu tham vấn có thể yêu cầu thành lập Ban hội thẩm nếu các bên tham vấn không giải quyết được vấn đề. Hội thẩm viên phải là người có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về pháp luật, thương mại quốc tế, được lựa chọn khách quan, tin cậy. Hội thẩm viên đánh giá hợp lý, độc lập, tuân thủ các quy tắc ứng xử trong các Quy tắc tố tụng. Cá nhân đã tham gia trung gian hòa giải trước đó không được làm hội thẩm viên cho vụ tranh chấp. Chức năng của Ban hội thẩm là đánh giá khách quan vấn đề và đưa ra những kết quả, phán quyết và khuyến nghị theo quy định trong các điều khoản tham chiếu. Ban hội thẩm đưa ra quyết định cuối cùng bằng sự đồng thuận, nếu không thể đạt được sự đồng thuận thì có thể đưa ra quyết định theo nguyên tắc đa số. Quy tắc tố tụng trong

hoạt động của Ban hội thẩm phải bảo đảm mỗi Bên tranh chấp có thể trình bày quan điểm trực tiếp trong ít nhất một buổi điều trần trước Ban hội thẩm, mỗi Bên tranh chấp được quyền gửi bài biện hộ ban đầu và các ý kiến phản bác, trừ khi các Bên tranh chấp có thỏa thuận khác. Các phiên điều trần sẽ được tổ chức tại thủ đô của Bên bị đơn.

*Bốn là*, lựa chọn Tòa án tư pháp. Trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến Hiệp định này và theo một hiệp định thương mại quốc tế khác mà các Bên tranh chấp là thành viên, bao gồm cả Hiệp định WTO, Bên nguyên đơn có thể chọn Tòa án tư pháp để giải quyết tranh chấp, theo quy định của Hiệp định.

***Câu hỏi 108: Những quy định về giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực cụ thể là gì?***

***Trả lời:***

Ngoài các quy định chung về giải quyết tranh chấp được đề cập trong Chương 28 Hiệp định TPP, Hiệp định còn có 27 điều quy định cụ thể về giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực cụ thể như:

- Về giải quyết tranh chấp trong thực hiện biện pháp vệ sinh và kiểm dịch (*Điều 7.18, Chương 7*).

- Về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia thành viên TPP (*Điều 9.17, Chương 9*).

- Về tranh chấp liên quan đến đầu tư vào các dịch vụ tài chính (*Điều 11.21, Chương 11*).

- Về tranh chấp liên quan đến nhập cảnh tạm thời đối với doanh nhân (*Điều 12.10, Chương 12*).

- Về giải quyết các tranh chấp viển thông (*Điều 13.21, Chương 13*).

- Về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thương mại điện tử (*Điều 14.18, Chương 14*).

- Về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực môi trường (*Điều 20.23, Chương 20*).

- Về tranh chấp liên quan đến sự minh bạch và chống tham nhũng (*Điều 26.12, Chương 26*).

Về miễn áp dụng quy định về giải quyết tranh chấp, Hiệp định TPP quy định: Không Bên nào phải áp dụng các quy định về giải quyết tranh chấp theo Điều 28 (Giải quyết tranh chấp) cho các vấn đề phát sinh trong Chương 21 (Hợp tác và nâng cao năng lực), Chương 22 (Tạo thuận lợi trong kinh doanh và năng lực cạnh tranh), Chương 23 (Phát triển), Chương 24 (Doanh nghiệp vừa và nhỏ), Chương 25 (Sự đồng nhất trong quản lý). Các quy định miễn áp dụng quy định về giải quyết tranh chấp này được thể hiện tại các điều 21.6, 22.5, 23.9, 24.3, 25.11 theo các chương tương đương.

#### **4. QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ**

##### **★ Dệt may**

***Câu hỏi 109: Tại sao Hiệp định TPP lại có một chương riêng về dệt may?***

***Trả lời:***

Ngành dệt may đối với các nước khối TPP là một ngành có lợi ích rất lớn. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu của Mỹ khoảng 100 tỷ USD/năm, Nhật Bản khoảng 50 tỷ USD/năm,



còn với những nước có trình độ thấp hơn như Việt Nam thì ngành dệt may cũng là một trong những ngành đứng đầu cả nước về kim ngạch xuất khẩu. Việt Nam so với 11 nước còn lại trong khu vực TPP thì trình độ tương đối thấp nhưng vẫn kiên trì đàm phán để lấy ngành dệt may, da giày làm lợi ích cốt lõi để tham gia TPP.

***Câu hỏi 110: Những nội dung chính mà các nước khối TPP đàm phán đối với ngành dệt may là gì?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP là hiệp định thương mại tự do đầu tiên mà Việt Nam tham gia có chương riêng về dệt may. Ngoài việc áp dụng các quy định chung như các hàng hóa khác trong các chương về Đối xử quốc gia và việc tiếp cận thị trường hàng hóa, Quy tắc xuất xứ, Phòng vệ thương mại, Hải quan và thuận lợi hóa thương mại, dệt may có những quy định riêng mang tính đặc thù.

Chương dệt may trong Hiệp định TPP bao gồm 3 nội dung chính:

- (i) Mở cửa thị trường (lộ trình xóa bỏ thuế quan);
- (ii) Quy tắc xuất xứ;
- (iii) Biện pháp tự vệ và hợp tác hải quan.

***Câu hỏi 111: Quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may được Hiệp định TPP quy định như thế nào?***

***Trả lời:***

Hàng hóa xuất khẩu muốn được hưởng thuế suất thuế ưu đãi theo Hiệp định TPP phải đáp ứng Quy tắc xuất xứ của Hiệp định này. Đối với dệt may, quy tắc xuất xứ chủ

đạo là “từ sợi trở đi” hay được gọi là quy tắc “3 công đoạn”, nghĩa là toàn bộ quá trình kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may quần áo phải được thực hiện trong nội khối TPP.

Tuy nhiên, Hiệp định quy định một số trường hợp có quy tắc xuất xứ linh hoạt hơn như:

(i) Ba nhóm hàng may mặc được áp dụng quy tắc xuất xứ một công đoạn, cắt và may, gồm: vali, túi xách, áo ngực phụ nữ, quần áo trẻ em bằng sợi tổng hợp;

(ii) Danh mục nguồn cung thiếu hụt gồm 194 loại sợi, vải được phép sử dụng từ ngoài khu vực TPP, trong đó 186 mặt hàng sẽ được áp dụng vĩnh viễn và 8 mặt hàng chỉ được áp dụng cơ chế này trong 5 năm;

(iii) Cơ chế 1 đổi 1 áp dụng với quần nam nữ bằng vải bông xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Doanh nghiệp mua 1 đơn vị vải bông thích hợp làm quần có xuất xứ từ Hoa Kỳ sẽ được phép sử dụng 1 đơn vị vải bông nhập khẩu từ ngoài khu vực TPP để may quần xuất khẩu sang Hoa Kỳ và hưởng thuế 0%. Tỷ lệ quy đổi giữa vải bông xuất xứ Hoa Kỳ và vải bông được phép nhập khẩu ngoài khối TPP khác nhau giữa quần nam và quần nữ.

Hiệp định TPP cho phép nước nhập khẩu áp dụng biện pháp tự vệ, tăng thuế ưu đãi trở lại mức thuế MFN nếu lượng nhập khẩu từ các nước trong khối TPP có khả năng gây ra hoặc gây ra thiệt hại nghiêm trọng đến ngành sản xuất trong nước. Khi áp dụng biện pháp tự vệ, nước nhập khẩu phải có giải pháp đền bù thiệt hại về kinh tế mà

nước xuất khẩu phải gánh chịu do không được hưởng thuế ưu đãi như trong Hiệp định.

Các nước khối TPP thống nhất hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực hải quan, chống gian lận xuất xứ để hưởng lợi bất hợp pháp thuế ưu đãi TPP. Cũng với mục tiêu này, doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ và Mêhicô sẽ đăng ký các thông tin cơ bản về doanh nghiệp, mặt hàng sản xuất, xuất khẩu để chia sẻ thông tin với các cơ quan chức năng Hoa Kỳ và Mêhicô phục vụ công tác đánh giá rủi ro trong lĩnh vực hải quan, phòng chống gian lận thương mại.

***Câu hỏi 112: Ngành dệt may Việt Nam sẽ gặp những thuận lợi và khó khăn gì khi tham gia TPP?***

***Trả lời:***

Về quy tắc xuất xứ: trong TPP yêu cầu quy tắc 3 công đoạn từ khâu kéo sợi trở đi. Điều này gây ra khó khăn cho ngành dệt may Việt Nam do đa số vải phải nhập khẩu từ bên ngoài. Tuy nhiên quy tắc này cũng giúp cho ngành có cơ hội phát triển bền vững. Về ngắn hạn có thể gây khó khăn khi chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu, tuy nhiên về lâu dài thì sẽ giúp ngành dệt may phát triển theo chiều dọc, khuyến khích đầu tư vào dệt - sợi - vải - nhuộm hoàn tất. Thực tế không chỉ đàm phán xong các doanh nghiệp mới biết về quy tắc này mà trong quá trình đàm phán, ngay từ những ngày đầu đàm phán về dệt may, Hiệp hội Dệt may, Tập đoàn Dệt may đã tham gia cho ý kiến sâu sát, phối hợp chặt

chẽ cùng đoàn đàm phán để có những đàm phán có lợi cho ngành.

*Về thuế:* khi vào khối TPP các dòng hàng dệt may sẽ được cắt giảm thuế nhập khẩu rất lớn theo từng mặt hàng. Đây là cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của ngành. Cơ hội sẽ không tự biến thành lợi ích nếu bản thân doanh nghiệp không cố gắng nắm bắt cơ hội.

### ★ Đầu tư

***Câu hỏi 113: Nội dung quy tắc đối xử với nhà đầu tư của Bên tham gia Hiệp định TPP là như thế nào?***

***Trả lời:***

Căn cứ theo những điều kiện cụ thể, các nước tham gia Hiệp định TPP phải ban hành các chính sách đầu tư và các biện pháp bảo hộ trên cơ sở các nguyên tắc:

*Nguyên tắc đối xử quốc gia:* Mỗi Bên phải dành cho nhà đầu tư của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của nước mình trong các hoạt động liên quan đến đầu tư (thành lập, mua lại, mở rộng, triển khai, vận hành, chuyển nhượng dự án đầu tư...).

*Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc:* Mỗi Bên phải dành cho nhà đầu tư của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của nước mình, hoặc nhà đầu tư của Bên không phải thành viên Hiệp định TPP trong các hoạt động liên quan đến đầu tư.

*Chuẩn mực đối xử tối thiểu:* Mỗi Bên phải dành cho các dự án đầu tư được bảo đảm các phương thức đối xử theo các nguyên tắc quốc tế hiện hành, bao gồm các

nguyên tắc đối xử bình đẳng, công bằng và các biện pháp bảo vệ, bảo đảm an ninh toàn diện.

**Câu hỏi 114: Quy định về trách nhiệm xã hội của các nhà đầu tư trong Hiệp định TPP là gì?**

**Trả lời:**

Các Bên tham gia Hiệp định phải khuyến khích các doanh nghiệp trong lãnh thổ của mình hoặc trong phạm vi thẩm quyền của mình chủ động lồng ghép các chuẩn mực, hướng dẫn và nguyên tắc về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được quốc tế thừa nhận vào trong chính sách quốc gia đó.

**★ Thương mại dịch vụ xuyên biên giới**

**Câu hỏi 115: Quy tắc đối xử với nhà cung cấp dịch vụ trong khối TPP là gì?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo những điều kiện cụ thể, các nước tham gia Hiệp định TPP phải ban hành chính sách đối với các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới theo những nguyên tắc:

- *Nguyên tắc đối xử quốc gia:* Mỗi Bên sẽ dành cho dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia cách đối xử không kém thuận lợi hơn cách đối xử mà Bên đó dành cho các dịch vụ và nhà đầu tư của mình trong hoàn cảnh tương tự.

- *Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc:* Mỗi Bên sẽ dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia cách thức đối xử không kém thuận lợi hơn cách thức đối xử mà Bên đó dành cho các dịch vụ và nhà đầu tư của bất

kỳ Bên nào khác hoặc của Bên không tham gia Hiệp định trong những hoàn cảnh tương tự.

***Câu hỏi 116: Các hành vi không được phép áp đặt lên các nhà cung cấp dịch vụ thương mại xuyên biên giới là gì?***

***Trả lời:***

- Áp đặt hạn mức về số lượng nhà cung cấp dịch vụ;
- Áp đặt hạn mức về tổng trị giá các giao dịch;
- Áp đặt hạn mức về tổng số hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng dịch vụ đầu ra;
- Áp đặt hạn mức về tổng số cá nhân có thể được tuyển dụng trong một lĩnh vực dịch vụ hoặc trong một nhà cung cấp dịch vụ.

**★ Dịch vụ tài chính**

***Câu hỏi 117: Nội dung quy tắc đối xử với nhà cung cấp dịch vụ tài chính trong khối TPP là như thế nào?***

***Trả lời:***

Căn cứ theo những điều kiện cụ thể, các nước tham gia Hiệp định TPP phải ban hành chính sách đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính theo những nguyên tắc:

- *Nguyên tắc đối xử quốc gia:* Mỗi Bên sẽ dành cho nhà cung cấp dịch vụ tài chính của Bên kia cách đối xử không kém thuận lợi hơn cách đối xử mà Bên đó dành cho nhà cung cấp dịch vụ tài chính của mình trong hoàn cảnh tương tự.

- Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc: Mỗi Bên sẽ dành cho nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia cách thức đối xử không kém thuận lợi hơn cách thức đối xử mà Bên đó dành cho nhà cung cấp dịch vụ tài chính của bất kỳ Bên nào khác hoặc của Bên không tham gia Hiệp định trong những hoàn cảnh tương tự.

**Câu hỏi 118: Các hành vi không được phép áp đặt lên các nhà cung cấp dịch vụ tài chính là gì?**

**Trả lời:**

- Áp đặt hạn mức về số lượng các tổ chức tài chính;
- Áp đặt hạn mức về tổng trị giá các giao dịch tài chính;
- Áp đặt hạn mức về tổng số các hoạt động dịch vụ tài chính hoặc tổng số lượng dịch vụ tài chính đầu ra;
- Áp đặt hạn mức về tổng số cá nhân có thể được tuyển dụng trong một lĩnh vực dịch vụ tài chính hoặc trong một tổ chức tài chính.

**★ Viễn thông**

**Câu hỏi 119: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực viễn thông như thế nào?**

**Trả lời:**

Các nước khối TPP cam kết bảo đảm các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn ở mỗi quốc gia sẽ cung cấp các dịch vụ viễn thông theo đúng với các điều khoản liên quan và đúng thời điểm. Các quốc gia cũng cam kết là khi được cấp giấy phép thì mỗi quốc gia sẽ bảo đảm các quy trình và quy định pháp lý của mình không phân biệt đối xử với bất kỳ công nghệ cụ thể nào. Các quốc gia

cũng thỏa thuận sẽ khuyến khích cạnh tranh trong các dịch vụ chuyển vùng di động quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng các giải pháp thay thế cho dịch vụ chuyển vùng quốc tế.

**★ Thương mại điện tử**

***Câu hỏi 120: Nội dung quy định của Hiệp định TPP về lĩnh vực thương mại điện tử như thế nào?***

***Trả lời:***

Các nước khối TPP cam kết bảo đảm luồng thông tin và dữ liệu mang tính toàn cầu được lưu hành một cách tự do giúp phát triển nền thương mại điện tử. Hiệp định TPP cũng nghiêm cấm việc áp đặt các loại thuế xuất - nhập khẩu đối với việc truyền tin điện tử cũng như không cho các nước khối TPP áp dụng những ưu đãi cho các nhà cung cấp sản phẩm truyền tin điện tử nội địa bằng cách áp dụng các biện pháp mang tính phân biệt đối xử. TPP khuyến khích phát triển hình thức giao dịch thương mại điện tử giữa các doanh nghiệp và chính phủ như các hình thức hải quan điện tử; và đưa ra các quy định về chứng thực điện tử và chữ ký điện tử trong các giao dịch thương mại.



## PHẦN II

### TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

#### ★ Xóa bỏ thuế quan

*Câu hỏi 121: Cam kết về thuế nhập khẩu của các nước dành cho Việt Nam như thế nào?*

*Trả lời:*

Các nước cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu dành cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực khoảng từ 78-95% số dòng thuế và xóa bỏ hoàn toàn từ 97-100% số dòng thuế. Các mặt hàng còn lại sẽ có lộ trình xóa bỏ thuế trong vòng 5-10 năm, trừ một số mặt hàng nhạy cảm có lộ trình trên 10 năm hoặc áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường TPP được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, hoặc sau 3-5 năm như nông sản, thủy sản...

Hầu hết các nước có biểu thuế áp dụng chung cho tất cả các nước còn lại, trừ Hoa Kỳ áp dụng riêng lộ trình giảm thuế với hàng hóa của từng thành viên TPP.

**Câu hỏi 122: Mức thuế nhập khẩu của các nước đối với các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam trước khi Hiệp định TPP có hiệu lực là như thế nào?**

**Trả lời:**

Đơn vị: %

	Gạo	Cà phê	Tiêu	Điều	Rau quả	Tôm	Cá Tra	Đồ gỗ
Hoa Kỳ	2,5	-	-	-	8,0	-	-	-
Canada	-	-	-	-	20,0	-	-	-
Mêhicô	20,0	20,0	20,0	20,0	10,0	17,0	17,0	-
Pêru	-	11,0	-	-	6,0	-	-	6,0
Chilê	5,5	-	-	-	-	-	-	5,5
Brunây	-	-	-	-	-	-	-	-
Malaixia	20,0	-	-	-	-	-	-	-
Ôxtrâyliá	-	-	-	-	-	-	-	-
Niu Dilân	-	-	-	-	-	-	-	5,0
Nhật Bản	367,0	-	-	-	4,8	-	3,5	-

*Nguồn:* Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn - IPSARD.

**Câu hỏi 123: Tác động của Hiệp định TPP tới thị trường một số mặt hàng nông nghiệp chính trong nước như thế nào?**

Được xem là một trong những ngành chịu ảnh hưởng mạnh khi Việt Nam chính thức tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), ngành nông nghiệp sẽ đối diện với cạnh tranh mạnh mẽ, khi nhiều nhóm hàng phải giảm thuế nhập khẩu xuống 0% trong một thời gian ngắn, cụ thể:

<b>Sản phẩm</b>	<b>Lộ trình giảm thuế</b>
Thịt bò	Sau từ 3 đến 8 năm, thuế nhập khẩu với thịt bò và sản phẩm từ thịt bò sẽ được miễn. Hiện nay, mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng cho mặt hàng này là 34%.
Thực phẩm chế biến	Sau không quá 12 năm, thuế nhập khẩu với hầu hết thực phẩm chế biến sẽ được miễn. Hiện nay, mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng cho mặt hàng này là 55%.
Sữa	Sau không quá 5 năm, thuế nhập khẩu với mặt hàng sữa sẽ được miễn. Hiện nay, mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng cho mặt hàng này là 20%. Riêng thuế nhập khẩu đối với phomai và sữa bột sẽ được miễn ngay lập tức.
Bông	Sau không quá 4 năm, thuế nhập khẩu đối với mặt hàng bông sợi sẽ được miễn.
Trái cây	Sau từ 3-4 năm, thuế nhập khẩu đối với rất nhiều hoa quả sẽ được miễn. Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng mức thuế nhập khẩu 10% đối với mặt hàng táo, lê; 20% với cam, 40% với bưởi, 20% với chanh... Đồng thời sau không quá 8 năm, thuế nhập khẩu với trái cây đóng hộp sẽ được miễn. Hiện mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng với mặt hàng này là 40%
Khoai tây	Sau không quá 6 năm, thuế nhập khẩu với khoai tây và các sản phẩm từ khoai tây sẽ được miễn. Hiện mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng với mặt hàng này là 34%. Đồng thời sau không quá 4 năm, thuế nhập khẩu với khoai tây chiên đông lạnh sẽ được miễn. Hiện nay mức thuế Việt Nam đang áp dụng với mặt hàng này là 13%.

Thịt lợn	Sau 5-10 năm, thuế nhập khẩu đối với thịt lợn và sản phẩm từ thịt lợn sẽ được miễn. Hiện mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng với mặt hàng này là 30%.
Gia cầm	Sau không quá 13 năm, thuế nhập khẩu với gia cầm và sản phẩm từ thịt gia cầm sẽ được miễn. Hiện mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng với mặt hàng này là 40%. Sau 6 năm sẽ không còn hạn ngạch với trứng.
Thuốc lá	Sau 16 năm, thuế nhập khẩu với thuốc lá sẽ được miễn. Hiện nay mức thuế Việt Nam đánh vào mặt hàng này là 135%.
Rượu bia	Sau 11-12 năm, thuế nhập khẩu sẽ được miễn. Hiện mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng với mặt hàng này là 55% với rượu, 35% với bia.
Đậu phộng	Sau không quá 8 năm, thuế nhập khẩu với đậu phộng và sản phẩm từ đậu phộng sẽ được miễn. Hiện mức thuế áp dụng cao nhất với mặt hàng này là 30%.
Gạo	Thuế nhập khẩu sẽ được miễn ngay lập tức, hiện đang là 40%. Sau không quá 8 năm, thuế nhập khẩu với các sản phẩm từ gạo sẽ được miễn, hiện cao nhất là 34%.
Lúa mì	Sau không quá 4 năm, thuế nhập khẩu với lúa mì và sản phẩm từ lúa mì sẽ được miễn, hiện cao nhất là 35%.
Rau	Sau không quá 11 năm, thuế nhập khẩu sẽ được miễn. Hiện nay, mức thuế Việt Nam áp dụng cho mặt hàng này cao nhất là 40%. Trong đó, nhiều loại rau và thực phẩm chế biến từ rau sẽ được miễn thuế ngay lập tức.

Ngô	Sau 4-7 năm, thuế nhập khẩu với ngô và sản phẩm từ ngô sẽ được miễn thuế. Hiện cao nhất là 20%.
Đường	Sau 11 năm, hạn ngạch đường sẽ bị xóa bỏ. Sau không quá 11 năm, thuế nhập khẩu với các sản phẩm từ đường sẽ được miễn. Hiện nay, mức thuế cao nhất Việt Nam áp dụng cho mặt hàng này là 35%.

***Câu hỏi 124: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành rau quả Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Lợi ích từ việc giảm thuế suất thuế nhập khẩu của các nước trong khối TPP đối với rau quả Việt Nam được kỳ vọng khá lớn. Nhật Bản, Hoa Kỳ và Mêhicô là ba thị trường tiềm năng nhất cho sản phẩm rau quả xuất khẩu của Việt Nam.

Việt Nam cũng nhập khẩu khoảng 100 triệu USD rau quả từ các nước trong khối TPP tập trung chủ yếu từ Hoa Kỳ và Ôxtrâyliia. Khi Hiệp định TPP đi vào thực thi, sản phẩm rau quả của hai nước này sẽ có cơ hội lớn thâm nhập vào thị trường Việt Nam.

Hiện nay, phần lớn các sản phẩm rau quả nhập khẩu từ khối TPP đang cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm Việt Nam trên phân khúc thị trường cao cấp. Trong tương lai, giá các sản phẩm rau quả nhập khẩu giảm xuống do Việt Nam phải hạ thuế suất theo cam kết của Hiệp định TPP.

***Câu hỏi 125: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành thủy sản Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Hiện nay, phần lớn mức thuế suất nhập khẩu của các nước trong khối TPP đối với các sản phẩm thủy sản ở dạng nguyên liệu hoặc sơ chế đã ở mức khá thấp (0-5%), trừ Mêhicô. Vì vậy, việc giảm thuế từ các cam kết Hiệp định TPP không có nhiều ý nghĩa trong việc thúc đẩy xuất khẩu các nhóm hàng này của Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều cơ hội đối với các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao tại các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản và Canada.

***Câu hỏi 126: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành lúa gạo Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Trong khối TPP, có bốn quốc gia có dư địa lớn về mặt thuế suất nhập gạo, đó là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Mêhicô và Malaixia. Hai thị trường Nhật Bản và Hoa Kỳ được đánh giá là rất khó xâm nhập. Việc áp mức thuế suất nhập khẩu gạo lên đến gần 400% cho thấy Nhật Bản luôn coi gạo là sản phẩm có ý nghĩa chính trị hết sức quan trọng và tìm mọi cách để bảo hộ.

Theo công bố mới đây của Chính phủ nước này, Nhật Bản mặc dù sẽ tăng lượng nhập khẩu gạo hàng năm từ 87 nghìn tấn lên 850 nghìn tấn, nhưng chỉ cho phép hai quốc gia có thể xuất khẩu gạo vào là Hoa Kỳ và Ôxtrâyliia. Như vậy, Việt Nam cũng không có nhiều cơ hội tham gia vào thị trường này.

***Câu hỏi 127: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành cây công nghiệp Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Các sản phẩm xuất khẩu từ cây công nghiệp cũng có thể được hưởng lợi gián tiếp từ cam kết cắt giảm thuế suất của Hiệp định TPP nhưng không cao. Đối với cà phê, hiện nay mức thuế quan nhập khẩu cà phê tại Mêhicô còn rất cao, đối với cà phê hạt Robusta chưa rang, thuế suất là 20%. Theo cam kết TPP, Mêhicô đặt lộ trình giảm thuế rất dài, từ 5 đến 13 năm.

Đối với sản phẩm hạt điều, hiện nay Việt Nam đang nhập khẩu hạt điều thô từ châu Phi với giá trị 485 triệu USD trên tổng số 589 triệu USD. Trong khối TPP hiện nay, Ôxtrâyliya cũng đang xuất khẩu điều thô sang Việt Nam và chịu mức thuế suất nhập khẩu 10%. Với cam kết của khối TPP, nhiều khả năng mức thuế này sẽ giảm xuống. Khi đó, Việt Nam có thể tăng cường lượng nhập khẩu điều từ Ôxtrâyliya để giảm chi phí sản xuất.

Đối với cao su, hiện nay Việt Nam xuất khẩu nhiều cao su thô sang Malaixia chế biến và nước này lại xuất đi Hoa Kỳ. Để hưởng thuế suất ưu đãi từ Hoa Kỳ trong cam kết TPP, Malaixia sẽ phải đảm bảo tỷ lệ nội địa hóa (cao su thô có nguồn gốc từ khối TPP). Việt Nam là nước duy nhất trong khối TPP xuất khẩu cao su thô cho Malaixia. Vì cao su là mặt hàng chiến lược của Malaixia và Hoa Kỳ là thị trường quan trọng, nên nhiều khả năng Malaixia sẽ đẩy mạnh thu mua cao su thô của Việt Nam trong thời gian tới.

***Câu hỏi 128: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Hiện nay, trong các nước khối TPP, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang Hoa Kỳ và Nhật Bản với hai loại sản phẩm chính là đồ gỗ nội thất và đồ gỗ ngoại thất. Mức thuế suất của hai nhóm sản phẩm này tại các thị trường lớn đều đã bằng 0%. Vì vậy, tác động từ việc giảm thuế suất nhập khẩu theo cam kết của TPP không có ý nghĩa nhiều với các sản phẩm gỗ này.

Khi tham gia Hiệp định TPP, để được hưởng các ưu đãi về thuế suất của khối TPP, các sản phẩm của Việt Nam phải đảm bảo hai tiêu chí chính. *Thứ nhất*, 55% lượng gỗ nguyên liệu phải có xuất xứ từ trong khối TPP. *Thứ hai*, các sản phẩm gỗ phải đảm bảo tính hợp pháp từ đất đai, khai thác gỗ, vận chuyển, chế biến, xuất khẩu, tài chính, an sinh xã hội (lao động). Hiện nay, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu chủ yếu từ các thị trường Đông Nam Á (Lào, Mianma, Malaixia, Campuchia...), Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Định hướng trong thời gian tới, Việt Nam cần chuyển dịch nhập khẩu gỗ từ Ôxtrâyliya, Niu Dilân, hạn chế nhập khẩu từ Lào, Campuchia, Mianma... để bảo đảm yêu cầu gỗ hợp pháp và nguồn gốc xuất xứ. Đối với thị trường gỗ nguyên liệu Malaixia, tiềm năng mở rộng nhập khẩu là không lớn do nguồn nguyên liệu gỗ của nước này ngày càng cạn kiệt, Chính phủ Malaixia đã và đang có những biện pháp nhằm hạn chế xuất khẩu gỗ nguyên liệu để bảo đảm đầu vào cho sản xuất trong nước.



***Câu hỏi 129: Tác động của việc xóa bỏ, cắt giảm thuế quan tới ngành chăn nuôi Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Nhìn chung, ngành chăn nuôi sẽ gặp nhiều khó khăn khi Việt Nam tham gia vào Hiệp định TPP. Trong thời gian tới, khi rào cản thuế quan được dỡ bỏ, các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh quyết liệt hơn của các sản phẩm thịt bò và sữa từ Ôxtrâyliia và Niu Dilân, lợn, gà từ Hoa Kỳ và Canada trên thị trường trong nước.

Theo điều tra của IPSARD, hiện nay các sản phẩm lợn, gà được nhập khẩu chủ yếu là sản phẩm đông lạnh và các phụ phẩm phân phối qua hệ thống siêu thị, các bếp ăn tập thể hoặc cửa hàng ăn nhanh. Đối tượng khách hàng chủ yếu là thanh niên trẻ tuổi và người có thu nhập thấp. Các sản phẩm này đang bỏ trống và chưa có nhiều cạnh tranh trực tiếp với các sản phẩm thịt tươi sống của người sản xuất Việt Nam.

Người Việt Nam có thói quen tiêu dùng sản phẩm tươi sống và để thay đổi thói quen này sẽ mất khoảng thời gian vài ba năm. Lộ trình giảm thuế cũng sẽ kéo dài 5-10 năm. Đây là khoảng thời gian quan trọng để ngành chăn nuôi có thể tái cơ cấu và cải thiện năng lực cạnh tranh.

***Câu hỏi 130: Cam kết về thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Hoa Kỳ cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế, trừ một số sản phẩm đường áp dụng hạn ngạch thuế quan - Cụ thể như sau:

Hoa Kỳ sẽ xóa bỏ ngay 55,4% số dòng thuế nông nghiệp (tương đương 97,7% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam, đạt 0,95 tỷ USD) ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như gạo, mật ong, cà phê, chè, hạt tiêu, điều, rau quả đều được xóa bỏ thuế ngay.

Vào năm thứ 10, tổng số dòng thuế nông nghiệp được xóa bỏ là 97,4%. Hoa Kỳ áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với 35 dòng thuế đường và sản phẩm chứa đường.

Về thủy sản, xóa bỏ ngay hoặc vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (riêng cá ngừ chế biến xóa bỏ vào năm thứ 10).

***Câu hỏi 131: Cam kết về thuế nhập khẩu của Canada dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Canada cam kết xóa bỏ ngay 94% số dòng thuế - tương đương 77,9% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam (0,88 tỷ USD) ngay khi Hiệp định có hiệu lực và tổng số dòng thuế được xóa bỏ lên tới 96,3% số dòng thuế - tương đương 93,4% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào năm thứ tư.

Canada duy trì hạn ngạch thuế đối với 96 dòng thuế của 3 nhóm mặt hàng: (i) Thịt gà; (ii) Trứng; và (iii) Bơ sữa và sản phẩm từ bơ sữa.

Nông sản Việt Nam được xóa bỏ phần lớn thuế quan ngay thời điểm bắt đầu triển khai cam kết.

***Câu hỏi 132: Cam kết về thuế nhập khẩu của Nhật Bản dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Nhật Bản cam kết xóa bỏ ngay thuế nhập khẩu đối với 86% số dòng thuế (chiếm 93,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản - tương đương 10,5 tỷ USD và vào năm thứ 11 xóa bỏ đối với khoảng 95,6% số dòng thuế). Nhật Bản không cam kết đối với mặt hàng gạo và áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm một phần hoặc cam kết kèm theo các biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng nhạy cảm như thịt trâu, thịt bò, thịt lợn, sữa, sản phẩm sữa, lúa mì, lúa gạo và các chế phẩm của các mặt hàng này.

Đa số mặt hàng thủy sản có thể mạnh của Việt Nam được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực như các mặt hàng cá ngừ vây vàng, cá ngừ sọc dưa, cá kiếm, một số loài cá tuyết, surimi, tôm, cua ghe... Toàn bộ các dòng hàng thủy sản không cam kết xóa bỏ thuế trong FTA Việt Nam - Nhật Bản sẽ được xóa bỏ trong khối TPP với lộ trình xóa bỏ vào năm thứ 6, năm thứ 11 hoặc năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Đối với mặt hàng rau quả, Nhật Bản cam kết mức thuế 0% vào năm thứ 3 hoặc năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Mặt hàng mật ong: Xóa bỏ thuế vào năm thứ 8.

**Câu hỏi 133: Cam kết về thuế nhập khẩu của Mêhicô dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại thời điểm bắt đầu thực thi cam kết, Mêhicô cam kết xóa bỏ ngay 77,2% dòng thuế - chiếm 36,5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mêhicô, tương ứng 282 triệu USD).

Vào năm thứ 10, 98% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu, tương ứng với 440 triệu USD. Mêhicô không cam kết xóa bỏ thuế đối với mặt hàng đường và áp dụng hạn ngạch thuế đối với sữa, kem và sản phẩm dầu cọ.

*Đối với thủy sản:* kể từ khi Hiệp định có hiệu lực xóa bỏ thuế cho cá tra, cá basa vào năm thứ 3; tôm đông lạnh vào năm thứ 13; tôm chế biến vào năm thứ 12; cá ngừ chế biến vào năm thứ 16. Trong đó giữ nguyên mức thuế cơ sở trong 5 năm đầu tiên rồi giảm dần về 0%.

*Đối với gạo:* thóc, gạo lứt và gạo tấm xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực; các mặt hàng gạo xay xát sẽ giảm thuế về 0% vào năm thứ 10 sau khi Hiệp định có hiệu lực.

*Đối với cà phê:* xóa bỏ thuế cà phê hạt Robusta vào năm thứ 16, cà phê hạt Arabica và cà phê chế biến giảm mức thuế suất 50% so với mức thuế hiện hành vào năm thứ 5 và năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

***Câu hỏi 134: Cam kết về thuế nhập khẩu của Peru dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Peru cam kết xóa bỏ tới 80,7% số dòng thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực - tương đương 62,1% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam (15,6 triệu USD) và sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,4% tổng số dòng thuế vào năm thứ 17. Peru duy trì thuế theo biến động giá đối với 47 dòng thuế gồm sữa, ngô, gạo, đường. Các mặt hàng nông sản có thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam như điều, chè, tiêu, rau quả, một số loại cà phê đều được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

***Câu hỏi 135: Cam kết về thuế nhập khẩu của Ôxtrâyliia dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Tổng số 93% số dòng thuế của Ôxtrâyliia, tương đương 95,8% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (2,9 tỷ USD) sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi thực hiện Hiệp định TPP. Các sản phẩm còn lại sẽ được xóa bỏ thuế với lộ trình cắt giảm cuối cùng tối đa vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

***Câu hỏi 136: Cam kết về thuế nhập khẩu của Niu Dilân dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Niu Dilân sẽ xóa bỏ 94,6% số dòng thuế cho

Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 69% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (101 triệu USD). Vào năm thứ 7 kể từ khi thực hiện Hiệp định, các dòng thuế còn lại sẽ dần được xóa bỏ hoàn toàn.

***Câu hỏi 137: Cam kết về thuế nhập khẩu của Xingapo dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Xingapo xóa bỏ hoàn toàn thuế quan đối với tất cả các mặt hàng ngay khi thực hiện Hiệp định.

***Câu hỏi 138: Cam kết về thuế nhập khẩu của Malaixia dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Malaixia cam kết xóa bỏ ngay đối với 84,7% số dòng thuế khi Hiệp định có hiệu lực và xóa bỏ dần có lộ trình đối với các dòng thuế còn lại. Vào năm thứ 11, tổng số dòng hàng cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu của Malaixia lên tới 99,9%. Malaixia áp dụng hạn ngạch thuế đối với 15 dòng thuế trứng gia cầm, thịt gà, thịt lợn và thịt bò.

***Câu hỏi 139: Cam kết về thuế nhập khẩu của Chilê dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Chilê cam kết xóa bỏ đối với 95,1% số dòng thuế

ngay khi Hiệp định có hiệu lực, tương đương 60,2% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chilê (76 triệu USD).

Vào năm thứ 8 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Chilê sẽ xóa bỏ 99,9% số dòng thuế, tương ứng với 100% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam.

Các mặt hàng nông sản, thủy sản có thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam đều được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Giày dép, cao su sẽ được xóa bỏ thuế theo lộ trình tối đa vào năm thứ 4; mặt hàng dệt may sẽ được xóa bỏ tối đa vào năm thứ 8 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

***Câu hỏi 140: Cam kết về thuế nhập khẩu của Brunây dành cho các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Ngay tại thời điểm bắt đầu thực hiện Hiệp định, Brunây sẽ xóa bỏ 92% số dòng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam (tương đương 7.639 dòng) và sẽ xóa bỏ tới 99,9% vào năm thứ 7 và sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

***Câu hỏi 141: Thuế nhập khẩu của Việt Nam đối với các sản phẩm nông nghiệp của các nước trước khi TPP có hiệu lực như thế nào?***

***Trả lời:***

Đơn vị: %

	<b>Rau quả</b>	<b>Đồ gỗ</b>	<b>Bò đông lạnh</b>	<b>Lợn đông lạnh</b>	<b>Thịt và phụ phẩm gà đông lạnh</b>	<b>Sữa</b>
Hoa Kỳ	40	25	20	25	40	5
Canada	40	25	20	25	40	5
Mêhicô	40	25	20	25	40	5
Pêru	40	25	20	25	40	5
Chilê	40	25	16	25	36	5
Brunây	-	-	-	-	5	-
Malaixia	-	-	-	-	5	-
Ôxtrâyliá	10	10	7	10	20	10
Niu Dilân	10	10	7	10	20	10
Nhật Bản	20	20	10	15	10	10

*Nguồn:* Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn - IPSARD.

**Câu hỏi 142: Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam dành cho các nước khối TPP là như thế nào?**

**Trả lời:**

Việt Nam cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế trong Hiệp định TPP, theo đó:

- 65,8% số dòng thuế có thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực;



- 86,5% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;

- 97,8% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;

- Các mặt hàng còn lại cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu với lộ trình xóa bỏ thuế tối đa vào năm thứ 16 hoặc theo hạn ngạch thuế quan.

***Câu hỏi 143: Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam dành cho các nước khối TPP đối với các mặt hàng nông nghiệp như thế nào?***

***Trả lời:***

Việt Nam cam kết lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dành cho các nước khối TPP đối với các mặt hàng nông nghiệp như:

*Thịt gà:* xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 11/12 kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Thịt lợn:* xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 10 đối với thịt lợn tươi, vào năm thứ 8 năm đối với thịt lợn đông lạnh kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Gạo:* xóa bỏ ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Ngô:* xóa bỏ vào năm thứ 5, một số loại xoá bỏ vào năm thứ 6 kể từ khi Hiệp định TPP hiệu lực.

*Sữa và sản phẩm từ sữa:* xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực, một số loại xoá bỏ vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Thực phẩm chế biến từ thịt:* xóa bỏ vào năm thứ 8 đến năm thứ 11, chế biến từ thủy sản xóa bỏ vào năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Mặt hàng đường, trứng, muối*: xóa bỏ thuế trong hạn ngạch của WTO vào năm thứ 6 đối với mặt hàng trứng và vào năm thứ 11 đối với mặt hàng đường, muối kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực. Thuế ngoài hạn ngạch giữ như mức MFN.

*Lá thuốc lá*: xóa bỏ thuế trong hạn ngạch vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực đối với lượng hạn ngạch 500 tấn, mỗi năm tăng thêm 5% trong vòng 20 năm. Thuế suất ngoài hạn ngạch duy trì ở mức MFN đến năm thứ 20, đến năm 21 thuế nhập khẩu về 0%.

*Thuốc lá điếu*: xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

*Phân bón*: xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực.

### ★ **Trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu nông sản**

**Câu hỏi 144: Trợ cấp và trợ cấp xuất khẩu nông sản là gì?**

#### **Trả lời:**

Trợ cấp là khoản tiền do nhà nước cấp cho các nhà sản xuất sản xuất ra một số hàng hóa nhất định để giúp họ có thể bán các hàng hóa đó cho dân chúng với giá thấp, nhằm cạnh tranh với các nhà sản xuất nước ngoài, tránh hàng tồn đọng, thừa ế và tránh tạo ra thất nghiệp,... Nhìn chung, trợ cấp gây bóp méo thương mại quốc tế và không phổ biến nhưng đôi khi vẫn được các chính phủ sử dụng để giúp tạo dựng một ngành sản xuất mới trong nước.

Trợ cấp xuất khẩu được hiểu là việc trợ cấp dựa trên kết quả xuất khẩu, nhằm tăng lượng xuất khẩu. Như vậy,

trợ cấp xuất khẩu nông sản là biện pháp hỗ trợ nhằm mục đích thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản.

***Câu hỏi 145: Có những hình thức trợ cấp xuất khẩu nông sản nào?***

***Trả lời:***

Những hình thức trợ cấp xuất khẩu nông sản là:

- Trợ cấp trực tiếp (cho nhà sản xuất, hợp tác xã, hiệp hội, một cơ quan tiếp thị) tùy thuộc vào việc thực hiện xuất khẩu;

- Bán hoặc thanh lý dự trữ nông sản của chính phủ cho xuất khẩu với giá rẻ hơn so với bán cho tiêu dùng trong nước;

- Các khoản thanh toán cho xuất khẩu nông sản do chính phủ chi trả giúp;

- Trợ cấp nhằm giảm chi phí xuất khẩu nông sản (trừ các trợ cấp cho dịch vụ xúc tiến xuất khẩu và dịch vụ tư vấn), bao gồm: cước phí vận chuyển, nâng phẩm cấp, các chi phí chế biến khác, chi phí vận tải quốc tế và cước phí;

- Ưu đãi về phí vận tải nội địa và cước phí đối với nông sản xuất khẩu;

- Trợ cấp dựa vào thành tích xuất khẩu.

***Câu hỏi 146: Hiệp định TPP quy định như thế nào về trợ cấp xuất khẩu nông sản?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP quy định trợ cấp xuất khẩu nông sản như sau:

- Các Bên chia sẻ mục tiêu đa phương về loại bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với hàng hóa nông nghiệp và sẽ làm

việc cùng nhau để đạt được thỏa thuận nhằm loại bỏ trợ cấp và ngăn ngừa tái áp dụng trợ cấp dưới mọi hình thức.

- Không Bên nào được áp dụng hoặc duy trì trợ cấp xuất khẩu đối với hàng hóa nông nghiệp.

***Câu hỏi 147: Tác động của xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản đối với Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Một số biện pháp trợ cấp xuất khẩu nông sản của Việt Nam (bù lỗ, thưởng xuất khẩu) sử dụng trong giai đoạn trước đây đã không còn được áp dụng. Bởi vậy, quy định của Hiệp định TPP về xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản không ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Quy định này chỉ có tác động tới các nước hiện vẫn duy trì các biện pháp trợ cấp xuất khẩu nông sản.

***Câu hỏi 148: Việt Nam có thể hỗ trợ cho nông sản sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực không?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP chỉ ràng buộc các nước thành viên về các biện pháp đối với trợ cấp xuất khẩu cho nông sản. Cụ thể, Hiệp định TPP cấm các nước thành viên trợ cấp xuất khẩu cho nông sản sang các nước thành viên TPP khác. Ngoài ra, các nước thành viên TPP cam kết sẽ cùng làm việc với nhau trong WTO để xây dựng các quy tắc đa phương về tín dụng xuất khẩu, các chương trình bảo hiểm và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu.

Hiệp định TPP không có cam kết về trợ cấp nội địa đối với nông sản. Vì vậy, có thể hiểu là Việt Nam vẫn có thể tiếp tục sử dụng các biện pháp trợ cấp nội địa cho

nông sản mà WTO cho phép (ví dụ các biện pháp trợ cấp cho nông nghiệp nông thôn không hoặc rất ít tác động bóp méo thương mại, trợ cấp trong chương trình “hỗ trợ phát triển sản xuất” như các trợ cấp đầu tư, “đầu vào” cho sản xuất nông nghiệp cho nông dân nghèo hoặc các vùng khó khăn, hoặc hỗ trợ các vùng chuyển đổi...).

Theo Hiệp định WTO về nông nghiệp, trợ cấp trong nước đối với nông nghiệp được chia làm 03 nhóm với các cơ chế áp dụng khác nhau theo bảng sau:

<b>Loại trợ cấp</b>	<b>Tính chất - Nội dung</b>	<b>Cơ chế áp dụng</b>
Trợ cấp “hộp xanh lá cây”	Phải là các trợ cấp: - Hầu như là không có tác động bóp méo thương mại; và - Không phải là hình thức trợ giá.	Được phép áp dụng không bị hạn chế.
Trợ cấp “hộp xanh lơ”	Hỗ trợ trực tiếp trong khuôn khổ các chương trình hạn chế sản xuất.	Đây là các hình thức trợ cấp mà các nước phát triển đã áp dụng. Và dường như chỉ những nước này được phép áp dụng nhưng có điều kiện.
Trợ cấp “hộp hồ phách”	Các loại trợ cấp nội địa không thuộc hộp xanh lá cây và xanh lơ (trợ cấp bóp méo thương mại).	Được phép áp dụng trong mức nhất định gọi là “Mức tối thiểu”. Phải cam kết cắt giảm cho phần vượt trên mức tối thiểu.

Nhóm trợ cấp trong chương trình “hỗ trợ phát triển sản xuất”	Ví dụ: - Trợ cấp đầu tư; - Hỗ trợ “đầu vào” cho sản xuất nông nghiệp cho nông dân nghèo hoặc các vùng khó khăn; hoặc - Hỗ trợ các vùng chuyển đổi cây thuốc phiện.	Đây là sự ưu đãi đặc biệt và khác biệt dành cho các nước đang phát triển. Chỉ có các nước đang phát triển mới được quyền áp dụng biện pháp này mà không bị cấm.
--	---	---

### ★ Hạn ngạch thuế quan

***Câu hỏi 149: Hạn ngạch thuế quan của một số nước thành viên TPP đối với các mặt hàng nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam là như thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Mỹ áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với 35 dòng thuế đường và sản phẩm chứa đường.

Canada duy trì hạn ngạch thuế quan đối với 96 dòng thuế của 3 nhóm mặt hàng: thịt gà, trứng và bơ sữa, sản phẩm bơ sữa.

Nhật Bản áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm một phần hoặc cam kết kèm theo các biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng nhạy cảm như thịt trâu, thịt bò, thịt lợn, sữa, sản phẩm từ sữa, lúa mì, lúa gạo và các chế phẩm của chúng.

Mêhicô áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với sữa kem và sản phẩm dầu cọ.

Malaixia áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với 15 dòng thuế trong đó có trứng gia cầm, thịt gà, thịt lợn và thịt bò.

## ★ Hạn chế xuất khẩu

**Câu hỏi 150: Hạn chế đối với xuất khẩu để bảo đảm an ninh lương thực là gì?**

**Trả lời:**

Theo Hiệp định TPP quy định, một nước có thể tạm thời hạn chế việc xuất khẩu một mặt hàng nào đó để bảo đảm an ninh lương thực, ngăn ngừa sự thiếu hụt thực phẩm trầm trọng đối với nhu cầu nội địa. Trong đó, an ninh lương thực được hiểu là sự bảo đảm của mỗi quốc gia về nguồn cung cấp lương thực cho người dân, để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu.

**Câu hỏi 151: Nghĩa vụ thông báo của Bên hạn chế xuất khẩu như thế nào?**

**Trả lời:**

Trừ trường hợp nước hạn chế xuất khẩu xảy ra thiếu hụt trầm trọng do một sự kiện bất khả kháng gây ra, nước này phải có trách nhiệm thông báo việc hạn chế xuất - nhập khẩu cho các nước còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày biện pháp đó có hiệu lực. Đồng thời thông báo phải bao gồm những lý do giải thích cho việc áp đặt sự hạn chế xuất khẩu, cũng như giải thích về sự phù hợp của biện pháp này.

**Câu hỏi 152: Việc một Bên hạn chế xuất khẩu có ảnh hưởng như thế nào tới các Bên còn lại?**

**Trả lời:**

Nếu một nước tạm thời hạn chế việc xuất khẩu một mặt hàng để bảo đảm an ninh lương thực thì có thể gây

ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của các nước nhập khẩu mặt hàng đó, vì các nước này phải đổi mặt với nguy cơ thiếu hụt về nguồn cung mặt hàng đó.

Ví dụ, Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc từ Mỹ, nếu Mỹ tạm thời hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc thì sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của Việt Nam, từ đó gây ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi của Việt Nam nói chung.

### ★ Biện pháp phòng vệ thương mại

*Câu hỏi 153: Những mặt hàng nông nghiệp nào của Việt Nam thường bị kiện chống bán phá giá?*

*Trả lời:*

Theo số liệu thống kê, sản phẩm nông nghiệp bị kiện nhiều nhất đó là cá da trơn. Năm 2002, có 9 vụ kiện tại thị trường Hoa Kỳ. Kết quả ngày 4-9-2013, Quyết định sơ bộ của đợt xem xét hành chính lần thứ 9: thuế cho 2 doanh nghiệp bị đơn bắt buộc là 0,42 USD/kg và 2,15 USD/kg; cho các doanh nghiệp bị đơn tự nguyện là 0,99 USD/kg.

Bên cạnh đó còn có một số mặt hàng như tôm, gạo của Việt Nam cũng đã từng bị kiện nhưng tần suất ít hơn.

Hiện nay, trong tiến trình hội nhập chúng ta đang đa dạng hóa những mặt hàng nông sản xuất khẩu như trái cây (xoài, thanh long, vải, nhãn,...), sản phẩm chăn nuôi (thịt bò, thịt lợn). Đây đều là những sản phẩm khó xâm nhập thị trường xuất khẩu, hơn nữa nếu xâm nhập được đều rất dễ bị kiện bán phá giá.



***Câu hỏi 154: Cách phòng tránh và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá như thế nào?***

***Trả lời:***

Về nguyên tắc, kiện chống bán phá giá là công cụ được sử dụng để đối phó với các hiện tượng bán phá giá (cạnh tranh không lành mạnh). Trên thực tế, đằng sau các biện pháp chống bán phá giá là việc bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước sự gia tăng của hàng nhập khẩu giá rẻ. Với năng lực xuất khẩu ngày càng tăng, nhiều loại hàng hoá Việt Nam đang phải đối mặt ngày càng nhiều hơn với những nguy cơ kiện chống bán phá giá ở các thị trường.

Để phòng tránh nguy cơ bị kiện và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá, doanh nghiệp cần đồng thời thực hiện các biện pháp mang tính chính sách (để hạn chế, nhận biết và ứng phó với nguy cơ một cách kịp thời) và các biện pháp kỹ thuật có liên quan (để tính toán và chứng minh biên độ phá giá thấp nhất có thể).

Chính sách phòng ngừa và đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá ở nước ngoài:

*Về hiểu biết chung:* Cần nhận biết về sự tồn tại của nguy cơ bị kiện tại các thị trường xuất khẩu và cơ chế vận hành của chúng, nhóm thị trường và loại mặt hàng thường bị kiện.

*Về chiến lược kinh doanh:* Cần tính đến khả năng bị kiện khi xây dựng chiến lược xuất khẩu để có kế hoạch chủ động phòng ngừa và xử lý khi không phòng ngừa được (ví dụ đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, tránh phát triển quá nóng một thị trường, tăng cường cạnh tranh bằng chất lượng và giảm dần việc cạnh tranh bằng giá rẻ...).

*Về việc hợp tác:*

- Phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp có cùng mặt hàng xuất khẩu để có chương trình, kế hoạch đối phó chung đối với các vụ kiện có thể xảy ra;

- Sử dụng chuyên gia tư vấn và luật sư trong những tình huống cần thiết ở mức độ thích hợp;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để được hướng dẫn và có thông tin cần thiết.

***Câu hỏi 155: Người nông dân có thể tìm thêm thông tin về hỗ trợ chống bán phá giá, chống trợ cấp ở đâu?***

***Trả lời:***

Các thông tin về hỗ trợ chống bán phá giá, chống trợ cấp có thể tìm thấy ở:

- Cục Quản lý Cạnh tranh - Bộ Công Thương.

Đây là cơ quan quản lý nhà nước phụ trách về vấn đề chống bán phá giá đối với hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam. Địa chỉ: 25 Ngô Quyền - Hà Nội, website: [www.qlct.gov.vn](http://www.qlct.gov.vn).

- Hội đồng Tư vấn về chống bán phá giá - chống trợ cấp - tự vệ (thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI).

- Hội đồng tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, hiệp hội về các vấn đề liên quan đến chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ và là đầu mối cung cấp các thông tin liên quan.

- Ban Pháp chế - VCCI, 9 Đào Duy Anh - Hà Nội.

- Trang web: [www.chongbanphagia.vn](http://www.chongbanphagia.vn).

**★ Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản do nhà nước sở hữu**

***Câu hỏi 156: Quy định của Hiệp định TPP về doanh nghiệp xuất khẩu nông sản do nhà nước sở hữu là như thế nào?***

***Trả lời:***

Các nước sẽ làm việc cùng nhau hướng tới những quy định về doanh nghiệp xuất khẩu do nhà nước sở hữu, trong đó yêu cầu:

- Xóa bỏ các hạn chế làm bóp méo thương mại đối với việc cho phép xuất khẩu nông sản;
- Xóa bỏ mọi khoản tài chính đặc biệt được tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho các doanh nghiệp nhà nước trong việc xuất khẩu nông sản;
- Hoạt động minh bạch hơn của các doanh nghiệp xuất khẩu do nhà nước sở hữu.

**★ Sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại**

***Câu hỏi 157: Sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại là gì?***

***Trả lời:***

Sản phẩm của công nghệ sinh học hiện đại là hàng hóa nông nghiệp được phát triển bằng cách sử dụng công nghệ sinh học hiện đại, nhưng không bao gồm các loại thuốc và các sản phẩm y tế (khái niệm Công nghệ sinh học hiện đại tìm hiểu thêm tại Điều 2.21, Phần C, Chương 2).

***Câu hỏi 158: Quy định về sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại được đề cập tới trong Hiệp định TPP như thế nào?***

***Trả lời:***

Các nước cùng khẳng định tầm quan trọng của sự minh bạch, hợp tác và trao đổi thông tin liên quan đến việc mua bán các sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại. Cụ thể trong đó Hiệp định TPP quy định về việc chia sẻ thông tin và các thủ tục mà các nước phải làm theo khi có sự hiện diện ở mức độ thấp của nguyên liệu công nghệ sinh học được phát hiện trong một lô hàng của các mặt hàng nông nghiệp hoặc thực phẩm. Đồng thời, các nước phải chủ động công bố danh sách các sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại đã được cấp phép trong lãnh thổ của mình.

***Câu hỏi 159: Quy định về sản phẩm công nghệ sinh học hiện đại đem lại lợi ích gì cho các Bên tham gia khối TPP?***

***Trả lời:***

Hiệp định TPP đã thừa nhận công nghệ sinh học nông nghiệp là một yếu tố quan trọng để phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Từ đây sẽ tạo điều kiện để mỗi nước chú trọng hỗ trợ phát triển công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, đem lại hiệu quả cao, giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho nông dân; tạo ra các mặt hàng nông sản chất lượng phục vụ tiêu dùng trong nước và tăng tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Do các nước phải công khai thông tin về danh sách sản phẩm công nghệ sinh học, điều này sẽ giúp kiểm soát

được việc nhập khẩu các mặt hàng công nghệ sinh học. Tránh việc nhập các mặt hàng công nghệ sinh học chưa được cấp phép của nước xuất khẩu, chưa bảo đảm được những yêu cầu về an toàn, có thể gây hại đến sức khỏe của người tiêu dùng.

**★ Quy định về hàng thủ công hoặc truyền thống**

**Câu hỏi 160: Hiệp định TPP quy định như thế nào về ưu đãi cho hàng dệt may thủ công, truyền thống?**

**Trả lời:**

Các mặt hàng dệt may được sản xuất theo các phương thức sau sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo thỏa thuận của các Bên:

- Các loại vải dệt tay thuộc một ngành tiểu thủ công nghiệp;
- Các loại vải in bằng tay có hoa văn được tạo ra bằng kỹ thuật wax - resistance;
- Các loại hàng hóa tiểu thủ công nghiệp làm từ các loại vải dệt tay hoặc in bằng tay; hoặc
- Các mặt hàng thủ công truyền thống.

(Với điều kiện mọi yêu cầu do Bên nhập khẩu và Bên xuất khẩu thỏa thuận về các mặt hàng này đều được thỏa mãn).

**★ Quy tắc xuất xứ**

**Câu hỏi 161: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với một số mặt hàng thủy sản cụ thể (cá ngừ, tôm, cua) là như thế nào?**

**Trả lời:**

**Cá ngừ:** Cá ngừ là mặt hàng nhạy cảm với Nhật Bản và Mỹ nên quy tắc xuất xứ cá ngừ hướng đến kiểm soát

chặt chẽ việc sử dụng cá nư nguyên liệu bên ngoài khối TPP. Nhật Bản lo ngại về nguồn gốc cá nư đánh bắt có hợp pháp hay không; Mỹ lo ngại cá nư của nước thứ ba có cơ hội gia tăng thị phần trên thị trường Mỹ thông qua chế biến tại một nước trong khối TPP. Quy tắc xuất xứ cho cá nư đòi hỏi gần như xuất xứ thuần túy của Hiệp định TPP.

*Tôm, cua:* tôm, cua chế biến được phép sử dụng nguyên liệu bên ngoài khối TPP.

***Câu hỏi 162: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với cà phê là như thế nào?***

***Trả lời:***

Cà phê đã rang có sự linh hoạt nhất định, cho phép được sử dụng nguyên liệu cà phê chưa rang bên ngoài khối TPP tới 60% khối lượng nguyên liệu sử dụng để chế biến hàng hoá.

Cà phê hoà tan được sử dụng nguyên liệu không hạn chế bên ngoài khối TPP.

***Câu hỏi 163: Quy tắc xuất xứ áp dụng đối với chè là như thế nào?***

***Trả lời:***

Chè xanh chưa ủ men đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3 kg có thêm quy tắc linh hoạt hàm lượng giá trị khu vực 40%.

***Câu hỏi 164: Quy tắc xuất xứ cụ thể đối với hạt điều là như thế nào?***

***Trả lời:***

Hạt điều nằm trong nhóm hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Hiệp định TPP cho phép nhập

khẩu nguyên liệu điều thô từ bất kỳ đâu, chỉ cần chứng minh công đoạn gia công chế biến cuối cùng (bóc tách vỏ hạt, tẩm ướp thêm gia vị, đóng hộp...) diễn ra tại Việt Nam là đã có thể xuất khẩu sang các nước khối TPP để hưởng ưu đãi thuế quan.

Tiêu chí xuất xứ này ngang bằng với Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) nhưng lỏng hơn so với hầu hết các FTA khác mà Việt Nam đã thực hiện khi yêu cầu đều phải có xuất xứ toàn bộ hoặc một phần tại Việt Nam.

### ★ Tiêu chuẩn kỹ thuật

***Câu hỏi 165: Quy định về rào cản kỹ thuật tác động như thế nào đối với nông nghiệp Việt Nam?***

Rào cản kỹ thuật tác động rất lớn đối với hoạt động thương mại của một quốc gia trong mọi lĩnh vực liên quan. Nông nghiệp là một trong những lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều nhất từ rào cản này. Mỗi bối cảnh khác nhau thì sự tác động đó cũng thể hiện khác nhau.

***Câu hỏi 166: Phát triển nông nghiệp vượt qua các rào cản kỹ thuật từ khối TPP như thế nào?***

#### ***Trả lời:***

Để vượt qua các rào cản về kỹ thuật, chất lượng cũng như bảo hộ sản phẩm trong nước từ các nước trong khối TPP, ngành nông nghiệp Việt Nam cần mở rộng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như: công nghệ sinh học, kỹ thuật canh tác mới, hệ thống nhà kính, công nghệ bảo quản và chế biến... Để làm được điều này cần có sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp, người nông dân.

Đối với các doanh nghiệp, cần nghiên cứu thị trường xuất khẩu của các thị trường nước ngoài để xác định tiềm năng thị trường xuất khẩu tốt nhất đối với hàng hóa của mình. Đồng thời, cũng cần làm việc chặt chẽ bằng cách thông tin liên lạc với các đối tác thương mại nước ngoài tại thị trường nước ngoài để hiểu đầy đủ các tiêu chuẩn áp dụng và các yêu cầu.

Đối với người nông dân, cần tham gia các chương trình tập huấn, phổ biến về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi mới do Hội Nông dân, cùng các cơ quan nhà nước tổ chức; tham gia các mô hình sản xuất mới, các hợp tác xã sản xuất ứng dụng công nghệ cao có thể tham gia vào chuỗi cung ứng cho thị trường trong và ngoài nước.

***Câu hỏi 167: Quy định về rào cản kỹ thuật tác động đối với xuất khẩu nông sản Việt Nam là như thế nào?***

***Trả lời:***

Lợi ích lớn nhất từ việc tham gia TPP của Việt Nam là lộ trình giảm thuế quan của các mặt hàng, trong đó có mặt hàng nông nghiệp.

Nhóm biện pháp kỹ thuật về cơ bản là những rào cản dưới dạng các quy định kỹ thuật, nhưng lại có khả năng vô hiệu hóa lợi ích từ việc giảm thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam. Nguyên nhân bởi dù thuế nhập khẩu vào các nước có được xóa bỏ nhưng việc kiểm dịch, kiểm tra dư lượng kháng sinh, các đòi hỏi về nhãn mác, bao bì... của các nước vẫn ngăn chặn khả năng xuất khẩu của nông sản Việt Nam, thậm chí còn rủi ro hơn nhiều so với thuế quan.



Rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế mà thị trường các nước nhập khẩu áp dụng thường có xu hướng hạn chế xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có hàng nông sản, đặc biệt là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như thủy - hải sản, trái cây.

Tuy nhiên, việc bị áp dụng rào cản kỹ thuật cũng là một động lực thúc đẩy buộc nông nghiệp Việt Nam phải có những sự thay đổi về công nghệ, năng suất, quy trình sản xuất để có thể tạo ra những sản phẩm đáp ứng được thị trường quốc tế cả về chất lượng và mẫu mã.

***Câu hỏi 168: Tác động của rào cản kỹ thuật đối với nhập khẩu nông sản của Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Về mặt tích cực, rào cản kỹ thuật ngăn cản một khối lượng lớn hàng xuất khẩu ồ ạt xâm nhập thị trường, góp phần bảo hộ sản xuất trong nước. Về mặt tiêu cực, một phần nào đó biện pháp này hạn chế động lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Nhưng trong môi trường TPP, sự xâm nhập của hàng nông sản nước ngoài vào Việt Nam khá là dễ dàng, do đó nếu nông nghiệp Việt Nam không chủ động đổi mới để hội nhập thì chúng ta sẽ bị thua hoàn toàn trên sân nhà.

***Câu hỏi 169: Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của nông sản Việt Nam hiện nay như thế nào?***

***Trả lời:***

Đối với Việt Nam, xuất khẩu là một trong những động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế nhưng đang gặp phải rào cản lớn từ các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nước nhập khẩu.

Theo thống kê của Bộ Công Thương, rào cản thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam áp dụng cho nhiều loại mặt hàng, trong đó chủ yếu tập trung vào các nhóm hàng nông, lâm, thủy sản. Nhiều mặt hàng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam vấp phải các hàng rào kỹ thuật nghiêm ngặt từ các thị trường nhập khẩu chính như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Mêhicô... Điển hình như Luật nông nghiệp năm 2014 của Hoa Kỳ; Các tiêu chuẩn về dư lượng các chất cấm và các chất hạn chế sử dụng trong thủy sản của EU... Trong bốn tháng đầu năm 2015, cả nước đã có 36 lô tôm xuất khẩu bị ba thị trường nhập khẩu chính là Mỹ, EU và Nhật Bản trả về do có chứa chất cấm (hóa chất, kháng sinh), bằng 40% so với con số của cả năm 2014. Riêng thị trường Mỹ trả về 25 lô, bằng hơn 50% so với cả năm 2014. Về các mặt hàng nông sản, Ủy ban châu Âu và Nhật Bản cũng đã nhiều lần đưa ra các cảnh báo đối với các mặt hàng rau, củ, quả của Việt Nam, điển hình là mặt hàng tiêu, thanh long, mướp đắng, gạo,... thậm chí gỗ làm bao bì đóng hàng xuất khẩu cũng vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Điều này đã làm uy tín của nông sản, hàng hóa của Việt Nam trên thị trường quốc tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

***Câu hỏi 170: Làm thế nào để tiếp cận thông tin về các rào cản kỹ thuật của các nước?***

***Trả lời:***

Hiệp định TBT quy định mỗi nước đều phải minh bạch hoá hệ thống các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá của mình thông qua các hình thức khác nhau.

Đặc biệt, Hiệp định buộc mỗi nước thành viên phải thiết lập một “Điểm hỏi đáp về TBT” để trả lời và cung cấp các văn bản có liên quan đến các biện pháp kỹ thuật cho các nước thành viên và các đối tượng liên quan (trong đó có doanh nghiệp).

Như vậy, nếu quan tâm đến các quy định về các biện pháp kỹ thuật áp dụng tại từng thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp hoàn toàn có thể tiếp cận và có được các thông tin này tại các “Điểm hỏi đáp TBT”.

Danh mục địa chỉ các Điểm hỏi đáp của tất cả các thành viên WTO có thể tìm thấy tại trang web của WTO ([www.wto.org](http://www.wto.org)) theo đường dẫn: Home > Trade topics > Goods > Technical barriers to Trade > National enquiry points.

***Câu hỏi 171: Các quy định về chất lượng nông sản xuất khẩu sang thị trường các nước khối TPP có thể tìm thấy ở đâu?***

***Trả lời:***

**• Hoa Kỳ**

Hoa Kỳ yêu cầu tất cả những nông sản nhập khẩu phải đạt phẩm cấp theo tiêu chuẩn của Ban Thị trường thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Thông tin chi tiết về các yêu cầu phẩm cấp và chất lượng sản phẩm được Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ xây dựng có thể tìm thấy tại các địa chỉ internet sau:

USDA: [www.ams.usda.gov/standards/stanfrfv.htm](http://www.ams.usda.gov/standards/stanfrfv.htm).

USDA: [www.ams.usda.gov/fv/moab-8e.html](http://www.ams.usda.gov/fv/moab-8e.html).

FDA: [www.cfsan.fda.gov/~dms/lab-ind.html](http://www.cfsan.fda.gov/~dms/lab-ind.html).

Một trong những cầu thành của dự luật trang trại (Farm Bill) năm 2002 (Luật an ninh trang trại và đầu tư nông thôn năm 2002) là thực hiện việc bắt buộc ghi nhãn về nước xuất xứ (COOL). Thông tin chi tiết về chương trình này có thể tìm thấy trên trang Web: USDA: [www.ams.usda.gov/cool/](http://www.ams.usda.gov/cool/).

#### • **Nhật Bản**

Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh thực phẩm, Luật tiêu chuẩn nông nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường. Thông tin chi tiết về tiêu chuẩn và các thủ tục nhập khẩu đối với các sản phẩm cụ thể có thể thấy trên các trang Web sau: Tổ chức Ngoại thương Nhật Bản: [www.jetro.go.jp/en/market/regulations/](http://www.jetro.go.jp/en/market/regulations/).

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản: [www.maf.go.jp/soshiki/syokuhin/hinshitu/e\\_label/index.htm](http://www.maf.go.jp/soshiki/syokuhin/hinshitu/e_label/index.htm).

#### • **Ôxtrâyli**

Các quy định về vệ sinh và kiểm dịch thực vật của Ôxtrâyli có thể tìm thấy tại địa chỉ:

<http://www.agriculture.gov.au/import>.

#### • **Niu Dilân**

Thông tin về chất lượng nông sản xuất khẩu có thể tìm thấy tại Cơ quan An toàn thực phẩm Niu Dilân, địa chỉ website: <http://www.mpi.govt.nz/importing>.

#### • **Xingapo**

Các quy định nhập khẩu có thể tìm thấy tại địa chỉ: <http://www.customs.gov.sg/businesses/importing-goods/quick-guide-for-importers>.

***Câu hỏi 172: Mạng lưới văn phòng và thông báo hỏi đáp về các tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam có thể tìm thấy ở đâu?***

***Trả lời:***

Doanh nghiệp có thể tiếp cận các thông tin về tất cả các biện pháp kỹ thuật của Việt Nam tại:

- Văn phòng TBT Việt Nam, Tổng Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ, <http://www.tbvtvn.org>;

- Các Điểm TBT trong mạng lưới TBT tại các Bộ liên quan (Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Thông tin - Truyền thông; Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế);

- Các Điểm TBT trong mạng lưới TBT tại các Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương (63 tỉnh, thành phố).

***Câu hỏi 173: Các biện pháp giúp nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Để nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Hiệp định TPP, các doanh nghiệp cần:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật mới từ các nước nhập khẩu.

- Chủ động đầu tư, đổi mới công nghệ, xây dựng quy trình sản xuất chế biến bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm môi trường, từ đó giảm giá thành sản xuất, mặt khác nâng cao chất lượng để đáp ứng được các tiêu chuẩn của nước nhập khẩu.

- Triển khai áp dụng các hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe, môi trường.

- Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức đa quốc gia, các thành phần kinh tế.

Như vậy, những hàng rào kỹ thuật là rất nhiều và sẽ còn nhiều nữa trong tương lai. Để đáp ứng các quy định này, các nhà quản lý và doanh nghiệp phải nắm chắc các quy định này, từ đó quan tâm chất lượng sản phẩm và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng được thương hiệu và uy tín cho các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu; đồng thời từng bước xây dựng bộ hàng rào kỹ thuật ở chính quốc gia mình để vừa xuất khẩu hàng hóa một cách an toàn, vừa nâng cao năng lực sản xuất, cạnh tranh của hàng nội.

### ★ Vệ sinh kiểm dịch

*Câu hỏi 174: Tác động tích cực của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đến sản xuất nông nghiệp như thế nào?*

*Trả lời:*

Trước tiên, các biện pháp SPS có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng các sản phẩm xuất khẩu,

giúp các sản phẩm này tăng sức cạnh tranh tại thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, các biện pháp SPS đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, cải tiến dây chuyền sản xuất, hướng nông dân đến sản xuất xanh, bền vững, nhằm vượt qua được các rào cản mà các nước nhập khẩu đặt ra.

***Câu hỏi 175: Những hạn chế của các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đối với sản xuất nông nghiệp là như thế nào?***

***Trả lời:***

Các biện pháp SPS sẽ tạo ra rào cản, ngăn cản nông sản tiếp cận đến những thị trường đòi hỏi cao về những tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch. Hơn nữa, để đáp ứng được các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch trong Hiệp định TPP, người nông dân cần phải đầu tư một khoản tài chính lớn để đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất và không phải ai cũng có điều kiện đáp ứng khoản tài chính lớn như vậy.

***Câu hỏi 176: Thực trạng bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch của các mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu Việt Nam hiện nay như thế nào?***

***Trả lời:***

Thời gian qua, nhiều mặt hàng nông nghiệp của Việt Nam khi xuất khẩu ra nước ngoài đã bị trả về do không đáp ứng được các tiêu chuẩn tại thị trường nhập khẩu như rau bị dính sâu đục quả, có dư lượng thuốc trừ sâu, cá ngừ đại dương bị nhiễm vi khuẩn E.Coli, vi sinh

Salmonella, các sản phẩm từ thịt có dư lượng thuốc thú y vượt mức cho phép, sản phẩm bị hôi, thiu, phân hủy trong quá trình vận chuyển...

***Câu hỏi 177: Phương hướng nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh và kiểm dịch theo quy định của Hiệp định TPP là như thế nào?***

***Trả lời:***

Các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải tích cực chủ động tìm hiểu thông tin về các quy định, biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, từ đó phổ biến lại cho người nông dân, hỗ trợ, tư vấn cho họ về quy trình và cách thức sản xuất, các biện pháp phòng ngừa bệnh dịch, cách thức thu hoạch và bảo quản sau khi thu hoạch.

Người nông dân cũng cần phải tuân thủ tuyệt đối các quy tắc vệ sinh, kiểm dịch trong quá trình sản xuất, chủ động đưa sản phẩm của mình đi khử trùng, gia nhiệt, chiếu xạ... để nâng cao giá trị sản phẩm.

***Câu hỏi 178: Cơ quan nào hỗ trợ tìm hiểu quy định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch của các nước?***

***Trả lời:***

Người dân có thể thông qua Văn phòng Thông báo và Điền hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh Dịch tễ và Kiểm dịch Động thực vật Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam) để giải đáp các thắc mắc về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch cũng như thông qua Văn phòng này yêu cầu



các nước thành viên của khối TPP cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro, về thanh tra, kiểm tra và các vấn đề liên quan khác về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật. Văn phòng SPS Việt Nam có địa chỉ tại số 2, Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội.

***Câu hỏi 179: Quy định về vệ sinh và kiểm dịch của một số thị trường trong khối TPP như thế nào?***

***Trả lời:***

***Hoa Kỳ:***

Các thanh tra viên của Cơ quan Thanh tra sức khỏe động thực vật (một cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ) phải kiểm tra và chứng nhận tất cả các lô hàng trước khi khai báo hải quan. Nếu có dấu hiệu của sâu hại hoặc dịch bệnh được phát hiện, sản phẩm có thể bị khử trùng (hoặc xử lý theo cách khác), bị trả lại nước xuất khẩu hoặc bị tiêu hủy. Thông tin chi tiết về hệ thống kiểm dịch thực vật của Hoa Kỳ có thể tìm kiếm trên trang Web: USDA: [www.aphis.usda.gov/ppq/permits](http://www.aphis.usda.gov/ppq/permits).

***Nhật Bản:***

Chính phủ Nhật Bản yêu cầu các nước cung cấp phải tuân thủ Luật bảo vệ thực vật, Luật sức khỏe thực vật và Luật vệ sinh thực phẩm. Những quy định được thi hành bởi Phòng Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF). Thông tin chi tiết về các quy định kiểm dịch thực vật hoặc hệ thống kiểm dịch của Nhật Bản có thể tìm thấy trên các trang Web: Trạm Bảo vệ thực vật: [www.pps.go.jp/english/](http://www.pps.go.jp/english/).

## ★ Môi trường

**Câu hỏi 180: Những ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp tới môi trường ở Việt Nam hiện nay như thế nào?**

**Trả lời:**

Những năm gần đây với sự phát triển ngày càng cao của khoa học - công nghệ, người nông dân đã có thể áp dụng những công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp như sử dụng các loại giống mới, phân hóa học, hóa chất bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị tưới tiêu. Một mặt những yếu tố này giúp cho việc tăng năng suất, tăng chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nhưng cũng làm nảy sinh rất nhiều vấn đề môi trường như:

- Gây độc hại cho nguồn nước, cho đất bởi việc sử dụng thuốc trừ sâu, tác động xấu đến sức khỏe con người, động vật và suy thoái các hệ sinh thái;

- Gây nhiễm độc lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc bởi dư lượng thuốc trừ sâu;

- Gây xói mòn đất, giảm độ phì của đất do xu hướng sử dụng nhiều phân bón hoá học thay cho phân hữu cơ;

- Gây ô nhiễm không khí do sự khuếch tán của hóa chất bảo vệ thực vật.

Xu thế tiêu chuẩn hoá, chuyên canh hoá tập trung vào một số giống cây và vật nuôi mới, dẫn đến sự thay thế dần và biến mất những giống loài truyền thống.

**Câu hỏi 181: Quy định của Hiệp định TPP về vấn đề đánh bắt cá nhằm mục tiêu gì?**

**Trả lời:**

Hiệp định TPP quy định cần quản lý việc đánh bắt cá một cách chặt chẽ hơn để hướng tới giải quyết các vấn đề

đánh bắt quá mức và sử dụng không bền vững nguồn lợi thủy sản, cụ thể:

- Cần ngăn chặn đánh bắt quá mức và quá tải thủy sản;
- Giảm đánh bắt ngoài kế hoạch các loài không phải mục tiêu và động vật chưa thành niên;
- Cần thúc đẩy sự phục hồi của đàn cá đã bị khai thác quá mức tại những nơi người dân tiến hành các hoạt động bắt cá.

***Câu hỏi 182: Hiệp định TPP quy định như thế nào về vấn đề trợ cấp cho hoạt động đánh bắt thủy sản?***

***Trả lời:***

Nhằm hướng tới sự phát triển bền vững, đồng thời dỡ bỏ các yếu tố phi công bằng, bóp méo thương mại hải sản trong khu vực và trên thế giới, Hiệp định TPP quy định:

- Xóa bỏ các trợ cấp cho hoạt động đánh bắt (bao gồm tìm kiếm, thu hút, định vị, đánh bắt, thu hoạch hoặc bắt kỳ các hoạt động tương đương) có tác động tiêu cực tới các đàn cá đã trong tình trạng bị đánh bắt quá mức;

- Xóa bỏ trợ cấp dành cho các tàu đánh bắt hải sản bị quốc gia tàu mang cờ hoặc Tổ chức hoặc Hiệp định quản lý nghề cá khu vực liệt vào danh mục đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo, không đúng quy định theo đúng nguyên tắc và thủ tục của các tổ chức hoặc hiệp định đó và không phù hợp với luật pháp quốc tế.

***Câu hỏi 183: Các quy định về môi trường trong Hiệp định TPP có thể gây ra những tác động gì với ngành thủy sản Việt Nam?***

***Trả lời:***

Trước tác động của Hiệp định TPP về môi trường, ngành thủy sản Việt Nam sẽ phải có những điều chỉnh để tăng cường hơn sự quản lý nhằm hướng tới đáp ứng những yêu cầu cao về bảo vệ môi trường bền vững.

Một số trợ cấp thủy sản có thể sẽ bị cắt bỏ, điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp thủy sản cũng như ngư dân.

Các tàu đánh cá, vận chuyển hàng hóa nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn xả thải, hoạt động bất hợp pháp, hoạt động không theo quy định sẽ cấm hoạt động.

Các hoạt động đánh bắt quá mức của ngư dân sẽ bị dừng hoạt động, ngư dân sẽ phải thay đổi nguồn đánh bắt thủy sản.

***Câu hỏi 184: Hiệp định TPP quy định về vấn đề ô nhiễm từ tàu biển như thế nào?***

***Trả lời:***

Theo Điều 20.6 của Hiệp định TPP, các quốc gia phải có biện pháp để ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường biển từ tàu. Chú trọng xây dựng và công khai các chính sách, chương trình có liên quan đến vấn đề ô nhiễm môi trường do tàu biển. Trên cơ sở đó, các quốc gia sẽ cùng nhau hợp tác để giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường biển do tàu gây ra.

***Câu hỏi 185: Tác động của quy định về tàu biển trong Hiệp định TPP tới hoạt động đánh bắt thủy sản Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 130.000 tàu đánh bắt cá với chất lượng không cao, thường phát thải nhiều khí độc tới môi trường biển. Nếu không sớm khắc phục, vấn đề này sẽ vi phạm quy định của Hiệp định TPP về môi trường và gây ảnh hưởng tới việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam cần nhanh chóng có giải pháp để bảo vệ môi trường biển theo đúng quy định của Hiệp định TPP. Việt Nam cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu đánh bắt cá gây ra và quản lý chất thải phát sinh từ tàu đánh bắt cá nhằm bảo đảm thực hiện đầy đủ, toàn diện các quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra. Bên cạnh đó, đưa ra những chương trình, chính sách cụ thể để khuyến khích và hỗ trợ ngư dân nâng cao chất lượng của tàu đánh bắt cá.

**★ Lao động**

***Câu hỏi 186: Tổ chức nào bảo vệ quyền lợi của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam?***

***Trả lời:***

Ở Việt Nam hiện nay, có hai nhóm tổ chức chính bảo vệ quyền lợi của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam.

Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tiền thân là Công đoàn Canh nông Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập ngày 13-3-1948, là tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ công nhân, viên chức, người lao động trong ngành nông nghiệp.

Hội Nông dân Việt Nam tiền thân là Nông hội đỏ, thành lập ngày 14-10-1930, là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo với nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu kinh tế, khi Việt Nam tham gia Hiệp định TPP, người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là một trong những đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Vì vậy, hai tổ chức trên cần phát huy vai trò của mình, là cầu nối giữa người lao động với các cơ quan chức năng, hỗ trợ giúp đỡ họ phát triển sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh trên trường quốc tế.

***Câu hỏi 187: Mức lương tối thiểu trong ngành nông nghiệp Việt Nam hiện nay là bao nhiêu?***

***Trả lời:***

Ngành nông nghiệp chiếm khoảng một nửa lực lượng lao động nhưng tỷ lệ lao động làm công ăn lương của ngành này chỉ chiếm hơn 10% trong tổng số lao động làm công ăn lương tại Việt Nam. Theo Điều tra Lực lượng lao động năm 2014 ở Việt Nam, lao động trong ngành nông, lâm, thủy sản thuộc nhóm lao động có mức lương bình

quân hàng tháng thấp nhất (2,79 triệu đồng). Bên cạnh đó, chênh lệch mức lương theo giới trong ngành nông nghiệp cũng cao nhất, lên đến 32% trong khi các ngành khác chỉ đến 10%. Năm 2014, mức lương bình quân hàng tháng của lao động nam là 3,1 triệu đồng/tháng trong khi lao động nữ chỉ nhận được mức lương 2,2 triệu đồng/tháng. Như vậy, thực trạng phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp, vấn đề lương tối thiểu có đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp hay không vẫn đang là những vấn đề bất cập hiện nay.

***Câu hỏi 188: Tình hình sử dụng lao động trẻ em trong nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay như thế nào?***

***Trả lời:***

Theo Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989, lao động trẻ em là lao động có độ tuổi dưới 18 tuổi, trong khi Bộ luật lao động Việt Nam quy định người lao động Việt Nam là người từ đủ 15 tuổi trở lên. Điều này cho thấy Việt Nam có sử dụng lao động trẻ em và số lượng này đặc biệt nhiều trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, tỷ lệ lao động trẻ em trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam lên đến 11-17%. Có 1,75 triệu trẻ em thuộc nhóm lao động trẻ em, chiếm 9,6% dân số trẻ em và khoảng 62% tổng số trẻ em hoạt động kinh tế, trong đó 40,2% là trẻ em gái. Gần 85% số lao động trẻ em sinh sống ở khu vực nông thôn và 60% trong nhóm từ 15-17 tuổi. Tuổi bắt đầu làm việc của trẻ em khá sớm, phổ biến ở độ tuổi từ 12 tuổi trở lên. Gần 55% không đi học (trên 5%

chưa từng đi học). Khoảng 67% tổng số trẻ em làm việc trong nông nghiệp so sánh với 15,7% tổng số trẻ em trong khu vực công nghiệp - xây dựng và 16,7% tổng số trẻ em làm việc trong khu vực dịch vụ. Lao động trẻ em tập trung chủ yếu ở các làng nghề truyền thống, may mặc, thủ công mỹ nghệ, đánh bắt thủy hải sản... Những sản phẩm được tạo ra bởi lao động trẻ em này có nguy cơ bị hạn chế xuất khẩu do quy định mới nhất của Hiệp định TPP, từ đó ảnh hưởng tiêu cực tới cán cân xuất - nhập khẩu của nước ta.

***Câu hỏi 189: Quy định về lao động của Hiệp định TPP có thể dẫn tới những thay đổi gì trong cơ cấu lao động của ngành nông nghiệp Việt Nam?***

***Trả lời:***

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 46% lao động đang làm việc trong khu vực nông nghiệp, trong đó chỉ có 250.000 lao động làm việc trong các doanh nghiệp đăng ký theo Luật doanh nghiệp hoặc các hợp tác xã; còn lại khoảng 23 triệu lao động trong khu vực phi chính thức, đó là kinh tế hộ gia đình hoặc các công việc không ổn định khác.

Tham gia Hiệp định TPP, dưới sức ép cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài, lao động trong khu vực phi chính thức của ngành nông nghiệp đang đối mặt với nguy cơ thất nghiệp do yêu cầu phải chuyển sang sản xuất lớn, quy mô công nghiệp. Ước tính cho thấy khoảng 35-40% lực lượng lao động nông thôn sẽ bị dư thừa và phần lớn lao động rời bỏ nông thôn đi tìm việc làm tại các thành phố lớn, tạo áp lực lớn cho thị trường lao động ở những



khu vực này. Tỷ trọng lao động trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ sẽ tiếp tục thay đổi theo hướng gia tăng nhanh tỷ trọng lao động trong ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

Bên cạnh đó, dưới tác động của những quy định gặt gao về tiêu chuẩn lao động trong Hiệp định TPP, cơ cấu lao động nông thôn cũng sẽ có sự chuyển dịch theo hướng gia tăng lao động có trình độ cao, giảm lao động tay chân trình độ thấp; gia tăng lao động trong ngành chế biến, thủy sản, giảm lao động trong ngành trồng trọt, chăn nuôi, giảm dần và tiến đến xóa bỏ lao động trẻ em...

#### ★ Sở hữu trí tuệ

***Câu hỏi 190: Ở Việt Nam, cơ quan nào chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ?***

***Trả lời:***

Tại Việt Nam, các vấn đề về bản quyền do Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xem xét giải quyết. Các quyền sở hữu trí tuệ còn lại, bao gồm nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bí mật thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp thuộc phạm vi quản lý của Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ).

***Câu hỏi 191: Nguyên tắc bảo hộ áp dụng với chỉ dẫn địa lý có thể gây ra tác động như thế nào tới ngành nông nghiệp Việt Nam?***

***Trả lời:***

Với quy định rằng, chỉ dẫn địa lý có thể được bảo hộ như một nhãn hiệu trong Hiệp định TPP, lợi ích của các

cộng đồng nông nghiệp có liên quan tới các chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng ở các khía cạnh sau:

*(1) Chỉ dẫn địa lý nếu bị một cá nhân, tổ chức đăng ký trước thì toàn bộ cộng đồng sẽ mất quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đó cho sản phẩm của mình.*

Quy định hiện tại về nhãn hiệu cho phép ai đăng ký trước thì được trước và chủ sở hữu nhãn hiệu có độc quyền ngăn cản bất cứ bên thứ ba nào sử dụng nhãn hiệu hoặc các dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu đã được đăng ký. Quy định này hợp lý với trường hợp nhãn hiệu nhưng sẽ gây ra những hậu quả rất nặng nề cho cộng đồng khi áp dụng cho chỉ dẫn địa lý.

Về bản chất, chỉ dẫn địa lý vốn là “tài sản” của cộng đồng. Việc áp dụng nguyên tắc nói trên khiến chỉ dẫn địa lý sau khi được đăng ký sẽ trở thành tài sản riêng của cá nhân/tổ chức đăng ký. Hệ quả là cộng đồng sẽ mất quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho chính những sản phẩm của mình (bao gồm việc gắn chỉ dẫn địa lý lên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó...).

Để duy trì nguồn thu nhập và cuộc sống bình thường thì người dân ở các cộng đồng vẫn phải tiếp tục sản xuất kinh doanh các sản phẩm này và họ bị đặt trước hai lựa chọn: hoặc là không được sử dụng chỉ dẫn địa lý (ví dụ nước mắm sản xuất tại Phú Quốc không được ghi trên nhãn là nước mắm Phú Quốc), hoặc là phải trả tiền cho chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đã đăng ký để được phép sử dụng chỉ dẫn địa lý vốn trước nay đương nhiên là của mình.

*(2) Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý nếu tương tự với thủ tục đăng ký nhãn hiệu sẽ tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng đăng ký hàng loạt chỉ dẫn địa lý không cần dựa trên căn cứ đầy đủ nào.*

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, để đăng ký một chỉ dẫn địa lý, người đăng ký phải xuất trình nhiều giấy tờ, trong đó có bản mô tả tính chất, lực lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý (Điều 106, Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam). Trong khi đó, để đăng ký nhãn hiệu, người đăng ký chỉ cần nộp mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu (Điều 105, Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam).

Khi áp dụng quy định về thủ tục đăng ký nhãn hiệu đối với đăng ký chỉ dẫn địa lý, rõ ràng bất cứ ai, bất cứ ở đâu cũng có thể đăng ký chỉ dẫn địa lý và biến nó thành sở hữu độc quyền của mình miễn là chưa có người đăng ký trước đó.

Đây là điều có tác động trực tiếp, tức thời và bất hợp lý đến quyền và lợi ích của cộng đồng đang sử dụng chỉ dẫn địa lý liên quan.

***Câu hỏi 192: Các doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý điều gì khi bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo nguyên tắc của Hiệp định TPP?***

***Trả lời:***

Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp chỉ có hiệu lực bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam, do đó cần tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ

nhãn hiệu chứng nhận hoặc nhãn hiệu tập thể tại các quốc gia thuộc nhóm không bảo hộ chỉ dẫn địa lý hoặc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại các quốc gia thuộc nhóm có bảo hộ chỉ dẫn địa lý với chỉ dẫn địa lý do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp. Các doanh nghiệp đăng ký chỉ dẫn địa lý cần tiến hành làm việc này ngay, tránh tình trạng để một chủ thể nào đó đăng ký trước như trường hợp cà phê Buôn Ma Thuật tại Trung Quốc.

***Câu hỏi 193: Hiện nay có bao nhiêu chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký bảo hộ tại thị trường Việt Nam?***

***Trả lời:***

Tính đến cuối năm 2015, ở Việt Nam đã có 47 chỉ dẫn địa lý được đăng ký bảo hộ, trong đó có 43 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, 4 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài (xem Phụ lục). Số lượng chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được bảo hộ ở nước ngoài còn rất hạn chế với 3 chỉ dẫn địa lý.

***Câu hỏi 194: Doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp cần làm gì để thích ứng với những đòi hỏi cao về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TPP?***

***Trả lời:***

Cho đến khi Hiệp định TPP chính thức có hiệu lực, các doanh nghiệp Việt cần chuẩn bị cho mình khá nhiều hành trang.

*Thứ nhất*, doanh nghiệp nên rà soát lại các tài sản trí tuệ và đăng ký bảo hộ để được công nhận bảo hộ trong toàn khối TPP. Các đối tượng cần được đăng ký bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên miền và các chỉ dẫn thương mại khác, đặc biệt lưu ý các chỉ dẫn

địa lý. Để tránh lặp lại các vụ việc của cà phê Buôn Ma Thuột, kẹo dừa Bến Tre hay nước mắm Phú Quốc, các doanh nghiệp cần có bước đăng ký cụ thể.

*Thứ hai*, các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, cần tận dụng tốt vai trò và chức năng của các hiệp hội. Hiện nay nhiều hiệp hội chuyên biệt cho từng sản phẩm nông nghiệp đã tồn tại như Hiệp hội Cá tra Việt Nam, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột, Hiệp hội Cao su Việt Nam... Hội nhập thường kéo theo “buôn có bạn, bán có phường”, do đó các hiệp hội, các tổ chức nên cùng hợp lực để xác lập các quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa và sản phẩm, đặc biệt là các nông sản “thuần Việt” bằng việc đăng ký các nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

*Thứ ba*, trong tương lai, doanh nghiệp sẽ phải chi nhiều khoản phí cho việc sử dụng bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ. Do vậy, bắt buộc các doanh nghiệp phải nâng cao mức doanh thu và lợi nhuận, mở rộng quy mô sản xuất. Đồng thời, việc đầu tư vào các tài sản sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp sẽ góp phần tạo ra nhiều tài sản vô hình và giá trị thặng dư cho doanh nghiệp, nâng cao giá trị thương hiệu trên thị trường.

*Thứ tư*, cần xây dựng chiến lược đầu tư rõ ràng cho các thị trường dự định. Quyền sở hữu trí tuệ mang tính lãnh thổ và chỉ được bảo hộ ở quốc gia đăng ký. Do đó, khi doanh nghiệp xác định được thị trường tiềm năng, cần xây dựng một kế hoạch đầu tư, phát triển rõ ràng, trong đó bao gồm cả việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ.

*Thứ năm*, doanh nghiệp phải chủ động bảo vệ các tài sản sở hữu trí tuệ cho mình và nhận biết các hành vi vi phạm để có bước xử lý kịp thời. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp cũng cần có ý kiến tư vấn pháp lý từ các chuyên gia về sở hữu trí tuệ để có hướng đi đúng nhất.

**★ Hợp tác và xây dựng năng lực**

***Câu hỏi 195: Quy định của Hiệp định TPP về hợp tác và xây dựng năng lực mang lại cơ hội gì cho ngành nông nghiệp Việt Nam?***

***Trả lời:***

So với các nước thành viên khối TPP, Việt Nam là quốc gia có lợi thế về sản xuất nông nghiệp nhưng lại có nền nông nghiệp kém phát triển nhất. Những quy định liên quan đến hợp tác và xây dựng năng lực trong TPP sẽ mở đường cho những nỗ lực hợp tác của các quốc gia thành viên khác tới Việt Nam trong nhiều lĩnh vực mà nông nghiệp không phải là ngoại lệ. Theo đó, sẽ xuất hiện những luồng đầu tư mới từ các nước thành viên vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng những lợi thế về hàng hóa xuất khẩu có xuất xứ nội khối. Nông nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp thu khoa học - kỹ thuật hiện đại, nhận được sự hợp tác hướng dẫn, giúp đỡ từ các chuyên gia nước ngoài, cơ hội tham gia các hội thảo, hội nghị, các chương trình dự án hợp tác phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, hướng tới một nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, đạt hiệu quả cao.

***Câu hỏi 196: Các mô hình hợp tác trong nông nghiệp có thể thực hiện giữa Việt Nam và các nước nhằm tận dụng cơ hội của Hiệp định TPP là gì?***

***Trả lời:***

Về góc độ lý thuyết, có thể hình dung bốn kịch bản hợp tác nông nghiệp giữa Việt Nam và các nước thuộc thành viên khối TPP như sau:

*Một là*, mô hình thuê các công ty bên ngoài thực hiện chế độ trả lương cho nhân viên (Payroll Outsourcing): các doanh nghiệp nước ngoài sẽ thông qua việc thuê các công ty bên ngoài thực hiện chế độ trả lương cho nhân viên sản xuất nông nghiệp của họ tại Việt Nam. Nghĩa là, họ đến Việt Nam với vai trò là công ty xuyên quốc gia, thuê các nhân lực nội địa thực hiện dự án đầu tư nông nghiệp của mình. Đây được xem là hình thức ngày càng thông dụng khi các công ty được thuê chính là những đơn vị hơn ai hết hiểu rõ tầm quan trọng của việc tư vấn về nhân sự, bao gồm từ khâu tuyển chọn nhân sự, trả lương, luân chuyển vị trí làm việc cho đến khâu đánh giá chất lượng công việc. Vì thế, khi sử dụng dịch vụ này từ các công ty tư vấn nhân sự, các doanh nghiệp - khách hàng thường cảm thấy yên tâm hơn.

*Hai là*, mô hình chi định hợp đồng: các doanh nghiệp nước ngoài đưa ra một bộ quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng cao nhằm đặt hàng các công ty có năng lực của Việt Nam thực hiện hợp đồng thương mại. Mô hình này không tạo áp lực cho doanh nghiệp nước ngoài do họ không phải can thiệp vào quá trình sản xuất, nhưng lại phụ thuộc vào lượng cung của doanh nghiệp Việt Nam.

*Ba là, chuyển nhượng kỹ thuật:* các doanh nghiệp nước ngoài sẽ chuyển nhượng quy trình sản xuất, kỹ thuật sản xuất, yêu cầu chất lượng sản xuất nhằm hỗ trợ sản xuất cho doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, Việt Nam sẽ được tập huấn và nhận quy trình tiên tiến, hiện đại trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Đổi lại, Việt Nam sẽ thực hiện xuất khẩu gạo theo quy trình trên sang các nước, tạo nên hiệu quả “cả hai cùng thắng” (Win - Win).

*Bốn là, thuê ngoài ngoại biên (offshore outsourcing):* Đây là hình thức thuê ngoài qua việc di chuyển một phần việc làm của các doanh nghiệp tại nước ngoài sang các nước đang phát triển như Việt Nam nhằm tận dụng lợi thế chi phí nhân công rẻ, tạo ra ưu thế cạnh tranh. Theo đó, các doanh nghiệp nước ngoài sẽ chuyển việc sản xuất nông nghiệp sang Việt Nam, qua Việt Nam đầu tư và đứng ra tổ chức sản xuất, thuê nông dân Việt Nam thực hiện sản xuất nông sản.

***Câu hỏi 197: Dự báo đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp Việt Nam sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực như thế nào?***

***Trả lời:***

Khi Hiệp định TPP có hiệu lực, thị trường nông nghiệp Việt Nam sẽ mở cửa rộng rãi hơn đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, đi kèm với đó thì các rào cản kỹ thuật đối với FDI vào nông nghiệp cũng sẽ tăng lên. Chính vì vậy, sau khi Hiệp định TPP có hiệu lực, dự báo FDI vào nông nghiệp Việt Nam sẽ giảm đi. Không những thế, các doanh nghiệp nước ngoài còn nghi ngại khi đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam bởi quy



mô sản xuất nông nghiệp Việt Nam còn nhỏ lẻ, gây bất lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ và tổ chức sản xuất ở trình độ cao. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua cũng đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp và khiến các nhà đầu tư nước ngoài không muốn tham gia vào thị trường nhiều cạnh tranh như Việt Nam.

***Câu hỏi 198: Giải pháp giúp tăng hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp cho doanh nghiệp Việt Nam là như thế nào?***

***Trả lời:***

Doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam thì phần lớn lợi nhuận sẽ chuyển lại về nước sở tại. Do vậy, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp nội địa hơn là các doanh nghiệp FDI. Trong đó, cần quan tâm đến thị trường nội địa, kết nối các khâu trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, để người sản xuất trong tất cả các khâu đều có lợi. Ngoài ra, nông nghiệp Việt Nam cần tận dụng cơ hội từ Hiệp định TPP, học hỏi kinh nghiệm từ các nước có nền nông nghiệp ở trình độ cao như Mỹ, Nhật Bản,... để từ đó có sự cải thiện về khoa học - công nghệ, quy trình sản xuất và kết cấu hạ tầng trong nông nghiệp.

**★ Đầu tư**

***Câu hỏi 199: Tác động của những quy định về đầu tư trong Hiệp định TPP đối với nông nghiệp Việt Nam như thế nào?***

***Trả lời:***

Khi Hiệp định TPP có hiệu lực, Hiệp định này sẽ thúc đẩy, gia tăng đầu tư của các nước thành viên (nhất là các

nước phát triển như Mỹ, Ôxtrâyliia, Niu Dilân, Xingapo,...) vào Việt Nam. Đặc biệt trong một số lĩnh vực Việt Nam mong muốn phát triển như các ngành nông nghiệp công nghệ cao, TPP sẽ tạo cơ hội hình thành các chuỗi khép kín với công nghệ tiên tiến, tạo khả năng cho Việt Nam tham gia tốt hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Như vậy, thông qua việc đề cập đến những nội dung chính trong đàm phán Hiệp định TPP và một số liên hệ đến lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, chúng ta có thể nhận thấy rằng, TPP là hình thức hội nhập “theo chiều sâu”, trong đó các cam kết mạnh mẽ hơn, ở nhiều lĩnh vực hơn, do đó mức độ tác động tới mỗi ngành cũng lớn và phức tạp hơn.

***Câu hỏi 200: Hướng đầu tư cho khoa học - công nghệ vào nông nghiệp để giúp nông sản Việt Nam vượt qua các rào cản về kỹ thuật cũng như vệ sinh và kiểm dịch như thế nào?***

***Trả lời:***

Việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào nông nghiệp ở Việt Nam rất hữu hạn, chủ yếu là ứng dụng trong các cơ quan quản lý ngành, còn ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp thì mới có một số ít doanh nghiệp thực hiện. Đối với phần lớn người nông dân, dường như đây vẫn là câu chuyện “vượt quá tầm tay”. Tuy nhiên, với sự ra đời của Hiệp định TPP, trong thời gian tới một lượng vốn đầu tư khoa học - công nghệ sẽ được thu hút vào Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Hướng đầu tư cho khoa học - công nghệ vào nông nghiệp trong thời gian tới

nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như giúp nông sản Việt Nam vượt qua các rào cản về kỹ thuật, vệ sinh và kiểm dịch như sau:

Việc ứng dụng công nghệ có thể bắt đầu bằng việc phát triển những dòng sản phẩm kiểm soát dư lượng chất hóa học, thuốc trừ sâu trên các sản phẩm rau và trái cây. Theo đó, các kỹ sư sẽ xây dựng mạng lưới cảm biến được sử dụng để đo nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, carbon dioxide... hay những yếu tố cần thiết giúp phát triển tốt nhất một số cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu.

Đồng thời, chúng ta sẽ phát triển công nghệ truy xuất nguồn gốc ghi nhận lịch sử quá trình trồng trọt và thu hoạch như: giống, ngày trồng, ngày tưới, ngày phun thuốc trừ sâu, liều lượng thuốc. Truy xuất nguồn gốc còn là công nghệ giúp mở rộng đường cho xuất khẩu nông sản Việt Nam. Đối với các nước có nền nông nghiệp phát triển, việc truy xuất nguồn gốc vốn là việc làm thường xuyên và lâu dài trong nhiều năm qua. Doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhận báo cáo truy xuất dễ dàng bằng smartphone, trong đó ghi đầy đủ thông tin về nhà sản xuất ở tất cả các khâu, quá trình sản xuất, chất lượng, việc đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh, nhà nhập khẩu.

### ★ Thương mại điện tử

***Câu hỏi 201: Phát triển thương mại điện tử với các mặt hàng nông sản khi tham gia Hiệp định TPP như thế nào?***

***Trả lời:***

Một trong những yếu tố quan trọng mà doanh nghiệp tham gia xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản

Việt Nam cần lưu ý là làm tốt hơn khâu thương mại điện tử. Theo đó, doanh nghiệp cần đầu tư xây dựng website bằng tiếng Anh để có thể tiếp thị cho các đối tác nước ngoài. Trên đó, các thông tin về doanh nghiệp phải chân thực, đầy đủ, rõ ràng. Đã có những trường hợp, doanh nghiệp Đức muốn hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp Việt Nam nhưng không có cách nào để tìm kiếm được thông tin đầy đủ về doanh nghiệp mà phải thông qua những khâu trung gian; điều này khá bất tiện. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần kết nối với các trang mạng bán hàng quốc tế, tích cực tham gia các hội chợ quốc tế. Khi đã có đơn hàng, điều doanh nghiệp phải chú ý là kịp thời phản hồi thông tin cho khách hàng, đây là điều cơ bản để doanh nghiệp có thể hội nhập hiệu quả.

**PHỤ LỤC**  
**Danh mục các chỉ dẫn địa lý**  
**đăng ký bảo hộ trong nước của Việt Nam**  
*(Tính đến ngày 12-11-2015)*

<b>Số đăng bạ</b>	<b>Ngày cấp</b>	<b>Chỉ dẫn địa lý</b>	<b>Sản phẩm</b>
00001	1-6-2001	Phú Quốc	Nước mắm
00002	6-6-2001	Mộc Châu (Sơn La)	Chè Shan tuyết
00003	13-5-2002	Cognac	Rượu mạnh (Cộng hòa Pháp)
00004	14-10-2005	Buôn Ma Thuột	Cà phê nhân
00005	8-2-2006	Đoan Hùng (Phú Thọ)	Bưởi quả
00006	15-11-2006	Bình Thuận	Quả thanh long
00007	15-2-2007	Lạng Sơn	Hoa hồi
00008	23-5-2007	Pisco	Rượu (Cộng hòa Peru)
00009	25-5-2007	Thanh Hà (Hải Dương)	Quả vải thiều
00010	30-5-2007	Phan Thiết	Nước mắm
00011	31-5-2007	Hải Hậu (Nam Định)	Gạo Tám Xoan

00012	31-5-2007	Vinh	Quả cam
00013	20-9-2007	Tân Cương (Thái Nguyên)	Chè
00014	25-6-2008	Hồng Dân (Bạc Liêu)	Gạo Một Bụi Đỏ
00015	25-6-2008	Lục Ngạn (Bắc Giang)	Vải thiều
00016	30-9-2009	Hòa Lộc	Xoài Cát
00017	30-9-2009	Đại Hoàng (Hà Nam)	Chuối Ngr
00018	7-1-2010	Văn Yên	Quế vò
00019	25-6-2010	Hậu Lộc (Thanh Hóa)	Mắm tôm
00020	19-7-2010	Huế	Nón lá
00021	8-9-2010	Bắc Kạn	Hồng không hạt
00022	9-11-2010	Phúc Trạch	Quả bưởi
00023	19-11-2010	Scotch whisky	Rượu mạnh (Scôtlen)
00024	19-11-2010	Tiên Lãng	Thuốc Lào
00025	10-10-2011	Bảy Núi	Gạo Nàng Nhen Thơm
00026	21-3-2011	Trùng Khánh	Hạt dẻ
00027	10-8-2011	Bà Đen	Mãng cầu (na)
00028	13-10-2011	Nga Sơn (Thanh Hóa)	Cói

00029	13-10-2011	Trà My	Quế vô
00030	7-2-2012	Ninh Thuận	Nho
00031	14-11-2012	Tân Triều	Bưởi
00032	14-11-2012	Bảo Lâm	Hồng không hạt
00033	14-11-2012	Bắc Kạn	Quýt
00034	30-11-2012	Yên Châu (Sơn La)	Xoài tròn
00035	1-3-2013	Mèo Vạc (Hà Giang)	Mật ong
00036	29-8-2013	Năm roi Bình Minh	Bưởi
00037	12-12-2013	Chả mực “Hạ Long”	Chả mực
00038	12-12-2013	Muối ăn Bạc Liêu	Muối ăn
00039	18-12-2013	Luận Văn (Thọ Xuân, Thanh Hóa)	Bưởi
00040	18-12-2013	Hoa mai vàng Yên Tử	Hoa mai vàng
00041	26-3-2014	Con ngán Quảng Ninh	Con ngán
00042	18-9-2014	Isan Thái Lan	Tơ tằm truyền thống
00043	25-9-2014	Điện Biên	Gạo

00044	28-10-2014	Vĩnh Kim (Tiền Giang)	Vũ sữa Lò Rèn
00045	28-10-2014	Quảng Trị	Hạt tiêu
00046	5-11-2014	Cao Phong (Hòa Bình)	Cam
00047	12-11-2015	Vân Đồn (Quảng Ninh)	Sá sùng

*Nguồn:* Tổng hợp từ tài liệu của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.



Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ  
ThS. NGUYỄN MINH HUỆ  
TRẦN THỊ THANH PHIỆT  
Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU  
Chế bản vi tính: NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Sửa bản in: TẠ THU THỦY  
Đọc sách mẫu: BAN KINH TẾ

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT; Số 8/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctgg.vn, Website: www.nxbctgg.vn**

## TÌM ĐỌC SÁCH

**PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn**

**\* HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)  
VÀ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆT NAM**

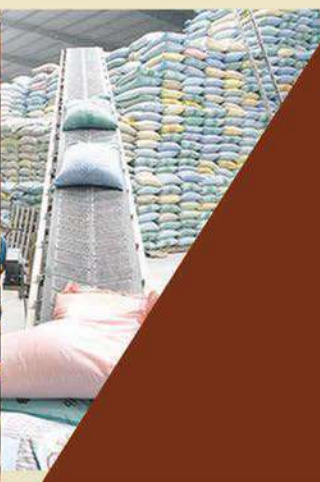
**Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng**

**Đỗ Liên Hương, Võ Thị Thanh Tâm, Phạm Thị Kim Dung**

**\* ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM -  
BỐI CẢNH, NHU CẦU VÀ TRIỂN VỌNG**

**Vũ Trọng Khải**

**\* PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM  
HIỆN NAY - NHỮNG TRĂN TRỞ VÀ SUY NGẪM**



ISBN 978-604-57-2842-0



SÁCH KHÔNG BÁN